

HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN
SÁCH XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

HỌC ĂN, HỌC NÓI
HỌC GÓI, HỌC MỞ



ST NHÀ XUẤT BẢN
CHÍNH TRỊ QUỐC GIA


NHÀ XUẤT BẢN
THANH NIÊN

HỌC ĂN, HỌC NÓI, HỌC GÓI, HỌC MỞ

PHẠM ĐỨC

HỌC ĂN, HỌC NÓI, HỌC GÓI, HỌC MỞ

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT
NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN
NĂM 2012

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Đất nước ta đang hội nhập quốc tế, xây dựng và phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong đời sống mọi mặt đã có nhiều thay đổi với không ít những điều tích cực, nhiều cái mới đã ra đời và phát triển, việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc và tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại đã có những thành tựu đáng kể, đáng trân trọng và phát huy,... Tuy nhiên, bên cạnh đó cũng xuất hiện những biểu hiện tiêu cực, sự suy thoái trong đạo đức, lối sống, tư tưởng sính ngoại, chạy theo thị hiếu tầm thường, thiếu hiểu biết, xa rời những giá trị văn hóa của dân tộc,... Thực tế đó yêu cầu phải làm cho văn hóa thấm sâu vào từng con người, từng gia đình, từng khu dân cư, hoàn thiện giá trị mới của con người Việt Nam; kế thừa các giá trị truyền thống của dân tộc và tiếp thu tinh hoa văn hóa của loài người, tăng cường sức đề kháng chống văn hóa đồi trụy, độc hại; nâng cao tính văn hóa trong mọi hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội và sinh hoạt của nhân dân.

Để góp phần đáp ứng yêu cầu trên, thực hiện Đề án trang bị sách cho cơ sở xã, phường, thị trấn, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật và Nhà xuất bản Thanh niên phối hợp xuất bản cuốn sách *Học ăn, học nói, học gói, học mở* của tác giả Phạm Đức.

Nội dung cuốn sách khá phong phú, đa dạng. Đi từ ý nghĩa của những câu chuyện cổ, những câu thành ngữ, tục ngữ, ca dao, dân ca và cả những kỷ niệm, những nghĩ suy của chính mình, tác giả từ từ diễn giải để rồi rút ra những nhận định, bài học mang tính giáo dục sâu sắc một cách nhẹ nhàng, gần gũi, dễ nhớ, dễ hiểu,...; hướng người đọc tới cái hay, cái đẹp, tránh cái dở, cái xấu; mang lại sự hiểu biết về những giá trị mang tính nhân loại, khơi gợi tình yêu và lòng tự hào về tinh hoa văn hóa của dân tộc. Đồng thời, người đọc cũng thấy được sự suy tư, trăn trở đầy trách nhiệm và tâm huyết với con người, với cuộc sống, với đất nước, dân tộc của tác giả.

Chưa thật đầy đủ nhưng cuốn sách thật thú vị. Có thể nói, tác giả đã thành công với mục đích của mình.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 11 năm 2012

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT
NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

Mấy lời chia sẻ...

Ăn tưởng là rất dễ, hoá ra cũng không mấy dễ dàng; hoá ra ăn cũng phải học, mà học đến suốt đời kia!

Học ăn có thể chia ra hai "ngành" lớn.

Là đạo lý về ăn.

Và kỹ thuật ăn.

Hãy thử bàn về "ngành" đạo lý ăn đã.

Trước hết là đặt vị trí cái sự ăn (uống) trong đời người. Ai dám phản đối kết luận *có thực mới vực được đạo*? Đang đói bụng thì khó mà nhập được, khó mà truyền bá và thực thi đạo lý, dù nó đúng đắn nhất và cao siêu thượng hạng!

Nhưng cũng không ai dám phản đối điều hệ trọng là con người cần *ăn để sống chứ không phải sống để ăn*.

Hai điều lớn kể trên sao cho kết hợp thật nhuần nhuyễn, vừa bổ sung, vừa thúc đẩy lẫn nhau. Từ ăn no mặc ấm, đến ăn ngon mặc đẹp, tới nữa là ăn theo khoa học và mặc theo thời trang, v.v.. Kết hợp và thúc đẩy kiểu gì cũng vẫn không ra ngoài quy luật: Ăn (ở, mặc) đến một mức nào đó là bão hoà, nhưng cái đạo, cái đời sống tinh thần thì luôn luôn chưa đủ. Vận dụng vào ý tưởng "Chở bao nhiêu đạo thuyền không khẳm" (Nguyễn Đình Chiểu),

thì con người là một thứ thuyền như vậy. Con người cần được hưởng thụ ngày càng đầy đủ hơn, tinh lọc hơn, khoa học hơn để có một cuộc sống chất lượng cao, đủ sức lực, trí tuệ và tâm hồn sử dụng cuộc sống của mình, cống hiến điều gì đó cho lợi ích cộng đồng, tạo ra một lẽ sống cao đẹp xứng đáng với con người.

Ăn, thực là quan trọng. Quan niệm về ăn thế nào, có thể hiểu được anh là con người thế nào! Chả thế mà trong ca dao, tục ngữ, thành ngữ của dân tộc ta lại đề cập rất nhiều quanh lĩnh vực đáng quan tâm này. Có những câu chỉ là nhận xét, trình bày cuộc sống đa dạng và cụ thể, kiểu như: *Ăn sóng, nói gió; Ăn Bắc, nói Nam; Ăn chắc, mặc bền; Ăn đắng, nuốt cay; Ăn bữa sáng, lo bữa tối;...*

Có những câu vốn là một lời khuyên về nếp ăn ở và xử thế trong chuyện ăn uống như: *Ăn trông nồi, ngồi trông hướng; Ăn có mời, làm có khiến; Ăn quả nhớ kẻ trồng cây; Ăn bớt bát, nói bớt lời; Ăn có nhai, nói có nghĩ; Ăn tùy nơi, chơi tùy chốn; Khéo ăn thì no, khéo co thì ấm;...*

Có những kiểu ăn bị lên án, ví như: *Ăn thật, làm giả; Ăn liều, tiêu càn; Ăn chó cả lông, ăn hồng cả hột; Ăn chạc, uống chằng; Ăn xổi, ở thì; Ăn đơm, nói đặt; Ăn như mỏ khoét; Ăn không nên đọi, nói chẳng nên lời; Ngậm miệng ăn tiền; Theo đóm ăn tàn;...* Lại nhiều kiểu ăn đáng khen ngợi, ví như: *Ăn ngọt trả bùi; Ăn lấy thơm lấy tho;...* Nhiều khi ăn chỉ là cái cớ để nói về tình nghĩa giữa con

người với nhau. Trước hết, phải nói đến sự quý trọng hạt gạo, lòng biết ơn những người đã làm ra hạt gạo, củ khoai, củ sắn… nuôi ta lớn lên:

- Cơm này là ngọc là châu
Không cày, không cấy biết đâu cơm vàng.

- Cày đồng đang buổi ban trưa
Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày

- Ai ơi! Bưng bát cơm đầy
Dẻo thơm một hạt, đắng cay muôn phần!

Mà thực ra ăn uống chỉ cốt để duy trì cuộc sống - với bao nhiêu tình cảm, kỷ niệm, vượt lên mọi vật chất tầm thường:

- Rủ nhau xuống bể mò cua
Lên rừng hái quả mơ chua nấu cùng
Hai ta chua ngọt đã từng
Non mòn biển cạn ta đừng quên nhau.

Ăn có lúc dường như không cần thiết:

- Nhớ ai, nhớ mãi thế này
Nhớ đêm quên ngủ, nhớ ngày quên ăn.

- Đói lòng ăn nửa trái sim
Uống nửa bát nước, đi tìm người thương.

Ăn, nhiều khi được đánh giá không phụ thuộc vào những món đó; mà còn kể cả đồ dùng (*Bát sạch ngon cơm*), quan trọng nhất là không khí bữa ăn, quan hệ trong bữa cơm, ví như:

- Thà rằng ăn bát cơm rau
Còn hơn cá thịt, nói nhau nặng lời.

- Cơm tám mà ăn với giò
Ông chẳng, bà chuộc những lo cùng phiền.

Đôi khi cảm xúc được đẩy tới mức như vô lý:

- Nhác trông thấy bóng anh đây
Ăn chín lạng ớt, ngọt ngay như đường.

- Râu tôm nấu với ruột bầu
Chồng chan vợ húp, gật đầu khen ngon.

... Ăn uống, ăn mặc, ăn ở, ăn làm, ăn nói, tất cả những sự kết hợp với từ "ăn" đã tạo nên trọn vẹn nhóm từ ngữ nói về cách sống, cách xử thế của con người với xã hội và thiên nhiên. Như thế có nghĩa là bàn đến chuyện "học ăn, học nói, học gói, học mở"; là bàn đến muôn mặt của quan hệ giữa con người với con người, giữa con người với thiên nhiên; là bàn đến chuyện hiện tại và chuyện từ ngàn xưa.

Điều chú trọng của soạn giả là làm sao cho mọi câu chuyện, mọi tình tiết trong cuốn sách này đều là chuyện của nước ta, của người ta, trong đó kho tàng ca dao, tục ngữ, thành ngữ, truyện dân gian của dân tộc đã gợi ý cho soạn giả rất nhiều. Soạn giả hy vọng rằng ngoài việc cùng suy ngẫm những điều đưa ra, bạn đọc còn có thêm những hiểu biết về lịch sử nước nhà, cũng như kho tàng phong phú của tiếng Việt.

Ước muốn lớn, thời gian đầu tư cũng không ít, nhưng với khả năng hạn chế, soạn giả mong mỏi và biết ơn được bạn đọc gần xa chỉ bảo những sơ sót của cuốn sách nhỏ này.

Làng Khương - Xuân 2008

Phần một

HỌC ĂN

Có ai đó vội vã và ngây thơ sẽ cho rằng: Ăn thì có gì là khó! Ăn là dễ hạng nhất! Có gì mà phải học!

Tưởng thế thật, nhưng ngẫm kỹ thì thấy chưa chắc đã phải vậy. Này nhé, nếu là dễ, sao các cụ ta ngày xưa lại bỏ nhiều công sức để nhắc nhở về chuyện ăn uống? Ví như: *Ăn vóc, học hay; Ăn nhai, nói nghĩ; Ăn trông nồi, ngồi trông hướng; Học ăn, học nói, học gói, học mở; Miệng ăn núi lở…*

Vậy là, ăn - vấn đề không đơn giản. Học ăn, học nói. Vậy, học ăn nghĩa là phải học những gì? Khoan bàn đến những khía cạnh đạo đức hay văn hoá (vốn hết sức phong phú trong chuyện ăn uống) mà chỉ bàn đến việc ăn đối với sức khỏe con người. Có nghĩa là ăn để phòng bệnh và ăn để chữa bệnh. Thí dụ như bàn đến một câu tục ngữ rất ngắn gọn: *Ăn nhai, nói nghĩ.* Chỉ 4 từ - rõ ràng, dứt khoát mà khẳng định hai điều thường gặp trong đời người, trong đó có sự khẳng định: Ăn phải nhai.

Đôi hàm răng làm việc chăm chỉ, đúng cách là sự che đỡ cho dạ dày rất nhiều. Ăn vội vàng, nhai qua loa, nuốt lấy nuốt để là cách tốt nhất để chóng đau dạ dày.

Nhai kỹ, còn làm cho khứu giác, vị giác "thấy được" cái ngon của thức ăn, tạo điều kiện cho thức ăn được "tiếp nhận chu đáo, có kỹ thuật", nhờ thế mà thức ăn cũng dễ được tiêu hoá tốt hơn.

Đấy là "kỹ thuật" nhai, lại còn việc ăn vào thời điểm nào. Ví dụ, các nhà khoa học cho rằng, bữa sáng cần ăn đầy đủ nhất, bữa trưa bình thường, bữa tối ăn nhẹ. (Có câu nói vui: Bữa sớm ăn cho mình, trưa ăn cho bè bạn, tối ăn cho kẻ thù; cũng là ở ý nghĩa ấy!). Lại còn phải ăn tươi, ăn sạch.

Trong khi ăn có nên kết hợp đọc sách, xem ti vi, hoặc công việc gì đó không?

Lứa tuổi nào ăn thứ gì là phù hợp?

Tình trạng sức khỏe và ăn uống có liên quan thế nào? Chưa nói đến, rủi ta có bệnh tật gì, thì ăn uống càng phải tính toán kỹ, thực hiện đúng theo chỉ dẫn của chuyên môn nữa!

Lại còn phụ thuộc vào tạng người, vào cơ địa mỗi người mà có sự dị ứng với thức ăn này hay thức ăn khác.

Ôi, biết bao việc phải tính toán, cân nhắc đến miếng ăn hằng ngày để giúp cho sức khoẻ, để đề phòng bệnh tật, để rèn giũa cả tính cách con người...

Quả là ăn cũng phải học thật, mà là học suốt đời mỗi người nữa đấy!

HỌC NÓI

Học để biết nói thì trẻ lên ba, lên bốn coi như đã xong công việc. Mà đôi khi, chẳng cần ai dạy, chả cần học hành cẩn thận, trẻ cứ bắt chước người lớn là đã biết nói rồi.

Nhưng sự nói ở đời đâu có nhẹ nhàng như vậy.

Càng trải nhiều càng thấy lời nói thể hiện rõ ràng trình độ, tính cách và tâm lý của con người; càng thấy dùng lời nói sao mà khó vậy, mà kỳ diệu và tinh tế đến vậy!

Không chỉ ý nghĩa lời nói mà cả âm thanh, nhịp điệu, tốc độ... của nó cũng thật phong phú, cũng thật biến đổi tài tình, tinh vi, lý thú... *Nói xa nói gần; Nói bóng gió; Nói cạnh khoé; Thì thầm; Thẽ thọt; Gào thét; La lối; Tỉ tê; Băm bổ;...*

Rồi: *Ăn sóng, nói gió; Nói ngọt như mía lùi; Nói nhăng, nói cuội; Nói kháy; Nói mỉa; Nói như rót mật; Nói như đấm vào tai;. Lúng búng; Ấm ớ; Ề à;...*

Nói như là gieo. Mà thông lệ, gieo gì sẽ gặt nấy. Có lời vàng ý ngọc. Có lời nói đọi máu. Có người khôn ăn nói dịu dàng dễ nghe. Có lời thơn thớt mà dạ ớt ngâm. Có lời người ta hong khói để bền. Có lời chín hẹn thì quên cả mười...

Rồi cả đến ngữ điệu (nhất là thứ tiếng Việt ta vốn nhiều cung bậc), ngữ cảnh cũng là điều ta cần hiểu, cần sử dụng cho phù hợp... Đại để những nét lớn về nói là như vậy.

Thêm nữa, cả tiếng cười, nét mặt, điệu bộ chân tay, cơ thể cũng phù họa với lời nói. Đúng hơn, nhiều khi đó cũng là lời nói lặng lẽ. Một nét cau mày. Cái đầu gật gù hay lắc. Một cách thể hiện nào đó: nhún vai, nheo mắt, phẩy tay, dậm chân, lê bước, cúi đầu, bĩu môi, nhếch mép, chun mũi, trừng mắt, bặm môi...

Học nói còn là học im lặng. Im lặng tức là lắng nghe. Nghe được cả những tiếng lặng im kể trên. Và nói được kiểu lặng im như thế.

Sự nói ở đời kể đến thế vẫn là chưa đầy đủ, nhưng đã thấy đủ đầy sự bề bộn, tầng tầng lớp lớp, thực thực, ảo ảo... Như vậy không học có thể được chăng? Học riết riết có thể dám nói là biết hết chăng?

Biển học khôn cùng.

Mỗi ngày một chút.

Thì rồi ra ít nhất cũng được là người không đến nỗi nông cạn quá, không đến nỗi điếc không sợ súng. Mà sự học này quan trọng nhất là tự mình, quan trọng thứ hai là kiên nhẫn.

Thâu nạp (gồm cả nghe, nhìn, đọc...) và ngẫm nghĩ đó là đôi chân của người tự học đấy.

HỌC GÓI, HỌC MỞ...

Cái câu "Học ăn, học nói, học gói, học mở" dường như đã tổng kết rằng mọi sự trên đời này đều phải học mới nên.

Học ăn, học nói... Đúng rồi! Nhưng học gói, học mở là thế nào đây? Gói với nghĩa đen, cũng giống như đóng gói chăng? Mà ngày xưa, tất cả đều chỉ nhờ mười ngón tay khéo léo, nào có máy móc gì! Cho nên phải học, học và thực hành, đến thuộc, đến quen tay, đến khéo léo, đến có thể tạo nên những sản phẩm mang dấu ấn của riêng mình.

Hãy ví dụ chuyện gói bánh chưng. Định lượng thì đã có chuẩn bao nhiêu gạo, đỗ, thịt. Người gói chặt hay lỏng tay, xếp thịt và đỗ thế nào, đặt lá ra làm sao, những chuyện đó chỉ nhờ kinh nghiệm mà thành, mà thuần thục (Những năm cha tôi còn sống, bao giờ người cũng gói bánh. Gói không khuôn và khá đẹp. Sau đấy, vắng người khởi xướng và thực hành, việc gói bánh, và tất nhiên cả luộc bánh, vào ngày 30 Tết đã không còn ở gia đình nữa).

Lý thuyết về gói bánh chưng chắc không được mấy dòng, nhưng thực hiện cho thành cái bánh có

góc có cạnh, hơn nữa vuông thành sắc cạnh, đều nhờ cả ở sự kiên nhẫn, tinh ý và tỉ mỉ...

Hay như têm trầu - một sự gói ghém đặc biệt. Sự gói ghém món quà biểu trưng cho lời mời - miếng trầu là đầu câu chuyện. Ngay thời xưa, cũng không phải ai cũng biết têm trầu, nữa là têm trầu cánh phượng, đến nỗi nhìn miếng trầu đủ để nhận ra người quen (như nhà vua trẻ nhận ra miếng trầu của Tấm sau bao xa cách).

Có lẽ nguyên tắc chung của học gói là sao cho hợp lý, chặt chẽ, gọn ghẽ, và đẹp. Nhìn rộng ra thì việc sắp xếp như sắp xếp một cái ba lô cũng là chuyện học gói vậy.

Thời chiến, cái ba lô chứa đủ mọi thứ đáp ứng yêu cầu tối thiểu của cuộc sống người lính. Tính toán, sắp xếp sao cho đầy đủ, ngăn nắp, gọn ghẽ. Và tập sắp xếp sao cho nhanh nhất, thuộc làu, để ngay khi báo động, bất kể đêm hay ngày, không quên, không sót, không vương vãi, lôi thôi. Chuyện đó đương nhiên là phải học, phải tập thật nhuyễn. Nhớ thời lính mới, chúng tôi, sau buổi báo động chạy hành quân về, tiểu đội trưởng lại nhặt nhạnh được khá nhiều trang bị lặt vặt của chúng tôi rơi vãi dọc đường.

Có gói ắt có mở, yêu cầu mở có lẽ cũng tương tự, theo một quy trình ngược lại. Mở mà không tung toé ra, mở để có thể gói lại dễ dàng, mở mà vẫn trong tầm tay mình. Ngày xưa, bà tôi vẫn kể:

Con dâu mới về nhà chồng mà không biết mở gói mắm tép (gói mắm buộc dây lạt, người mở không khéo léo mắm sẽ bắn tung toé lên mặt mũi, đầu tóc, quần áo) thì thể nào cũng bị bà mẹ chồng nguýt dài...

Đại để học gói học mở là như vậy.

Tuy nhiên, còn có thể hiểu gói và mở theo nghĩa bóng, là điều gì có thể hé mở, mở hay mở rộng; và điều gì phải gói lại, phải giữ kín.

Nói ở đâu, lúc nào, mức độ nào, hay sống để bụng, chết mang đi? Mở và gói, gói và mở, lúc này hay lúc khác, ở đây hay ở kia.

Âu cũng là cách xử thế trong mối quan hệ vậy thôi. Thế là học gói, học mở hoá ra cũng không đơn giản chút nào!

GIỮ NƯỚC

Ngày nay, Giỗ Tổ Hùng Vương đã trở thành Quốc lễ của đất nước ta.

Mà từ xưa, ngày Giỗ Tổ đã được ghi nhớ và lưu truyền trong dân gian:

- Ai về Phú Thọ cùng ta
Vui ngày Giỗ Tổ tháng Ba mùng Mười
Dù ai đi ngược về xuôi
Nhớ ngày Giỗ Tổ mùng Mười tháng Ba.

Nhớ đến ngày Giỗ Tổ, nhớ đến Đền Hùng, không thể không nhớ đến ngày Bác Hồ về thăm Đền Hùng và nói chuyện với cán bộ, chiến sĩ Đại đoàn Quân tiên phong.

Đó là ngày 19-9-1954.

Người căn dặn: "*Các vua Hùng đã có công dựng nước, / Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước*"[1].

Một lời dạy của Người đã gắn kết muôn xưa với hiện tại và tương lai. Lời của Người vừa thân mật, ruột thịt vừa là một quân lệnh. *Bác cháu ta*

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.9, tr. 59.

phải cùng nhau nghĩa là nhiệm vụ giữ nước không ai không phải lo góp sức, góp của, góp nghĩ, không lúc nào được lơ là. Nhiệm vụ giữ nước đã, đang và sẽ kéo dài suốt lịch sử dân tộc ta.

Thời chiến thì việc đó rõ rồi! Biết bao cuộc chiến đấu chống giặc ngoại xâm, dù khi chiến thắng oanh liệt hay khi tạm thời thất bại, vẫn tô thắm truyền thống quật cường, bền bỉ, sáng tạo của quân và dân ta.

Làm sao kể hết những khúc ca chiến đấu bi hùng ấy. Làm sao nhớ hết những hình tượng người chiến sĩ Việt Nam chiến đấu, cảm tử cho sự sống còn của đất nước.

Dào dạt, oai linh, trùng điệp, bất tận và lặng lẽ - những cuộc chiến và sự hy sinh.

Bừng bừng một lời thề của cả dân tộc: "Giặc đến nhà, đàn bà cũng đánh". Và ung dung tư thế một chiến sĩ lão thành, một lãnh tụ nhà thơ: "*Chống gậy lên non xem trận địa, / Vạn trùng núi đỡ vạn trùng mây. / Quân ta khí mạnh nuốt Ngưu Đẩu. / Thề diệt xâm lăng lũ sói cầy*"[1].

Ngày nay, giữ nước vẫn còn cần hàng ngàn hàng vạn người con ưu tú nhất đứng ở nơi biên cương, hải đảo, đầu sóng ngọn gió, lặng thầm, bền bỉ hy sinh tuổi xanh và trí lực cho vẹn toàn từng tấc đất, từng khoảng biển, từng tầng trời.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.6, tr.441.

Nhưng giữ nước trong thời bình cũng là xây dựng đất nước. Giữ nước là để có một đất nước yên bình, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Giữ nước là xây dựng công nghiệp hoá và hiện đại hoá, phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đưa Tổ quốc ta vươn ra biển, sánh ngang tầm khu vực cũng như trên thế giới.

Giữ nước còn sâu xa hơn ở việc giữ một tâm hồn Việt, văn hoá Việt, lời nói Việt, câu thơ, tiếng ca, điệu múa Việt, phong cách xử thế Việt, trang phục Việt thật hiện đại mà vẫn là Việt, thật mới lạ mà vẫn là ta.

BA LỜI DẠY CỦA NGƯỜI XƯA

Lấy sức mạnh của đất nước là cơ bản để xây dựng và tiến tới, ta còn luôn tôn trọng và mong muốn sự giúp đỡ của anh em, láng giềng, bè bạn…

Sự giúp đỡ đó đang được mở rộng: viện trợ và cho vay, nguồn này và nguồn nọ.

Đáng mừng! Là vì ông bà ta có câu *Trông giỏ bỏ thóc*. Sự giúp đỡ đó chứng tỏ một vị thế, một tư cách, một sức mạnh của chính chúng ta.

Nhưng cũng lo! Là vì ông bà ta còn có câu: *Tốt vay dầy nợ!*.

Không ít ai đó coi của vay như trời cho, nên dùng nó tùy tiện tựa trò chơi. Chi tiêu thiếu đúng mức, đúng hoàn cảnh, đúng đòi hỏi của đất nước, của địa phương, của người dân lao động.

Có bao nhiêu vốn vay xây dựng nhà máy, công trình đang đắp chiếu? Bao nhiêu hàng "phế phẩm" mua về chưa dùng được?

Có biết bao nhiêu vốn vay đã rò rỉ, thẩm lậu, tan nát vào những nơi không đáy, vô hình, vô tận?

Có biết bao cán bộ đã tối mắt, chìm lẫn trong nguồn vốn này nọ? Họ đã phải trả giá là đúng nhưng cũng là nỗi xót đau chung. Mà nợ thì còn nguyên đó. Vốn vay không được phát huy tác dụng thì lấy gì mà trả nợ đây?

Chắc là cần phải nhắc đến câu *Đời cha ăn mặn - Đời con khát nước* chăng?

VUA TRẦN ANH TÔNG THÔNG MINH - HIẾU ĐỄ

Trần Anh Tông là vị vua mở đầu thời kỳ thứ hai của nhà Trần (1243 - 1341), thời kỳ hòa bình giữa ta và phong kiến phía Bắc, sau ba lần ta đại thắng quân Nguyên. Ông làm vua 21 năm, nhường ngôi 6 năm, thọ 54 tuổi.

Chuyện ghi rằng, thái tử Trần Thuyên lên ngôi - tức là vua Trần Anh Tông - lúc đầu còn hay uống rượu và đêm thường hay lén ra ngoài đi chơi, có khi bị đồ vô lại phạm đến (có thể hiểu là chơi bời và ẩu đả).

Một hôm, rượu say, đến nỗi thượng hoàng Nhân Tông từ Thiên Trường về kinh, các quan đều ra đón rước, mà vua vẫn nằm ngủ. Thượng hoàng cả giận, truyền xa giá về ngay Thiên Trường và hạ chiếu cho bách quan về đấy hội nghị. Vua tỉnh dậy, biết chuyện, sợ quá, vội chạy ra ngoài cung gặp một người học trò tên là Đoàn Nhữ Hài, mượn thảo bài biểu tạ tội. Rồi cùng Hài xuống thuyền đi suốt đêm đến phủ Thiên Trường. Thượng hoàng xem biểu, quở mắng một lúc, rồi

tha lỗi cho. Sau về kinh, Anh Tông cho Đoàn Nhữ Hài làm Ngự sử trung tán và từ đấy không uống rượu nữa.

(*Bàn rằng*: Lên ngôi ở tuổi 27, Anh Tông là một ông vua trẻ. Vua thì vẫn là vua, mà trẻ vẫn là tuổi trẻ; ham chơi một chút, rượu chè một chút; cũng có khi đánh nhau, cũng có khi lén lút. Vậy mà chỉ một lần bị quở trách, Anh Tông đã sửa bỏ ngay tật xấu và còn biết cách tạ lỗi cùng vua cha. Có được vua con ấy đương nhiên phải có vua cha như Nhân Tông. Thật nghiêm khắc với con, đồng thời lại rộng lượng khi con đã ăn năn, hối lỗi. Người cha này biết tin vào con; người con này biết kính trọng cha).

Sử còn chép, khi Anh Tông đau nặng, hoàng hậu cho đi gọi thầy tăng về để làm lễ xem sự sinh tử. Anh Tông gạt đi mà bảo rằng: Thầy tăng đã chết đâu mà biết được sự chết!

(*Lời bàn*: Hơn 700 năm trước, cuộc sống còn nhiều lạc hậu, u mê, vậy mà ông vua này đã có cái nhìn trong trẻo, dứt khoát đối với trò mê tín dị đoan, lừa bịp bao nhiêu lớp người. Lừa cho đến tận bây giờ. Và nực cười thay, ngày nay nhiều người còn quá tin vào tài năng của những người có thể trò chuyện với "người âm", có thể gọi hồn lên và thay hồn trò chuyện với khổ chủ, nói vanh vách mọi chuyện riêng tư của gia đình...

Mới đây ở Hà Nội, nhiều quý bà còn đến chầu chực để thầy làm lễ "đổi tên" cho, họa may mới làm

ăn được, họa may mới sinh con, nuôi được con, có hạnh phúc. Tất nhiên không phải đổi tên thật, chỉ đổi với sự công nhận của thần thánh và mỗi tên đổi đó phải trả cho thầy 50 ngàn, mà thường phải đổi tên cả vợ chồng, con cái mới đồng bộ và có hiệu quả!

Ngẫm nghĩ lại thì vua Anh Tông quả là thông minh thật!).

Thời vua Anh Tông được coi là thời rất thịnh của đời nhà Trần. Trong triều có nhiều người tài giỏi, hết lòng giúp việc nước. Văn như ông Trương Hán Siêu, võ như ông Phạm Ngũ Lão đều là người có tài trí cả. Việc học hành được mở mang rộng rãi, cho nên nhiều người có tài văn học như Mạc Đĩnh Chi, Nguyễn Trung Ngạn đều đỗ, ra làm quan giúp việc triều đình.

NHỮNG LỜI TÂM HUYẾT CUỐI CÙNG CỦA TRẦN HƯNG ĐẠO

Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn là một danh tướng đệ nhất nước Nam, có công to trong việc đánh giặc Nguyên, được phong làm *Thái sư, Thượng phụ, Thượng quốc công, Bình Bắc đại nguyên súy, Hưng Đạo đại vương.*

Đến đời vua Anh Tông thì ông xin về trí sĩ ở Vạn Kiếp. Khi ông sắp mất, Vua Anh Tông ngự giá đến thăm. Thấy ông bệnh nặng, vua mới hỏi rằng: Thượng phụ một mai khuất núi, quân phương Bắc lại sang thì làm thế nào?

Hưng Đạo vương tâu bày suy nghĩ về những cuộc chiến từ thuở Triệu Võ vương dựng nghiệp, đến đời Đinh, Lê, Lý. Mỗi thời điểm có tình hình hai bên và có cách đánh riêng phù hợp, tạo nên thắng lợi. Kế đến bản triều, giặc kéo đến vây bọc bốn mặt, may được vua tôi đồng lòng, anh em hòa mục, cả nước đấu sức lại mà đánh, mới bắt được tướng kia, cũng là trời giúp ta mới được thế...

Đại thể, kẻ kia cậy có tràng trận, mà ta thì cậy có đoản binh; lấy đoản chống nhau với tràng, phép dùng binh thường vẫn phải thế. Còn như khi nào quân giặc kéo đến ầm ầm, như gió, như lửa, thế ấy lại dễ chống. Nếu nó dùng cách dần dà, như tằm ăn lá, thong thả mà không ham của dân, không cần lấy mau việc, thế ấy mới khó trị; thì ta nên kén dùng tướng giỏi, liệu xem quyền biến, ví như đánh cờ, phải tùy cơ mà ứng biến, dùng binh phải đồng lòng như cha con một nhà, thì mới có thể đánh được. Cách ấy cốt phải tự lúc bình thì khoan sức cho dân, để làm kế sâu rễ, bền gốc, đó là cái thuật giữ nước hay hơn cả[1].

Anh Tông chịu lời ấy là rất phải.

Được mấy hôm thì Hưng Đạo vương mất (ngày 20 tháng tám năm Canh Tý 1300). Vua và các quan ai nấy đều tiếc thương lắm!

Lời tâm huyết trên, mỗi dòng là một đúc kết kinh nghiệm đánh giặc, giữ nước thật sâu xa.

Ví như nói về sức giặc ào ào, như gió, như lửa lại dễ chống, dễ phá hơn là cách dần dà như tằm ăn lá, thong thả mà không ham của dân. Hay dùng binh phải đồng lòng như cha con một nhà thì mới đánh được cách "tằm ăn lá" của kẻ xâm lược! Nhưng thật chí lý là ý tưởng này "cốt phải tự lúc

---

1. Xem Trần Trọng Kim: *Việt Nam sử lược,* quyển 1.

bình thì khoan sức cho dân, để làm kế sâu rễ, bền gốc, đó là cái thuật giữ nước hay hơn cả".

Có nghĩa là, chống giặc, đánh giặc từ khi chúng chưa đến. Đánh giặc, thắng giặc bằng chính sự lớn mạnh của đất nước, của nhân dân, của mỗi thành phố, làng xóm, của mỗi gia đình, tới từng người dân.

Có nghĩa là, như chúng ta ngày nay, phấn đấu xây dựng một Tổ quốc: *dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh* cũng chính là đang đánh giặc, làm sao thật sự là "khoan sức cho dân, để làm kế sâu rễ, bền gốc, đó là cái thuật giữ nước hay hơn cả".

LỜI NÓI
CỦA LÒNG NGƯỜI

Chuyện kể rằng, Triệu Thị Trinh, người con gái núi Nưa (nay thuộc huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá) đã khẳng khái trả lời khi người nhà bàn đến chuyện hôn nhân của bà: "Tôi muốn cưỡi cơn gió mạnh, đạp luồng sóng dữ, chém cá kình ở biển khơi, đánh đuổi quân Ngô, giành lại giang sơn, cởi ách nô lệ, chứ không chịu khom lưng làm tì thiếp cho người!".

Ấy là vào nửa đầu thế kỷ thứ III, giặc Ngô đang đô hộ nước ta với những chính sách hà khắc nhất. (Sử phong kiến, sách *Ngô thư* chép: Đối với người Việt, bọn quan lại nhà Ngô đều lấy binh uy để ức hiếp. Sách *Tân thư* ghi: Vào giữa thế kỷ thứ III nhà Ngô đã bắt hơn 1.000 thợ thủ công ở Giao Chỉ, đưa về cưỡng bức lao động xây dựng kinh đô Kiến Nghiệp của nhà Ngô.).

Lời nói của Bà Triệu lúc 19, 20 tuổi ấy, là tiếng của muôn lòng người dân Việt bấy giờ, và

được bà thực hiện bằng cả cuộc đời mạnh mẽ, cháy bỏng tuy rất ngắn ngủi của mình.

Cuộc dấy binh của Bà Triệu được sự hưởng ứng của khắp nơi, khiến "Toàn thể châu Giao đều chấn động" (theo sách *Ngô thư* thú nhận)...

Hình ảnh rực rỡ, oai hùng nhưng lại vô cùng thân thiết của bà còn được truyền tụng trong đời sống tâm linh các thế hệ người Việt:

- Ru con con ngủ cho lành
Để mẹ gánh nước rửa bành cho voi
Muốn coi lên núi mà coi
Coi Bà Triệu tướng cưỡi voi đánh cồng!

Và câu thành ngữ Việt: *Lệnh ông không bằng cồng bà* cũng bắt nguồn từ sự tích ấy. Tiếng cồng ở đây là hiệu lệnh chiến đấu, hiệu lệnh tấn công của Bà Triệu với nghĩa quân núi Nưa. Tiếng cồng khiến kẻ xâm lược rụng rời chân tay; tiếng cồng là mong đợi và hy vọng của muôn lương dân Việt.

Câu nói - tiếng lòng của người xưa còn sống mãi vì nó được tô điểm bởi chính mọi hành động, cử chỉ suốt cuộc đời người đó; nó thể hiện ước mong, ý chí của cả một dân tộc.

Trong lịch sử dựng nước, giữ nước và xây đắp non sông, mỗi lời nói còn truyền tụng, luôn được ngưỡng mộ khi nhắc đến đều bởi những lý do ấy. Đó là lời Trần Bình Trọng khi bị giặc bắt, trước những lời dụ dỗ, mua chuộc của chúng ông đã

khẳng khái: "Ta thà làm quỷ nước Nam, còn hơn làm vương đất Bắc!". Đó là lời của lão tướng Lý Thường Kiệt, lúc 85 tuổi, còn xung phong lên ngựa, diệt giặc: "Nay nhờ ơn nước, tôi được dự vào hàng ngôi cao, lộc trọng. Thế mà nếu cứ ngồi yên xem giặc kiêu rông, thì tôi có chết cũng nhất định không nhắm được mắt!". Đó là câu nói của Nguyễn Viết Xuân: "Nhằm thẳng quân thù mà bắn!".

Chúng ta còn có thể kể thêm nữa, thêm nữa, và mỗi câu nói là một cuộc đời người anh hùng. Đó cũng là câu chuyện của cả một giai đoạn. Đó cũng là một phần của lịch sử.

TÀI VÀ ĐỨC

Trong những sự kiện quan trọng theo cuộc đời hoạt động cách mạng của lãnh tụ Hồ Chí Minh, có nhiều sự kiện cách đây đã hơn nửa thế kỷ mà vẫn gần gũi, như Bác đang nói với chúng ta hôm nay. Ngày 12-6-1956, Hồ Chí Minh đến dự và nói chuyện với lớp đào tạo hướng dẫn viên các trại hè cấp I. Người nhấn mạnh: "Trong giáo dục không những phải có tri thức phổ thông mà phải có đạo đức cách mạng. Có tài phải có đức. Có tài không có đức, tham ô hủ hoá có hại cho nước. Có đức không có tài như ông bụt ngồi trong chùa, không giúp ích gì được ai"[1].

Lời Bác dạy ngành giáo dục là hướng đi cho công tác giáo dục, nhưng hiểu rõ và phân tích ra thì ý nghĩa rộng hơn nhiều. Đó chính là mối liên hệ giữa tài và đức, không chỉ là yêu cầu với việc giáo dục đào tạo mà còn là yêu cầu của việc dùng người.

Người được dùng làm cán bộ, làm đầy tớ nhân dân phải hội tụ đức và tài; càng làm to, lên cao,

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.10, tr.345-346.

càng phải có tài cao, đức lớn. "Có tài mà không có đức, tham ô hủ hoá có hại cho nước", điều đó thật quá rõ ràng trong những vụ việc, cùng những "con sâu mọt" đang làm vẩn đục lòng tin của nhân dân với cán bộ, làm sứt mẻ sự gắn bó khối đoàn kết toàn dân. Cái hại ấy quả là khôn lường! Nhất là khi những cái hại đó đã trở thành đời thường, thành môi trường sống. Người ta thấy thoải mái, vô tư, vô can, bình yên sống chung với nó. (Một dẫn chứng rất sinh động và đáng lo ngại là nhận định của ông Trần Văn Truyền, Tổng Thanh tra Chính phủ, cuối năm 2007 sau chuyến đi nhiều địa phương: Chuyển biến về nhận thức và trách nhiệm ở địa phương về công tác phòng, chống tham nhũng còn chưa đầy đủ, chưa có chiều sâu, chưa tự giác, tự làm. Do vậy hầu như chưa có đơn vị nào tự phát hiện trong cơ quan, đơn vị mình có tham nhũng. Đấy phải chăng chính là môi trường có hại đã thành quen thuộc rồi!).

Không phát hiện ra sai trái ở đơn vị mình có thể là đơn vị đó toàn là người "tài, đức vẹn toàn"; cũng có thể là do tài và đức có vấn đề mà không nhìn ra, không dám nhìn ra các sai lầm của thành viên nào đó trong đơn vị, nhất là người đó có quyền thế, có tiền, có ô dù, được bao che bởi những người có chung đặc quyền, đặc lợi.

Tài và đức là hai cái chuẩn của công tác dùng người, nay tập trung ở công tác cán bộ. Xét cho

công minh, cân nhắc cho chuẩn xác tài và đức đã là rất khó rồi. Phải có con mắt công tâm, khoa học, vì lợi ích của nước nhà mới mong không bỏ mất người tài, không dùng nhầm kẻ xấu, kẻ thối nát.

Nhưng còn khó hơn nếu lại đeo thêm “đôi kính” thân quen và danh lợi để xét đoán, cân nhắc, bổ dụng cán bộ. Đâu đó ta vẫn nghe chuyện chạy chức, chạy chỗ và câu cửa miệng: "con cháu các cụ cả". Có hay không chuyện đó? Ở mức độ nào? Hãy nhìn vào từng đơn vị để thấy, để đo mức độ của chuyện dùng người theo tài và đức hay theo tiêu chí nào khác?

Tài và đức, vấn đề lớn của công tác cán bộ; vấn đề lớn của mỗi con người. Nhưng đây cũng là vấn đề thật tế nhị. Ai đó trong chúng ta là người sáng suốt và công bằng để tự nhận xét đúng tài và đức của mình ở mức độ nào, và làm công việc gì là vừa sức? Người ấy chính là người có tài và có đức rồi đó!

CÓ MỘT LỜI KHUYÊN...

Lời khuyên ấy đã giúp tôi rất nhiều trong công việc hằng ngày, trong chí hướng của một đời. Lời khuyên ấy vốn không chỉ dành riêng cho tôi, nhưng tôi cảm thấy, tôi thấu nhận, tôi tâm đắc như chính riêng mình được hưởng!

(Và thật thú vị, một lời khuyên tốt, bạn có thể dành riêng cho mình mà chẳng chiếm phần của ai cả. Nó đủ chia riêng cho từng người những phần trọn vẹn!):

"Tôi lại khuyên các bạn một điều nữa là chớ đặt những chương trình, kế hoạch mênh mông, đọc nghe sướng tai nhưng không thực hiện được.

Việc gì cũng cần phải thiết thực, nói được, làm được. Việc gì cũng phải từ nhỏ dần dần đến to, từ dễ dần dần đến khó, từ thấp dần dần đến cao. Một chương trình nhỏ mà thực hành được hẳn hoi, hơn là một chương trình to tát mà làm không được".

Những lời cụ thể, giản dị đến vậy, gần gũi đến vậy, dường như chính là để riêng cho ta, dường như

của một người bạn đồng lứa, dường như của một người ruột thịt thân thiết. Và quan trọng hơn, nó gần gũi như chính là suy nghĩ của ta, qua thực tiễn cuộc đời ta cảm thấy có thể thực hiện được, thực hiện có kết quả, kết quả đã trong tầm tay.

Tuổi trẻ đầy mộng mơ, khao khát - là ưu thế không gì sánh được, nhưng kèm theo nó nhiều khi là ý thích "những chương trình, kế hoạch mênh mông, đọc nghe sướng tai"!

Trong khi cuộc sống lại khác. Dải đê sừng sững bắt đầu bằng từng gánh đất nhỏ bé trên vai con người. Vượt vạn dặm xa bắt đầu bằng những bước chân dò dẫm đầu tiên; những tác phẩm văn bản đồ sộ bắt đầu bằng những dòng sơ thảo đơn độc, khó khăn, dập xoá…

"Từ nhỏ dần dần đến to, từ dễ dần dần đến khó, từ thấp dần dần đến cao". Từng chữ như những bậc thang ngắn, không quá sức ta; từng bậc, từng bậc, từng bậc nữa cứ thế ta bước lên, bước lên. Thoắt ngoảnh lại đã thấy những bậc thang dưới tít vời. Một dải đê sừng sững. Một tòa nhà nguy nga. Một chương trình vừa tốt nghiệp. Một cuốn sách vừa ra đời. Một tính cách tốt đã quen thuộc.

Tôi đã nhiều lần cảm ơn lời khuyên thiết thực này. Đến nỗi đôi khi tôi không kịp nhớ rành rẽ từng lời, từng chữ.

Con người vĩ đại và gần gũi đã dành cho

thanh niên lời khuyên ấy, là Chủ tịch của nước Việt Nam mới: Hồ Chí Minh.

Đó là vào ngày 17-8-1947, trong bức thư gửi Hội nghị Thanh niên Việt Nam, Bác Hồ đã viết lời khuyên màu nhiệm mà giản dị ấy[1].

---

1. Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.5, tr. 217.

CHUYỆN ĂN BÁNH GATÔ

Ông Vũ Kỳ - người thư ký rất gần gũi trong công việc cũng như trong đời sống hằng ngày với Bác Hồ kể lại chuyện một bữa được Bác mời ăn cơm:

… Bữa cơm ấy, Bác đã dặn tôi ăn vừa phải còn để bụng thưởng thức món chuối tiêu do Bác trồng.

Vừa ăn chuối, Bác vừa hỏi:

- Chú thấy bánh gatô có ngon không?

- Thưa Bác rất ngon ạ!

- Thế, nếu Bác mời chú ăn cơm, không nói có bánh gatô tráng miệng, cứ để chú ăn cứng bụng thì lúc ăn bánh gatô còn ngon nữa không?

- Thưa Bác, bớt ngon ạ!

- Bớt ngon mà Bác cứ bắt chú ăn thêm nữa, liệu chú có khó chịu không?

- Thưa Bác, có ạ!

Bác nhìn tôi hiền hậu:

- Chú thấy đấy! Bánh gatô ngon, nhưng ăn không đúng lúc thì bớt ngon, ăn không đúng cách thì không thấy ngon. Phê bình cũng vậy. Phải đúng lúc và đúng cách. Và điều quan trọng là phải biết tôn trọng lẫn nhau[1].

---

1. Xem Vũ Kỳ: *Người suy nghĩ về tuổi trẻ chúng ta,* Nxb. Lao động, Hà Nội, 2007.

Món ăn ngon miệng, rất ngon miệng, nhưng không phải lúc nào cũng được vui vẻ đón nhận, nữa là sự phê bình - thường là nói những sai sót, hàm ý chê trách người ta! Chẳng thế, người xưa từng dạy rằng: *Lời nói chẳng mất tiền mua / Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau*. Lựa lời, chứ không phải đổi ý. Đấy mới là khó. Thế mới phải học - học nói. Chọn lời nói, cách nói, sao cho lọt tai người, thấm vào lòng người, để người tự nguyện sửa chữa những sai sót đã lỡ xảy ra, để người tốt hơn. Mục đích của phê bình là thế. Nếu "đao to, búa lớn", "bé xé ra to", người nói nóng nảy, rồi người nghe cũng tự ái lên, "tiếng bấc ném đi, tiếng chì ném lại", "lửa đổ dầu thêm" làm sao còn giải quyết tốt được việc gì nữa!

Câu chuyện về bánh gatô cũng là một cách phê bình của Bác Hồ với những cán bộ hay nóng nảy, vội vàng đối với sai sót của cấp dưới (thậm chí có cán bộ còn xỉ vả, miệt thị; hoặc tệ đến mức xâm phạm thân thể người có khuyết điểm). Đã làm việc, ắt sẽ sơ sẩy ít nhiều. Sơ sẩy cần được nhắc nhở rõ ràng và nghiêm khắc. Nhưng cái gốc để tìm ra cách nhắc nhở hiệu quả nhất là gì? Chẳng phải là theo ý Bác dạy: “Quan trọng là phải biết tôn trọng lẫn nhau” đó sao!

ĐẠN BỌC ĐƯỜNG

Trong bài nói chuyện với bộ đội, công an và cán bộ trước khi vào tiếp quản Thủ đô Hà Nội, tháng 9 - 1954, Bác Hồ đã nhắc nhở: "Có thể những người khi kháng chiến thì rất anh dũng, trước bom đạn không chịu khuất phục, nhưng đến khi về thành thị lại bị tiền bạc, gái đẹp quyến rũ, mất lập trường, sa vào tội lỗi.

Cho nên bom đạn của địch không nguy hiểm bằng "đạn bọc đường" vì nó làm hại mình mà mình không trông thấy"[1].

"Đạn bọc đường" - là thứ tượng trưng cho sự nguy hiểm chết người mà lại rất ngọt ngào, êm ái; nó dần dà từng chút một, đánh gục nhiều cán bộ, đảng viên. Mỗi ngày thứ đạn này càng có nhiều vỏ bọc tinh vi hơn, gần với những gì là tốt đẹp, tình cảm, sự nể nang, ân nghĩa, giao lưu tình cảm. Nó tự nhiên hòa vào cuộc sống hằng ngày, tạo thành một thói quen xấu nào đó. Thói quen xấu dần dà tạo nên tính cách xấu. Con người chân chất, hiền

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.9, tr. 46-47.

lành bỗng trở nên gian xảo, mưu mẹo; thích ăn tiêu hơn người, thích hưởng thụ hơn là lao động; thích đặc quyền, đặc lợi, ăn trên ngồi trốc; thích nói hơn là nghe; thích nhận hơn là cho; thích nói một đằng, làm một nẻo. Thế là đã có tính cách một ông quan tham cỡ to hoặc nhỏ. Nếu chưa là quan thì là tầng lớp "thư lại" quen những nhiễu dân lành bởi những thứ thủ tục nhiêu khê, vòng vèo, lấp lửng, nhập nhèm. "Đạn bọc đường" không chỉ giết chết một người cụ thể mà nó còn có thể tiêu diệt những gì vốn lớn lao và vững chãi hơn nhiều.

Trở lại bài nói chuyện của Bác Hồ. Trước khi kết thúc bài nói chuyện, Bác kết luận: "Muốn giữ vững nhân cách, tránh khỏi hủ hóa, thì phải luôn thực hành 4 chữ mà Bác thường nói. Đó là: Cần, Kiệm, Liêm, Chính"[1].

Nhìn vào cuộc đời Bác, vào cuộc đời những người cộng sản chân chính, những vị quan liêm khiết, những người dân trung thực đều thấy rõ phương thuốc đó hiệu nghiệm thế nào! Phương thuốc gồm cả bốn vị: Cần - Kiệm - Liêm - Chính, bổ sung, hỗ trợ cho nhau. Nhưng nó khó uống, phải chịu rèn luyện, làm quen hằng ngày. Bởi thế mà biết có thuốc đấy, nhưng nhiều vị vẫn thích sài "đạn bọc đường" hơn là uống thuốc hằng ngày!

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.9, tr. 47.

CHUYỆN BA NGƯỜI

Đôi lúc tôi cũng không phân biệt đâu là Lưu Bình, đâu là Dương Lễ trong câu chuyện dân gian rất thấm thía về tình bạn, tình yêu và gia đình. Sự không phân biệt ấy cũng không ảnh hưởng tới kết cấu và ý nghĩa câu chuyện. Rằng có đôi bạn thân thiết, cùng lớn lên, cùng đèn sách miệt mài, nhưng rồi một người thi đỗ ra làm quan, người kia trượt, phẫn chí và buồn nản bỏ đi lang bạt. Có lần, bí bách quá, anh đến tìm ông quan vốn là bạn cũ. Nhưng bạn không tiếp, chỉ cho người hầu mang ra cho "bát cơm hẩm và quả cà ôi".

Anh gắng ăn những miếng cơm nhục tủi, oán hờn, xót xa...

Cũng từ việc bị đối xử như thế, anh càng quyết học hành, dùi mài kinh sử. May thay, có một người con gái xinh đẹp, nết na nguyện theo anh chăm sóc, nuôi dưỡng để anh chỉ việc dốc lòng học tập. Người ấy hẹn khi anh công thành danh toại trở về thì mới bàn đến chuyện gối chăn.

Kỳ thi sau, quả anh đỗ, được bổ làm quan, trở về nhà cũ thì không thấy người con gái đâu cả. Khóc than, tìm kiếm mãi vẫn bặt tăm, anh đành coi đó là chuyện thần tiên giữa cõi trần.

Rồi anh tìm đến vị bạn cũ để muốn mắng vào mặt kẻ quên tình cũ nghĩa xưa. Vào đến nơi, chưa kịp nói gì đã thấy bạn cho mời nàng Châu Long là vợ yêu quý của bạn ra chào.

Hoá ra người con gái tưởng là tiên nữ xuống trần ấy lại chính là vợ bạn, được bạn nhờ cậy đi giúp mình ăn học nên người. Chính bát cơm tưởng là bạc bẽo ấy là một cách hay để anh khỏi quen cảnh no ấm, vui vẻ nhờ bạn mà quên mất ý chí vươn lên.

Anh lặng đi không biết nói gì. Đôi bạn ôm lấy nhau vui mừng tràn nước mắt.

Câu chuyện thật hay và cảm động phải không các bạn?

Nó thú vị ở cách giúp bạn. Không phải giúp "cá" mà là giúp "cần câu". Hơn thế, ở đây là giúp bạn tự khai thác kho của cải trong lòng mình, trong trí óc mình - nghĩa là khơi dậy một mục đích sống, một ý chí tự lập tự cường.

Thú vị thứ hai là nhân vật Châu Long. Không có cô gái toàn vẹn ấy, thì lấy ai thực hiện ý định tốt đẹp và mạo hiểm kia? Không có cô thì làm gì có chuyện Lưu Bình - Dương Lễ?

Hình như người đời cũng đánh giá cao cô con gái này không kém gì đôi bạn trai. Một bằng chứng là ở Hà Nội có một con phố nhỏ mang tên người con gái ấy. Bởi vậy tôi mới mạo muội đặt tên câu chuyện này là *Chuyện ba người*, như thế mới là công bằng, phải không các bạn?

HAI BÀN TAY

Cuộc thi ở lớp Hai trường nọ, có một câu hỏi: Vì sao bạn cần đôi tay?

Những trả lời được Ban chấm thi chọn là:

"Em có hai tay để được ôm mẹ thật chặt".

"Hai tay em để thay nhau xách cặp. Vì cặp sách của em khá nặng".

"Em cần hai tay để tay này trong tay bố, tay kia đặt trong tay mẹ".

Bạn thích nhất câu nào? Và nếu dự thi, câu trả lời của bạn ra sao?

CHÂN VÀ ĐƯỜNG

Đường dài, thật dài. Đường tiếp đường. Đường tới muôn nơi.

Bàn chân thì ngắn. Bàn chân em bé lại càng ngắn hơn.

Nhưng dài nhất, đi xa nhất, không phải là đường, mà chính là bàn chân, kể cả bàn chân bé bỏng nhất. Vì bàn chân thì đi, còn đường cứ nằm ì một chỗ. Vì con đường nào cũng có dấu bàn chân người, mà có nhiều dấu bàn chân người đặt tới những nơi chưa có đường.

Chính bàn chân người mở ra đường, tạo nên đường, chăm sóc đường.

Vì thế bàn chân lớn hơn, dài rộng hơn, đi xa hơn bất cứ con đường nào!

Miễn là bàn chân luôn bước đi…

CÁI CHỈ VÀ NIỀM HY VỌNG CỦA CON NGƯỜI!

Mùa xuân đẹp ở thiên nhiên, cũng đẹp ở con người nữa, vì lẽ "Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ". Như thế cái chí của con người lớn lắm, nó nằm trong hoàn cảnh nhưng không chịu lệ thuộc hoàn cảnh. Tôi có đọc được trong vốn liếng tổ tiên để lại một hoàn cảnh thật cay nghiệt, các bạn trẻ hãy xem trong cay nghiệt đó con người tuyệt vọng hay vẫn chứa chan hy vọng!

Tháng giêng
Tháng hai
Tháng ba
Tháng bốn
Tháng khốn, tháng nạn
Đi vay
Đi tạm
Được một quan tiền
Ra chợ Kẻ Diên
Mua con gà mái
Về nuôi hắn đẻ ra mười trứng
Một cái trứng ung

Hai cái trứng ung
Ba cái trứng ung
Bốn cái trứng ung
Năm cái trứng ung
Sáu cái trứng ung
Bảy cái trứng ung
Còn ba cái trứng nở ra ba con
Con - diều tha
Con - quạ bắt
Con - cắt lôi
Chớ lo phận khó ai ơi
Còn da - lông mọc, còn chồi - nảy cây.

Trời ơi, cái rủi ro, nanh nọc của cuộc đời thật đến tận cùng. Câu ca dao bắt đầu bằng thời gian của Tết: Tháng giêng, cái tháng lẽ ra là "tháng ăn chơi", vậy mà nỗi cùng cực đã bắt đầu siết vào đời sống con người, đến nỗi người này phải thốt lên lời nguyền rủa đắng cay.

Tháng giêng, tháng hai, tháng ba, tháng bốn, mỗi tháng trần trụi giáng xuống đầu như một nhát búa, nhưng con người ở đây nuốt cái đau đớn, oán giận vào bụng, tìm cách để mà sống và lo tới sự nảy nở, phát triển. Một con gà mái với những quả trứng, đó là mộng mơ, đó cũng là lòng tin, đó cũng là gắng gỏi chống đỡ với cuộc đời. Mà những mười quả trứng! Biết bao hy vọng! Con gà với ổ trứng trắng hồng là biểu tượng của sinh sôi, sáng tạo. Rồi mái mẹ ấp trứng đến hao mòn cả cơ

thể, truyền cả sinh lực, sức nóng của mình cho những đứa con.

Nhưng, những nhát búa của số mệnh khắc nghiệt lại nện xuống. Một, hai, ba... sáu, bảy. Hy vọng dẫu có mỏng manh hơn, nhưng vẫn còn đó.

Còn ba cái trứng nở ra ba chú gà con.

Lại nở bừng những ước muốn, con người lại nhoẻn nụ cười.

Nhưng chiếc búa ác nghiệt vẫn tiếp tục nện xuống những nhát búa tàn nhẫn, đến cạn kiệt!

Con - diều tha
Con - quạ bắt
Con - cắt lôi.

Ở đâu mà lắm thế những diều, quạ, cắt - những con ác điểu của đời. Chúng rình rập, săn đuổi và không buông tha, cho đến miếng mồi bé bỏng cuối cùng.

Thế là hết! Hết tận cùng! Hết đến khô cạn, héo quắt!

Thế là tắt mọi hy vọng chăng?

Không! Con người sở dĩ tồn tại được chính là vì nó vẫn hy vọng ngay cả lúc đã tuyệt vọng:

Chớ lo phận khó ai ơi
Còn da - lông mọc, còn chồi - nảy cây.

Thế là tiếng ca bất tận của niềm hy vọng và ý chí con người vẫn vang lên! Đấy là bản lĩnh sống của những con người gạt mồ hôi, giẫm lên trở ngại, mỉm cười bước tới trong niềm hy vọng không cùng!

CHỮ NHẪN

Như một thứ thời thượng, ngày nay nhiều gia đình, nhiều người, kể cả người rất trẻ, đều sắm cho mình một chữ *nhẫn* treo trong nhà ở, trong phòng riêng…

Nhẫn như một tâm niệm nhà Phật, thật nhiều lợi ích cho tâm tính từng người, cho an bình xã hội…

Tuy nhiên, thờ chữ vậy, nhưng có thực hiện theo được hay không lại là việc khác. Nhẫn nhịn là hay, là tốt, nhưng nhẫn nhịn đến mức độ nào mà thôi? Nếu chỉ có nhẫn từ một phía thì chả hoá ra là dành ưu đãi cho bọn quen ngang ngược, lấn người, ăn người, hại người? Nhẫn dường như là sự cam chịu một bề thua thiệt? Thuần Việt ta có câu này, thực rất hay và còn bao quát hơn, thực tiễn hơn. Đó là câu: *Trên kính, dưới nhường*. Nghĩa là hình thành mối tương quan hai chiều, dưới và trên. Có thể là dưới, trên về trình độ, về quan hệ huyết thống, về tuổi tác, về địa vị xã hội…

Nhường nhịn có tính chủ động cao hơn chữ *nhẫn* và mang yếu tố vui vẻ, giản dị cùng chia sẻ khác với chữ *nhẫn*.

Trên kính đối với người nhiều tuổi hơn, người có bậc huyết thống cao hơn, người có trọng trách hơn trong công việc.

Thực chất của chữ *kính* nên hiểu là nhường người trên với tấm lòng quý trọng vị thế của họ. Tức là kính trọng cái vị thế được xã hội phân công và thừa nhận. Đơn giản nhất là hơn tuổi - chỉ vì sinh trước mà có nhiều tuổi hơn, nhưng dân gian ta vẫn truyền tụng câu răn "70 học 71". Hơn một tuổi mà là cái tuổi đã đắc thọ, đã qua nhiều thị phi, trắc trở, hẳn nhiên là một thứ vốn quý. Nhưng cũng trong dân gian còn dè chừng những ai "sống lâu lên lão làng" - chỉ lấy cái nê tuổi tác mà làm những việc ngang trái, vô bổ, lố lăng.

Với trên phải kính, với dưới phải nhường. Những người được kính trọng kia phải đáp lại, phải biết, phải từ tấm lòng mình mà nhường nhịn, thấu hiểu, nâng đỡ, dìu dắt lớp dưới. "Khôn đâu đến trẻ, khỏe đâu đến già". Mỗi tầng lớp, lứa tuổi đều có thế mạnh, có chỗ yếu.

Làm sao đồng cảm, chia sẻ, hiểu biết, bổ sung lẫn nhau thì mỗi người đều mạnh hơn, có ích hơn. Đó chính là ý nghĩa sâu xa và thực tiễn của mấy chữ *Trên kính, dưới nhường.*

Thiết tưởng chúng còn gần gũi và dễ hiểu, dễ thực hiện hơn chữ *nhẫn* kia!

Trong mỗi người đều có hai cách ứng xử đồng thời, vì ai cũng có lớp trên của mình và cũng có

lứa tiếp sau của mình. Làm sao có ứng xử tốt nhất, có lý có tình nhất với trên và dưới? Có lẽ muốn biết, muốn nhường được, thì điều quan trọng nhất là quan tâm đến những ai đáng được nhường, những ai cần kính trọng. *Trên kính, dưới nhường* là cả một sự chuẩn bị, *suy xét và chọn lựa ứng xử trong mối quan hệ tương hỗ hai chiều*, nó không bị động, cam chịu, đơn lẻ, như kiểu chữ *nhẫn* kia! Ngẫm đi ngẫm lại, càng thấy rõ điều khác biệt ấy.

ĂN CƠM NHÀ
VÁC TÙ VÀ HÀNG TỔNG

Có người cho rằng câu này nói về thân phận anh mõ làng, nhiều khi phải theo lệnh trên mà làm những việc đáng nhẽ là phận sự người khác. Xưa, trong làng, cao nhất là ông lý trưởng, mà thấp nhất là anh mõ. Làng còn có bác trương tuần làm công việc tuần tra, bắt trộm cướp. Ông này cũng oai, thường cầm cái tay thước bằng gỗ lim, sợi dây thừng và chiếc tù và làm bằng sừng trâu hoặc ốc biển. Mỗi khi làng có sự cố đặc biệt như hỏa hoạn, vỡ đê, truy bắt cướp,... tiếng tù và vang lên như một thứ hiệu lệnh để báo động mà cũng để tập hợp lực lượng tráng đinh. Nhiều khi trương tuần bận việc, hoặc dở bữa tiệc nào đó, thì việc thổi tù và được "ủy quyền" cho anh mõ. Anh tha hồ phồng má, trợn mắt mà thổi tù và vang khắp hàng tổng.

Rõ ràng câu này có ý nói về một thứ công việc chẳng mang lại lợi ích cho người làm và thực ra không phải công việc của người ấy. *Ăn cơm nhà vác (hoặc thổi) tù và hàng tổng* là một lời than thở,

và có hơi hướng tự giễu cợt. Câu này hơi khác với câu: *Ăn cơm nhà vác ngà voi*. Cũng kể về một công việc không công, nhưng ở đây còn là nỗi oán hận của những người dân nghèo phải bỏ công sức, thời gian đi làm một việc lợi ích cho kẻ giàu có. Kiếm ngà voi về bày biện trong nhà kẻ giàu có hoặc chức sắc trong làng xã (cũng có người nói, câu này phản ánh thời kỳ Bắc thuộc, dân ta phải lên rừng lấy ngà voi, xuống biển mò ngọc trai, đồi mồi, để cống nạp cho ngoại bang) là công việc cực nhọc, thậm chí nguy hiểm mà người dân nghèo phải gánh vác. *Ăn cơm nhà vác tù và hàng tổng* đã có ít nhiều ý nghĩa mới trong thời hiện nay. Đó thường vẫn là công việc không công, nhưng người làm việc thường hoàn toàn tự nguyện. Giờ đây họ hiểu rằng công việc họ làm có ích lợi ít nhiều cho cộng đồng một làng xã, một phường, một cụm dân cư, một ngõ phố.

Có khi đó là công việc của một tổ trưởng dân phố chăm chỉ, chu đáo; một đại biểu phụ nữ tận tụy; một bí thư chi đoàn năng nổ, xốc vác;... Trước con mắt thiên hạ ngày nay, những người vác tù và hàng tổng là một khía cạnh đáng yêu của cuộc sống xã hội tốt đẹp. Chúng ta có hẳn một bộ phim về nhân vật như thế. Nhân vật được mọi người tôn trọng, yêu mến. Có lẽ chỉ có người thân trong gia đình nhân vật, đôi khi than phiền về cung cách

sống ấy; nghĩa là sự than thở nhẹ nhàng xen lẫn trong sự tự hào kín đáo.

Cuộc sống đã đẩy lùi cái tù và, tiếng tù và, người vác tù và vào ký ức; nhưng ý nghĩa tiếp nối mang tính tượng trưng ấy chắc chắn còn đi mãi theo quá trình phát triển xã hội.

CÁI KHÓ...

Ai cũng biết mảnh đất mỡ màu và được chăm sóc sẽ dễ dàng cho những loài cây đâm chồi, nảy lá, bén rễ, vươn cành, trổ hoa, đậu quả. Còn đất cằn, đất đá, nơi "chó ăn đá, gà ăn sỏi" thì khó mà…

Phải chăng tương quan đất và cây cũng như hoàn cảnh và con người?

Nên mới có câu: "*Cái khó bó cái khôn*"? Mới cần điều kiện: *Có bột mới gột nên hồ*!

Quả là cái khó - sự thiếu thốn điều kiện mọi mặt, nhất định làm thui chột biết bao tài năng, lụi tàn biết bao mơ ước, chặt đứt biết bao đôi cánh hy vọng!

Cái khó khiến người ta phải đói, rét, tối tăm, nhìn không xa, trông không rộng. Cái khó bó buộc con người trong vòng vụng dại, lạc hậu, và do đó khó lại càng thêm khó. Cái vòng luẩn quẩn, khó khăn cứ ngày càng siết lại.

Cái khó bó cái khôn.

Nhưng có xương rồng nở hoa theo bờ cát, trên sa mạc; có phi lao chắn sóng và chắn cát; có nhiều loài cây đục mòn đá mà xanh tốt, sinh sôi. Những

loài cây cối đặc biệt đó thường có sức sống dẻo dai, bền bỉ.

Hóa ra, cuộc sống còn có một chiều tương phản nữa. Mới bật ra từ đó cái câu cũng rất đơn giản: *Cái khó ló cái khôn*! Bắt đầu cái ý tưởng mãnh liệt ấy cụ thể ở nơi nào không biết, nhưng chắc chắn phải từ một vùng đất dữ, từ những vùng không gặp may mắn, từ cuộc sống trôi nổi và bầm dập... Mà bắt đầu có thể kể chuyện An Tiêm bị đày ra đảo hoang chăng? Hay chuyện kể về những người được gọi là "gà công nghiệp"- đại diện cho sự máy móc, trì trệ, thiếu năng động, sáng tạo?

Các chuyện trên, e rằng nhiều người đã biết tỏng tòng tong rồi, cần gì phải nhắc lại!

Vậy thì cái khó sẽ làm thế nào đây: Bó cái khôn hay ló cái khôn? Theo tôi: Cả hai câu đó đều rất đúng - nhất là dùng riêng cho hai loại người.

Một là những người có trách nhiệm chăm lo đến một cộng đồng lớn nhỏ nào đó, nên thuộc lòng câu: *Cái khó bó cái khôn* để luôn tâm niệm phải tạo nhiều điều kiện cho người dưới quyền không bị bó lại, không bị thui chột sáng tạo, ước mơ.

Còn mỗi cá nhân nhớ câu: *Cái khó ló cái khôn* để tự mình vượt qua chính mình, đạp qua khó khăn, trắc trở, tìm ra lối đi tốt nhất, khám phá và tạo lập nên những kỳ công của riêng mình! Đấy là quyết tâm không đầu hàng số phận. Đấy chính là sự kiêu hãnh làm người!

CHUYỆN BÓ ĐŨA

Ngày xửa, ngày xưa trong một gia đình nọ, người cha đang ở giây phút gần đất xa trời. Vợ con, thân quyến xúm quanh để đón nghe lời dặn của người trụ cột gia đình. Lão ông tỉnh táo bảo con trai cả mang đến một bó đũa. Ông ra hiệu cho mấy anh con trai - đều là loại lực điền - thay nhau cầm cả bó đũa mà bẻ. Mấy anh em mắm môi, mắm lợi thực hiện lời dạy, nhưng bó đũa vẫn trơ trơ. Ông lặng lẽ nhận bó đũa, rồi tách từng chiếc một, chậm rãi đưa cho mỗi người một chiếc, ra hiệu bẻ gãy nó. Việc quá đơn giản, đến một cháu nhỏ 9,10 tuổi cũng cố làm được. Nhìn những mảnh đũa gãy, cụ ông gật gù, rồi không dặn điều gì, nhắm mắt lại, ra đi với nét cười trên môi.

Sau tang lễ, cả nhà họp mặt bàn luận mới hiểu rõ ý dặn dò của người quá cố. Biết đoàn kết, dựa vào nhau thì trở thành bó đũa vững chắc; nhưng nếu riêng rẽ từng người - như mỗi chiếc đũa lẻ loi - sẽ yếu ớt, không trụ lại được với khắc nghiệt cuộc đời.

Từ đó cả nhà, nòng cốt là mấy anh em, bảo ban nhau lam làm; dù ai có đi đâu, làm nghề gì cũng luôn quan tâm giúp đỡ nhau. Gia đình ngày càng vững vàng, ăn nên làm ra, đầm ấm sum vầy, tiếng thơm lan khắp các làng xã một vùng rộng lớn.

Câu chuyện với hình tượng bó đũa thật ấn tượng và rõ nét. Vẫn từng ấy chiếc đũa, nhưng cách xử lý khác nhau thì kết quả thật khác xa nhau lắm lắm. Chợt nhớ lại những ngày nô lệ chưa xa. Một trong những mánh khóe cơ bản của bọn xâm lược chính là chia để trị. Chính là tách từng chiếc đũa một để bẻ vậy!

Từ xa xưa, cha ông ta còn truyền lại câu ca này: *Một cây làm chẳng nên non / Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.* Hay gần gũi chúng ta hơn, Bác Hồ cũng dạy: *Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công.* Ấy chính là một nét đẹp của truyền thống dân tộc nhỏ và chưa mạnh. Đó là lẽ sống còn lâu dài chứ không chỉ là sách lược nhất thời.

Lớn lao là cả đất nước, cả dân tộc; nhưng nhỏ bé như một gia đình - đều cần có sự đoàn kết, đồng thuận.

Thuận vợ thuận chồng, biển Đông tát cạn / Thuận bè thuận bạn, tát cạn biển Đông.

Làm thế nào để giữ gìn sự đoàn kết mà có lần Bác Hồ đã ví như giữ gìn con ngươi của mắt? Đấy

là việc lớn lao mà bài viết này chưa thể đề cập. Nhưng trong một phạm vi rất hẹp - một gia đình nhỏ chẳng hạn - tôi thấy có một câu mách bảo rất thú vị và vui vẻ này:

- Chồng giận thì vợ bớt lời
Cơm sôi, nhỏ lửa, suốt đời chẳng khê!

MỘT GIỌT MÁU ĐÀO, HƠN AO NƯỚC LÃ...

Ấy là lời răn về nghĩa tình họ hàng, máu mủ, quê hương, được gọi là quê cha, đất tổ, dẫu đi xa bao nơi, người ta đều muốn quay về, dẫu chân chẳng bước tới được, thì lòng cũng thường đăm đắm vọng chiều!

Người trong huyết tộc, cùng chung dòng máu thì gắn bó mật thiết, chia ngọt sẻ bùi, dẫu có gặp chuyện xuôi ngược thì cũng chín bỏ làm mười, để mong giữ lấy hòa khí họ hàng.

Đấy là nói chuyện một nhà. Từ một dòng họ đến cả làng xóm, dân ta thường có thành ngữ họ hàng - làng xóm. Sự gắn bó đã mở rộng hơn. Và còn rộng hơn nữa, từ làng ra cả nước. Những hình ảnh thật gần gũi, giản dị: *Bầu ơi thương lấy bí cùng/ Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn*. Hay nhuốm vẻ cao sang, quyền quý thì cũng vẫn chung một ý tưởng: *Nhiễu điều phủ lấy giá gương/ Người trong một nước phải thương nhau cùng*. Cho đến thời đại cách mạng và dân chủ, Cụ Hồ từng dạy và dân ta từng thấm nhuần: *Quan*

san muôn dặm một nhà, bốn phương vô sản đều là anh em!

Thế là mối quan hệ, sự quan tâm đã rộng mở tới khắp thế giới này! Đó cũng là mở đầu cho việc ngày nay Việt Nam ta tuyên bố muốn làm bạn với tất cả các nước, các khu vực, các vùng lãnh thổ miễn là tôn trọng chủ quyền mỗi nước và cùng hỗ trợ nhau phát triển bình đẳng.

Thế giới từ chỗ bị chia cắt, cách bức, xa xôi, đã trở thành một mái nhà chung, mái nhà duy nhất quen thuộc của hơn 6 tỷ con người.

Bây giờ, trở lại hình ảnh cũ, có thể thấy một giọt máu đào - tượng trưng cho một dòng họ, với thế giới không còn là cái ao mà là một đại dương. Đấy là một mối quan hệ hữu cơ mang tính nhân loại.

Nghĩa là không thể coi trọng giọt máu đào hơn ao nước lã. Không thể coi cái ao làng gắn bó hơn đất nước. Không thể coi chỉ có dân tộc mình là đáng kể, là hơn các dân tộc khác.

Ngay loài người thông minh và tài giỏi, ngày nay cũng không thể chỉ "chinh phục", "cải tạo" thiên nhiên, làm chủ thiên nhiên mà phải tìm cách sống "đồng thuận" với thiên nhiên, bảo vệ thiên nhiên, chung sống với thiên nhiên để có sự phát triển bền vững.

Thế là cuộc sống buộc những suy nghĩ phải phát triển. Nếu ở đâu đó chỉ biết đến dòng họ, biết

đến làng xã mình, địa phương mình, khu vực mình thì hiển nhiên đã tự thu hẹp tầm mắt, ngăn hẹp bước đi của cả cộng đồng rồi!

Một giọt máu đào vẫn đúng là sự thiêng liêng, đáng gìn giữ. Nhưng nó chỉ hơn chính nó khi mà những cộng đồng lớn hơn bao bọc nó cũng ngày càng hơn lên, đáng quý trọng hơn.

Phải chăng đó là cái mới mẻ khi nhìn lại một lời dạy ân cần, tình nghĩa của người xưa?

ĂN TRÔNG NỒI...

Nhà thơ Hữu Thỉnh vốn là lính xe tăng thời chống quân xâm lược Mỹ, anh nổi tiếng bắt đầu từ trường ca *Đường tới thành phố*. Trường ca này mang chất hoành tráng như nhịp quân hành, như nhịp điệu tổng tiến công khắp các mặt trận trong chiến dịch đại thắng mùa Xuân 1975.

Nhưng trường ca còn là lời thủ thỉ của tâm hồn người lính, vừa đôn hậu, vừa từng trải, vừa vô tư vừa ngẫm nghĩ, đến từng chi tiết, từng câu chữ. Ví dụ một câu này: "Ngồi trông hướng là căm thù bóng tối / Ăn trông nồi là nghĩ tới anh em".

Câu này phát triển từ lời dạy của người xưa: *Ăn trông nồi, ngồi trông hướng*.

Ăn trông nồi - đúng như suy nghĩ của câu thơ và mở rộng hơn - đó là sự nghĩ đến người khác. Có lẽ từ trong gia đình, từ một bữa cơm. Ta nhớ mẹ hoặc chị gái, hoặc chị dâu, thường ngồi đầu nồi và thường chẳng kịp ăn no. Với những đứa con, đứa em khỏe mạnh, vô tâm, trong giai đoạn đời sống còn khó khăn, nhiều khi mẹ và chị còn đói bụng mà nồi cơm đã được vét nhẵn. Những đứa trẻ nghĩ

đâu đến chuyện ăn phải trông nồi! Có khi mãi về sau, khi ta đã lớn, đã nuôi nấng con cái, ta mới chợt nhớ lại và ân hận về sự vô tâm, vô ý của mình thuở ấy.

Từ nhà, mở rộng ra một tập thể, một tiểu đội, một trung đoàn, người lính với hậu phương, một cá nhân với cả nước, với từng cá nhân khác.

Cái "nồi to" có thể là tầm cỡ quốc gia, cho đến cả trái đất. Tấm lòng ta có thể rung động xa rộng tới đâu, hay bắt đầu vô cảm ngay sau bốn bức tường nhà mình?

Cái nồi của gia đình ta, cái nồi của tập thể, cái nồi chung cả đồng bào… mắt ta, tim ta nhìn thấu tới đâu? Thật ý nghĩa biết bao một lời nhắc nhủ: Mỗi miếng ta ăn uống phung phí là một miếng ta giật từ tay những người nghèo khổ.

Ăn trông nồi, một câu nói đơn giản, nhưng hiểu cho thấu hóa ra không giản đơn chút nào, phải không bạn?

NGỒI TRÔNG HƯỚNG...

Ta tiếp tục ngẫm nghĩ về vế thứ hai trong câu người xưa dạy: *Ăn trông nồi, ngồi trông hướng*.

Nhà thơ Hữu Thỉnh khái quát rất trúng: "Ngồi trông hướng là căm thù bóng tối". Đúng thật! Đôi khi ta vô ý ngồi ở vị trí che lấp cả ánh trời hoặc ánh đèn; các cụ gọi thế là "ngồi sấp bóng". Cái bóng vô tình, vô ý của ta làm tối rầm đến cả những khuôn mặt khác. Có thể tối rầm hết cả căn nhà (Ngày ấy, còn dùng đèn dầu, thậm chí là dầu lạc, dầu vừng, không phải đèn điện treo cao sát trần nhà như bây giờ, nên chỉ cần một hướng ngồi, hướng đứng vô ý là hậu quả thấy rõ ngay).

Ngồi trông hướng, đứng trông hướng, suy rộng ra còn là ngồi đúng chỗ, chọn chỗ thích hợp nhất. Bây giờ xã hội bình đẳng, nhưng cũng vẫn cần nền nếp lắm. Ta kính trọng người hơn tuổi là lẽ hiển nhiên, là điều tốt đẹp rồi. Ta kính trọng cấp trên không phải vì cá nhân họ mà chính vì tôn kính cái tập thể, cơ quan, đơn vị của chính chúng ta. Lại còn ưu tiên người khuyết tật, lịch sự với phụ nữ, nhường nhịn trẻ em,…

Ôi cái sự ngồi, đâu chỉ có thể "tặc lưỡi" cho xong! Kẻo đôi khi "nhầm chỗ", hoặc sơ ý, hoặc coi thường, mà rơi vào trường hợp từa tựa như Nguyễn Du mỉa mai chê trách kẻ "mày râu nhẵn nhụi, áo quẩn bảnh bao" họ Mã: "Ghế trên ngồi tót sỗ sàng".

Ngồi phải là sự lựa chọn, là chủ ý, chủ động của con người trong hoàn cảnh nhất định.

Ví như ông Phạm Ngũ Lão, ngồi giữa đường quân đi mà vót nan, đan lát! Ấy là muốn tỏ rõ sự can trường, là muốn được đem tài sức theo quân vương giết giặc.

Bạn sẽ hỏi: Như thế, ngồi trông hướng có thể liên quan tới cả khi ngồi trên xe buýt chẳng hạn, hay trong cuộc họp nữa?

Đúng vậy! Cái hay của lời người xưa là nó gần gũi và sinh động với cuộc đời, nó nảy nở trong ý thức của ngàn ngàn vạn vạn người qua từng thế hệ. Chính vì thế nó cũ mà mới, nó ngắn gọn nhưng phát triển thật vô cùng trong đời sống tinh thần của chúng ta.

MIỆNG ĂN NÚI LỞ

Con người phải ăn để sống, làm việc và phát triển đất nước, nảy nở giống nòi. Ăn ở đây là nói rộng cả "ăn tiêu". Ăn tiêu không phù hợp với những gì làm ra, hoặc ăn tiêu mà không sản xuất, thì có "của núi" cũng lở lói, tan tác hết cả.

Sợ nhất là những người "vung tay quá trán", "bóc ngắn, cắn dài". Nỗi lo sợ này không chỉ ở một người, một gia đình, một tập thể mà ở cả đất nước.

Có một câu nói thậm xưng, nhưng nghĩ kỹ thì thật đúng quá: Muốn làm giàu dễ lắm, chỉ cần bạn kiếm được 10 thì tiêu 9 thôi; muốn trở thành ăn mày cũng dễ lắm, chỉ cần bạn làm được 10 lại tiêu 11!

Vậy bên cạnh sự quan trọng là làm ra nhiều của cải thì có sự quan trọng ngang thế là "ăn tiêu" cho tiết kiệm, tránh lãng phí.

Nhiều như đá núi mà phá, xay, nghiền dùng mãi, thì núi cũng mòn, nữa là than trong lòng đất, dầu dưới biển, củi ở rừng, cá trong nước, chim trên trời... chẳng phải mỗi ngày một lở, một cạn kiệt đó sao?

Cần dùng phải dùng. Cần ăn phải ăn cho đủ lượng, đủ chất, đủ cả các vi chất. Nhưng sự phung phí là một tội lỗi, nhiều khi là tội ác nữa.

Hiện nay người ta hay dùng chữ *thất thoát*. Thất thoát do người lấy, thất thoát do trời đất, mưa gió lấy, thất thoát do thời gian lấy... Con số thất thoát, đôi khi người ta tính tới 10, 15, 25, 30%! Sự lãng phí lớn quá!

Một chuyện nho nhỏ này nữa: Ở các nước và ở ta có nhiều cửa hàng ăn tự chọn. Bỏ ra một số tiền nhất định, ta muốn ăn uống thức gì, bao nhiêu, đều được cả. Ở nước nọ, trên mỗi bàn ăn đều có một tấm bảng nhỏ ghi nội dung: Nếu để thức ăn thừa sẽ bị phạt. Đấy, cần thiết phải tính toán chặt chẽ đến như vậy, mới mong đất nước giàu có hơn lên, mới mong mỗi người dân càng ngày càng được sung sướng hạnh phúc hơn.

Về chuyện này còn rất nhiều lời khuyên người xưa dành cho ta. Ví như: "*Buôn tàu, buôn bè, không bằng ăn dè, hà tiện*"; ví như: "*Của như non, ăn mòn cũng hết*";...

Đến lượt bạn thêm vào đây một câu nữa nhé!

PHÔ RA VÀ ĐẬY LẠI

Nhiều khi lời người xưa không hẳn là để khuyên ta làm theo, mà chỉ là một nhận xét về cách xử thế nào đó, để ta hiểu sự phong phú, phức tạp của xã hội, của những mối quan hệ và ta phải lựa chọn cho mình cách ứng xử tốt nhất.

Ví dụ câu: "*Tốt đẹp phô ra, xấu xa đậy lại*", không hẳn khuyên người ta phô và đậy đúng như thế. Khi vận dụng câu này phải thấy tính hạn chế của nó. Hạn chế do chính cuộc sống mang lại.

Ở thời kỳ con người còn sống bó hẹp trong làng xóm, coi làng xóm là xã hội thu nhỏ, giao thông cách trở, thông tin bưng bít, ra khỏi lũy tre làng là đã thấy lạ người, lạ cảnh, cho nên tâm lý co lại, đậy kín vào dễ có điều kiện làm thống soái.

Xã hội phát triển ngày nay, trái đất như cái bình thông nhau, đâu chỉ trong vẻn vẹn đất nước mình! Những vấn đề tận Iran, Irắc có khi ảnh hưởng ngay đến chiếc xe máy của mỗi nhà người Việt Nam ta.

Xấu xa mà đậy lại thì bệnh nhẹ hóa nặng, lỗi bé đẻ sai to, đến lúc vỡ lở ra thì ôi thôi... đã vô phương cứu chữa.

Mà có muốn đậy cũng khó kín được. Các cụ ta từng dạy: *Bưng miệng bình miệng hũ, ai bưng được miệng thiên hạ*, cho nên "tiếng lành đồn xa, tiếng dữ đồn xa", nói đi thì nhẹ, nói lại thì nặng, sự mập mờ, úp mở làm cho đen trắng nhập nhòa, ít nhiều khó tỏ… Hóa ra, cái việc đậy lại trở nên lợi ít mà hại nhiều.

Cái sai nhỏ, nhưng sự bưng bít, che giấu cái sai lại thành lỗi lớn: Đó là sự gian dối. Dân ta ghét sự gian dối lắm.

Này nhé: *Thật thà là cha giả dối!*

Này nhé: *Nói gần, nói xa chẳng qua nói thật!*

Này nhé: *Khôn ngoan chẳng lọ thật thà!* v.v. và v.v..

Nhiều khi cái xấu được tự nói ra một cách thành khẩn thường được thương xót, an ủi, động viên: *Đánh kẻ chạy đi, ai đánh người chạy lại*! Thế là cái xấu, cái bẩn, cái sai được chữa, được sửa, được rửa, được uốn nắn...

Ở một cá nhân, cứ khư khư "xấu xa đậy lại" thì tác hại cũng rõ rồi, nhưng nếu lại là một tập thể, thì tập thể càng lớn, tác hại đó càng lớn theo.

Tốt đẹp cứ phô ra đi, nhưng xấu xa chớ đậy lại, phải nói tới nó một cách chân thật để sửa. Thế mới chính là cuộc sống thực, vì “nhân vô thập toàn” - làm gì có ai mười phân vẹn mười.

KIM CHỈ CÓ ĐẦU

Câu thành ngữ này không chỉ nói về việc phải tuân theo tôn ti, trật tự trong gia đình cũng như ngoài xã hội, mà lớn hơn, thường xuyên hơn là tạo ra một nếp sống có kỷ luật, có nền nếp, biết tự tin và biết tôn trọng người khác. Tôi ngẫm nghĩ từ một bài hát (bài *Con voi*, mà ca sĩ Trần Hiếu hát rất tuyệt vời bằng giọng trầm hùng) có lời rất đơn sơ như sau: "Con vỏi con voi, cái vòi đi trước, hai chân trước đi trước, hai chân sau đi sau, còn cái đuôi…".

Lời ca trên đây là bài học tả thực con voi, nhưng không phải là sự nhắc nhở về trước sau, nền nếp, kỷ luật chăng? Nếu hai chân sau lại đòi đi trước, thế là có thể thành vấn đề rắc rối ngay rồi!

Lại nhớ chuyện một người bạn kể về ngọn núi Con Rết ở vùng nọ. Ngày xưa có một con rết khổng lồ. Cố nhiên nó có rất nhiều đôi chân. Nếu quan sát khi rết chuyển động, những đôi chân ấy thật nhịp nhàng, cuồn cuộn.

Nhưng, rết khổng lồ gặp rủi ro lớn là dường như mỗi đôi chân đều tranh được bước trước. Rết

ta cứ đứng tại chỗ vì sự giành giật ấy. Lâu lắm, lâu lắm... đến nỗi hoá thành đá.

Đấy là sự tích ngọn núi mang tên Con Rết. Thế là sự nền nếp trước sau, tính kỷ luật cao cần thiết biết bao trong cuộc sống.

Bây giờ các bạn trẻ hay nhắc nhau câu: "Phải biết mình là ai chứ!". Âu cũng là cách nói trẻ trung, cụ thể về chuyện đầu và cuối, chỗ đứng, chỗ ngồi, đường đi, nước bước.

Đi trên đường phố, bạn có bực mình với những người đi ngược chiều, thích lấn đường không? Họ cố lấn một chút về phía trái, và do đó, bít nhỏ hẹp lối thoát cho chính họ và cho cả hai dòng người. Họ không biết chờ đợi, không chịu theo nền nếp mà xã hội đã quy định, đã quen thuộc? Họ chỉ biết mình họ là đủ rồi!

Bạn có chọn những người như thế vào làm việc cùng nhóm, cùng công trình? Mà khả năng làm việc theo nhóm là đòi hỏi của văn minh, hiện đại. Làm việc theo nhóm, dù chỉ vài ba người, vẫn cần một sự trước sau rõ ràng, nhịp nhàng. Nhỏ như kim chỉ còn có đầu cơ mà!

Phải biết mình là ai chứ!

LỬA VỚI KHÓI

Trời sinh ra thế là một chuyện có tính ngụ ngôn thú vị và sâu xa của dân tộc ta. Trong đó nổi lên ý: Dốt đặc còn hơn hay chữ lỏng. "Dốt đặc" thì biết rồi, còn "hay chữ lỏng" hẳn muốn nói đến những người học chưa đến nơi, đến chốn mà lại thích khoe chữ, cậy tài.

Nhân vật "hay chữ lỏng" giải thích rằng con ngỗng sở dĩ kêu to vì cổ nó dài (trường cảnh tắc đại thanh), con vịt nổi trên mặt nước là vì thịt ít mà lông nhiều (đa mao, thiểu nhục tắc phù), hòn đá nứt đôi nếu không do người đánh thì do trời đánh (phi nhân đả tắc thiên đả). Đến khi bị vặn lại con ếch có cổ đâu mà kêu to, cái thuyền làm gì có thịt, có lông mà vẫn nổi... thì anh ta cứng họng.

Đại để câu chuyện như thế. Anh "hay chữ lỏng" phạm cái lỗi là xét đoán theo cảm tính, qua loa, đại khái; mà cuộc sống thì phong phú, chân lý thì cụ thể. Thà như nhân vật "dốt đặc", không biết thì cứ nói "Trời sinh ra thế!" là còn thông cảm được!

Nhân dân ta còn nhiều câu như: *Thấy đỏ ngỡ là chín, Biết một mà chẳng biết hai, Trông*

gà hóa cuốc,... đều cũng nhắc nhở ta về cách nhìn cuộc sống. Nhìn đi nhìn lại. Nhìn và ngẫm nghĩ. Trước sau. Xa gần. Lý tình. Tỷ như câu: "*Không có lửa sao có khói!*". Đấy là một sự khẳng định, nghiêng về phía phê phán hiện tượng nào đó. Không ít lần, tôi đã thấy câu "Không có lửa sao có khói" là võ đoán, là dễ gây oan ức cho ai đó, là tạo điều kiện cho các thứ "khói đen" được xả vào cuộc sống trong lành và khuấy rối sự bình yên của lòng người. Nhưng may thay, cách xem xét, suy nghĩ của người xưa không phiến diện như thế. Cạnh đó, còn thấy câu này: *Gắp lửa bỏ bàn tay* (cũng có khi dùng là *Gắp lửa bỏ tay người*). Thế chứ!

Có khi thứ khói kia lại chính từ lửa kẻ xấu đem đến, mang lửa đến để tạo ra khói. Rồi từ khói đó... Trong dân gian quen dùng câu trên để chỉ những hành động bịa đặt, vu khống mà hại người khác. Những kẻ có hành động đó thường bị mọi người khinh ghét. Thế nên trong cuộc sống, muốn nhận thức được chính xác, nhất là về con người, cần có kiến thức và kinh nghiệm, lại cần rất thận trọng. Khen không đúng, thành hại người; chê không đúng, là hại chính mình.

Nếu bạn có chức, có quyền, có trách nhiệm, mà xem xét và nhận định của bạn có tác động đến sự nghiệp hoặc nhân cách người khác thì càng nên nghìn lần cân nhắc.

Có khói đấy, lửa đấy và còn có thể có cả bàn tay "gắp lửa bỏ tay người" nữa!

Bạn thấy, thấy cho rõ. Bạn nghĩ, nghĩ cho kỹ. Đó là vất vả, nhưng cũng là thú vị và tinh tế của cuộc sống, cũng là tính chất nhân văn của cuộc sống đấy bạn ạ!

ĂN NHAI, NÓI NGHĨ

Tôi tin rằng đây là một câu tục ngữ vào loại ngắn nhất mà ý nghĩa thì khó kể hết. Cách cấu tạo câu này gợi ý cho ta nhớ tới cách nói đến một chân lý, một điều bất biến. Cho thật rành rẽ, có thể diễn đạt như sau: Ăn thì phải nhai, nói thì phải nghĩ (Lại giống kết cấu một "chân lý" khác: *Vợ hiền hoà, nhà hướng Nam*).

Khi nói "ăn nhai", cảm thấy trong sự nhai đó có cả nghĩ ngợi rồi. Ăn sao cho thấy đó là món gì. Món ngon, thưởng thức để nhớ lâu. Món lạ, ngẫm nghĩ để thấy điều lạ và điều không lạ. Ăn nhai, là để ta còn có thời giờ nhìn đến cả mâm cơm, đến cả bạn cùng gặp gỡ (Kẻo như anh tham ăn nào đó trong truyện dân gian, cắm đầu vào ăn. Đến lúc về nhà vợ hỏi ăn cùng mâm với ai, thì ngớ ra không biết vì lúc ngừng ăn, ngẩng lên nhìn thì cả mâm đã chẳng còn ai! Hay như anh nọ, trong một truyện khác: Vợ phải buộc dây vào chân, để mỗi lần kéo dây anh mới được gắp một miếng, kẻo không, theo thói quen, vào bữa là anh gắp lia gắp lịa, nuốt lấy nuốt để).

Ăn nhai - còn là vấn đề của vệ sinh ăn uống, góp phần bảo vệ bộ máy tiêu hoá, giữ gìn sức khỏe. Hóa ra cái sự ăn uống đâu có đơn giản được. Có dịp ta sẽ bàn thêm về ăn, ví dụ như khi bàn đến câu: *Học ăn, học nói, học gói, học mở. Ăn nhai, nói nghĩ* chỉ là một phần của yêu cầu học ăn, học nói mà thôi! (Đây là nói trong lúc bình thường. Còn trong cuộc đời, có những tình huống phải giải quyết chuyện ăn uống cho gọn nhất, nhanh nhất; lúc đó, không thể không thuận theo yêu cầu của "sự biến" ấy).

Còn chuyện "nói nghĩ" - một phần của học nói - cũng thật không giản đơn đâu. Tiếng nói ngôn ngữ là tín hiệu đặc trưng của loài người. Tiếng nói thể hiện rõ tư tưởng, trình độ, tình cảm của con người. Lời nói phải được điều khiển, chớ để lời nói điều khiển ta. Đôi khi, lời nói đã quý - như bạc, nhưng sự im lặng lại là vàng cơ! Đôi khi lời nói được trọng như: *Lời nói - gói vàng*. Đôi khi lời nói là *nói nhăng, nói cuội, nói dài, nói dai, nói dại,...* "Nói nghĩ" chính là sự điều khiển lời nói. Còn là sự nhìn nhận lại mình - đã "đủ sức" để nói điều ấy chưa; và nếu chưa thì cần học thêm những gì? Từ nghĩ mà dẫn đến chuyện học. Học để biết, biết để có thể nói những lời nhiều suy nghĩ hơn... Đây là công việc của cả một đời người và trong từng câu chuyện hằng ngày.

Lại nhớ câu ca dao cổ: *Lời nói chẳng mất tiền mua/ Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau*. Lựa lời chính là suy nghĩ và chọn lọc. Lựa lời, chứ không phải thay đổi ý. Lựa lời để chở được hết ý mình mà lại vừa lòng người. Kể cả trong những trường hợp khó nói, hay tế nhị, nhạy cảm nhất...

Nhiều khi, người được ưa chuộng không phải là người hay nói mà là người nói thật, nói hay, nói vừa đủ, nói đúng lúc, đúng chỗ; sau đó đến người *biết thì thưa thốt, không biết thì dựa cột mà nghe*; còn loại ầm ĩ, huênh hoang, như "thùng rỗng kêu to" thì thật không đáng bàn đến.

ĂN QUẢ - TRẢ VÀNG

Đấy là nhắc tới chuyện dân gian *Cây khế*. Con chim kia ngày ngày đến ăn khế của anh chàng nghèo khó, chỉ có cây khế là gia tài duy nhất, sau đưa chàng ta đi lấy vàng ngọc đầy một túi ba gang...

Người gia ơn đúng mực là người không nghĩ đến lúc được đền đáp; nhưng người nhận ơn, thì dù một chút cũng chẳng nên quên. Đấy là triết lý dân gian Việt đã hình thành và bền vững tự bao đời.

Người ta luôn khuyên nhau, trực tiếp hay gián tiếp, qua những câu chuyện hay qua ca dao, tục ngữ.

- Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.

- Ai ơi bưng bát cơm đầy
Dẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần.

- Cơm này là ngọc là châu
Không cày, không cấy, biết đâu cơm vàng.

- Một miếng khi đói bằng một gói khi no...

Sự trả ơn thường khi không phải trực tiếp mà là qua công việc của mỗi người đóng góp cho xã

hội. Mỗi việc làm dù bé nhỏ nhất, dù là phải đổ mồ hôi hay trí óc, dù là thấy rõ ngay hay ở dạng tiềm ẩn đều là sự trả ơn cho cuộc sống. Cho con đường bao bàn tay đã dựng nên. Cho bát cơm dẻo, chiếc áo đẹp. Cho những trang viết tri âm tri kỷ. Cho bản nhạc êm đềm khiến ta thêm yêu đất nước, con người.

Dù đứng ở vị trí nào mà làm tốt công việc của mình ấy là đã trả vàng cho quả chín mà ta được hưởng. Dĩ nhiên những ai không làm tốt việc được giao (thậm chí có những người chỉ thích hưởng mà không mảy may làm bất kỳ việc gì cho lợi ích con người và xã hội, lại có những kẻ phá hỏng thành quả lao động của người khác) chính là đã quên ơn cuộc sống, quên ơn con người.

Những kẻ đó đã được dân gian vẽ lại chân dung bằng nhiều hình tượng đầy ý nghĩa.

Đó là những kẻ *"Được chim quăng ná, được cá quăng nơm", "Khỏi rên quên thầy", "Ăn cháo đá bát"*. Đó là những kẻ *"Ăn sung trả ngái", "Vay mật trả gừng"*. Đó cũng có thể là những ai *"Ăn cây táo, rào cây sung"*, v.v..

Ơn nghĩa là một truyền thống nhân bản.

Không biết nhớ ơn là đã mất tính người rồi! Bởi thế tôi cứ ngẫm nghĩ câu này của người xưa: *Khỏi vòng cong đuôi*. Thoát được nguy hiểm (nhờ ai đó cứu cho) liền cong đuôi chạy mất hút, không ngoái lại nhìn. Mà sao lại cong đuôi? Có đuôi

nghĩa là một con vật rồi! Câu mắng ấy thật thâm thúy và chua cay, nhưng cũng thật đáng đời!

Cũng như câu ca dao nhẹ nhàng này:

Ai mà phụ nghĩa quên công
Thì đeo trăm đóa hoa hồng chẳng thơm.

ĐỒNG TIỀN - KHÔN?

Rất nhiều người trong chúng ta đã có lần vào bệnh viện phải nhờ cậy đến thầy thuốc. Tôi cũng đã một lần bị trọng bệnh. Phàm đã trong lúc ấy, sự sống chết kề bên, con cháu, họ hàng phải tìm mọi cách để cứu người thân. Con gái tôi phải dò la để biết các "thủ tục" cần thiết, để biết đường đi lối lại. Chừng nào xong "thủ tục" trước giờ bố vào buồng mổ cháu mới thực yên tâm. Xiết bao yêu mến tấm lòng của con cái, người thân, họ hàng. Và chính trong lúc như thế, dù trí yếu, lực kiệt, tôi cũng phần nào an tâm hơn. Đối với tính mạng mình, dù gì cũng phải lo ở mức tốt nhất, cố mà theo kịp mọi người! Kẻo nhỡ...

Có người gọi đó là "đồng tiền - khôn": "*Đồng tiền đi trước là đồng tiền khôn*!". Đấy là câu dạy bảo của người xưa. Có lẽ nó rất đúng trong nhiều trường hợp.

Nhưng...

(Ấy, đã ngẫm nghĩ ngược xuôi thì hay gặp chữ "nhưng" lắm lắm!). Nhưng, trong xã hội hiện nay, không chỉ lúc nguy kịch nơi bệnh viện, mà phàm

làm việc gì, có một số người luôn đưa "đồng tiền khôn" ra để mong lấn át người khác, hơn người khác, trước người khác.

(Ngoài "đồng tiền khôn" ra, còn thứ "khôn" nào khác nữa, dù có biết, tôi cũng chưa bàn đến trong bài này). Cái thói quen muốn hơn người không phải bằng nội lực của mình ấy, mới sinh ra một thứ bệnh - nghe tên rất thể thao, là bệnh "chạy".

Cái gì cũng chạy hết! Chạy chức quyền, chạy quota, chạy bằng, chạy trường, chạy án…

Thứ bệnh "chạy" này, xuất phát từ tâm lý khôn vặt và ỷ thế lực của một số người - thường là khá giả trong xã hội, dần dần lan đến nhiều người. Không có cũng phải cố chạy. Với những người nghèo thì thật kiệt hơi, tàn sức mà vẫn luôn lẽo đẽo cuối đường đua!

"Chạy" trở thành thứ bệnh tâm lý - xã hội. Không chạy hình như là thiếu nhiệt tình, kém thành tâm. Phải chạy thôi! Chạy trước lúc nào hay lúc ấy! Những người thích chạy đã đẻ ra lớp người có tính cách chỉ dẫn, huấn luyện, chạy sao đúng hướng, chạy đúng cửa, chạy đúng kiểu. "Đồng tiền khôn" hoạt động ráo riết, năng nổ, toàn diện và trôi vào đọng lại ở những chỗ "trũng" nào đấy. Đôi khi, nhận ra cũng khó! Phàm là chỗ trũng thì nước ắt chảy vào thôi!

Căn bệnh "chạy" kéo theo sự tha hóa của khá nhiều người, kể cả những ai muốn cưỡng lại nó.

Thế là xã hội náo loạn lên, rối ren lên, giàu nghèo càng cách biệt hơn.

Thế là đồng tiền đi trước có phải là đồng tiền khôn đâu! Nó có thể có lợi cụ thể cho ai đó, lúc nào đó! Nhưng trong toàn xã hội và về lâu dài, đó là những đồng tiền dại (ở phía người tiêu) và là đồng tiền bẩn (trong tay kẻ nhận).

Biết thế rồi! Nhưng hành xử thế nào đây?

Trở lại, lúc tôi chuẩn bị vào phòng mổ, liệu tôi có kiên quyết cấm con cái lo các "thủ tục" không? Tôi cấm, liệu con cái có nghe không?

Ôi! Kiếm được đồng tiền chính đáng, khó thay. Mà tiêu nó cho khôn ngoan còn khó hơn nhiều!

XEM VOI

Không phải đi xem voi ở bách thú, hay xem voi biểu diễn xiếc đâu, mà là chuyện xem voi từ lâu lắm rồi của mấy ông thầy bói mù.

Bữa kia gặp lúc ế hàng, chẳng có "ma" nào đến nhờ vả xem chuyện "tiền vận" hay chuyện nhân duyên, mấy thầy bói đang buồn, thì nghe nói có người dắt voi qua. Bốn thầy liền nhờ được dẫn đến sờ xem con voi nó thế nào. Anh quản tượng có lẽ cũng ghét mấy lão thầy bói quen nói dựa (kiểu "Số cô không giàu thì nghèo/ Ngày ba mươi Tết thịt treo trong nhà...") mới đồng ý cho các thầy toại nguyện, nhưng lại chỉ cho mỗi thầy được sờ một bộ phận của voi mà thôi. Một ông mân mó sờ soạng cái tai to như cái quạt, thỉnh thoảng lại vẫy vẫy. Một ông ôm cái chân voi to như cột đình. Ông thì ngỡ ngàng với cái đuôi voi. Ông lại sợ sệt lần mò suốt cái vòi voi vừa dài vừa liên tục ngó ngoáy.

Khi quản tượng dắt voi đi đã xa thì bốn thầy cũng bắt đầu mường tượng lại con vật mình vừa được tận tay sờ thấy! Rồi thoạt tiên chỉ là những

nhận xét riêng của từng ông, nhưng rồi hoá ra cãi nhau, vì ông nào cũng cho mình là đúng nhất!

Ông ôm chân thì bảo voi giống như cái cột đình, nhưng không nhẵn bằng. Ông sờ tai thì bảo nó giống cái quạt thật lớn, nhưng không có nan, v.v.. Cãi vã rồi đến ẩu đả, khăn áo tả tơi, tung toé. Mọi người đến can ngăn và sau khi nghe chuyện ai cũng cười chê. Có người thương tình mới giảng giải kỹ về con voi cho họ nghe.

Chuyện thế là hết. Nhưng kể từ đó mà hình thành một thành ngữ rất thú vị: "Thầy bói xem voi". Từ nghĩa đen trên đây, câu chuyện tỏ ý chê bai những ai đã kém hiểu biết lại còn võ đoán, đồng thời còn là lời khuyên người ta cần nhìn nhận mọi sự việc một cách toàn diện hơn, cụ thể hơn, tỉ mỉ hơn.

Cuộc sống thật phong phú, luôn còn dành chỗ cho sự khám phá và sáng tạo, luôn có những cái ta chưa biết. Chưa biết thì học. Học thì học cho tường tận, cho đến đầu đến đũa. Chưa biết thì đừng nói, hãy lắng nghe để biết thêm, giống như lời dặn này: Chưa biết thì nhận là mình chưa biết. Ấy là biết vậy! Đừng nói bừa, nói càn; đừng cậy thế mà lấn lướt người bằng kiến thức đầy lỗ hổng của mình!

Có lẽ còn thêm nhiều điều mình có thể tự nhắc nhở mình nữa để không bị người đời xếp vào loại "thầy bói xem voi"!

ĐÈN VÀ TRĂNG

Đây là một câu ca dao - cũng là một cuộc đối thoại tay ba nhiều kịch tính.

Thoạt đầu đây là một cuộc tranh tài, khoe khôn, khoe giỏi của đèn và trăng (chắc là chẳng ai chịu kém cạnh, chẳng ai muốn thừa nhận bên kia). Nhân vật thứ ba có thể gọi là trí khôn của nhân dân phân xử bằng cách đặt ra cho mỗi bên một câu hỏi. Hỏi để được trả lời. Và có thể không trả lời cũng vẫn phải ngẫm nghĩ về câu hỏi ấy, rồi tự rút ra kết luận. Cái khéo của câu ca dao có kịch tính và triết lý chính ở chỗ này.

Đèn khoe đèn tỏ hơn trăng
Đèn ra trước gió được chăng hỡi đèn?
Trăng khoe trăng tỏ hơn đèn
Sao trăng lại phải chịu luồn đám mây?

Thế là ai cũng giỏi và ai cũng có mặt kém. Chuyện trăng và đèn, cũng là chuyện con người thôi! Các cụ ngày xưa cũng dạy: Không ai vẹn mười cả (nhân vô thập toàn). Hiện đại hay cổ xưa, ở nơi này hay nơi khác, nhìn nhận và đánh giá con người, luôn là khó khăn. Nhìn nhận, quan trọng

nhất là sắc sảo. Đánh giá cần nhất là sự bao dung, có tình, có lý. Chúng ta đều biết câu tục ngữ: "Năm ngón tay có ngón dài ngón ngắn". Hình ảnh rõ và quá gần gũi. Triết lý thì sâu sắc. Ngay ngón tay trên bàn tay một con người còn rất khác nhau, nữa là con người trong xã hội. Xòe bàn tay nhìn, ta đã có một lời khuyên đầy nhân hậu, bao dung và cụ thể.

Tuy nhiên, đối với câu chuyện đèn và trăng thì sự gợi mở cho những suy nghĩ về bản thân là sâu sắc hơn cả. Sự tự nhìn nhận và đánh giá mình là yêu cầu thường xuyên, nhưng cũng là khó khăn nhất. Nếu bạn là trăng thì đâu là các loại mây có thể che mờ ánh sáng? Nếu là đèn (Ta nghĩ lại, cái đèn ở trong câu này là thứ đèn rất cổ. Có thể chỉ là một đĩa dầu - dầu lạc, dầu vừng - với một sợi bấc đặt trong đĩa. Như câu này trong Kiều: "Tuần trăng khuyết, đĩa dầu hao") thì gió sẽ tự phía nào? Tránh gió chăng, hay che chắn cách nào?

Suy rộng ra, chuyện đèn và trăng chính là việc cần biết người, biết mình; mà quan trọng hơn là biết mình. Biết mình để làm gì? Chủ yếu để sửa mình. Đó là con đường chắc chắn nhất để phát triển, dù là một cá nhân, hay một nhóm, hay cả cộng đồng. Không tự biết mình, biết sai mà không sửa, đó chắc chắn là mầm mống của lụi tàn, thua kém, diệt vong.

ĐỨNG VÀ TRÔNG

Cái hàm ý chê bai, phê phán thể hiện rất rõ trong cuộc sống khi ta nhận xét ai đó có tính nết, có kiểu suy nghĩ: *Đứng núi này trông núi nọ*.

Trước hết là chê sự đổi thay, không chuyên tâm với công việc, nơi ở, hoặc các mối quan hệ. Sự chuyên tâm, chuyên cần với công việc quả là một điều cần thiết bậc nhất của con người để trở thành có ích cho xã hội.

Nhưng, lại nhớ câu ca cổ này: *Người ta đi cấy lấy công/ Tôi nay đi cấy còn trông nhiều bề / Trông trời, trông đất, trông mây/ Trông mưa, trông gió, trông ngày, trông đêm/ Trông cho chân cứng đá mềm/ Trời êm bể lặng mới yên tấm lòng.*

Ở đây, anh nông dân đang cày ruộng, lại "trông" nhiều quá! Nhưng người đọc đều thấy mến sự trông ngóng nhiều bề đó, thấy nể cái nhìn bao quát rộng lớn như vậy!

Thế là, cũng có thể nói, cái sự "đứng núi này trông núi nọ" nhiều khi là có ích và rất cần thiết. Xã hội càng văn minh, càng đòi hỏi sự "trông nhiều bề".

Ý nghĩa mang nặng chê bai của câu "Đứng núi này trông núi nọ" đã không hoàn toàn đúng nữa. Thậm chí, có thể dùng cách nói đối lại như sau: Phải biết đứng núi này trông núi nọ chứ!

Ấy vậy, cách đứng và trông đã không đơn giản mà cũng không yên vị giữa biến đổi của cuộc sống. Phải biết trông, nhưng không thể cứ nhấp nhổm, ngồi không nóng chỗ, trông xa mà chẳng biết nhìn gần, chỉ thấy người mà quên ta. Đôi khi không khéo lại trông gà hóa cuốc, thấy cây núc nác ngỡ là vàng tâm.

Cái sự đứng và trông còn cần suy nghĩ thêm nữa. Cũng như câu ca dao rất tình cảm này lại có điều gì đó giống như đi ngược lại sự phát triển: *Ta về ta tắm ao ta / Dù trong dù đục ao nhà vẫn hơn*. Nên chi tạm sửa lại: *Ta về ta tắm ao ta / Nước trong ta vùng vẫy, nước đục thì ta lọc, ta đánh phèn, ta chăm chút cho trong!*

ĐI MỘT NGÀY ĐÀNG...

Rõ ràng đây là một nhận định nhằm kích thích sự mở mang nhận thức con người, mà bắt đầu bằng bước đi - "*Đi một ngày đàng, học một sàng khôn*".

Phụ họa thêm, ta có thể đọc câu ca dao này: *Đi cho biết đó, biết đây/Ở nhà với mẹ biết ngày nào khôn*. Hoặc giả có thể nói khác một chút, nhưng cũng vẫn rõ cái ý ngợi ca việc mở rộng tầm nhìn: *Ở nhà nhất mẹ, nhì con/ Ra đường lắm kẻ còn giòn hơn ta*.

Khởi sự là bước đi, vượt khỏi lũy tre làng, nhưng quan trọng và cốt lõi là sự vượt khỏi bản thân mình! Ra đi, không phải để vui chơi nhảy múa, mà để học thêm điều gì đó!

Ấy đấy, chính cái ý thức muốn được mở mang nhận thức mới là bước đi đúng đắn của chuyến xê dịch. Có vậy, đi một ngày đàng mới mong có sàng khôn đem về; bằng không thì đi cả cuộc đời, chỉ ngày càng mòn vẹt, trơ lỳ, tàn tạ thêm mà thôi.

Sự khao khát đi để học cái khôn của thiên hạ không phải là một ý tưởng táo bạo và đẹp đẽ mà đến ngày nay ta vẫn còn phải theo đuổi đó sao?

Ngày xưa đi một ngày đàng đã là cả một cuộc vật lộn vất vả. Đi - đồng nghĩa với sự dẻo dai của bàn chân bước, đôi mắt nhìn, cặp tai nghe, cái miệng hỏi, cái đầu suy xét, trăn trở.

Nay, dẫu có nhiều phương tiện khác nữa, dẫu nhanh chóng, nhẹ nhàng đến đâu thì sự đi - đi để học vẫn cần vất vả như thế! Sự khôn ngoan không nhặt được dễ dàng!

Lại nữa, nay, với những phương tiện truyền thông ngày càng hiện đại thì sự đi quan trọng nhất là cái ý thức muốn mở mang nhận thức vậy! Có nghĩa quan trọng nhất là phải luôn tiến lên trong tâm hồn mình, trong đầu óc mình. Sự đi không chỉ là bước những bước cụ thể ngoài đời. Mỗi ngày, mỗi ngày ta có đi thêm được vào lĩnh vực nào đó (ngay cả tâm hồn mình chẳng hạn, cũng là một lĩnh vực đáng tìm học chứ sao) - ấy là ta đã đi một ngày đàng rồi, ấy là ta có thể biết hơn, khôn hơn một sàng, một đấu, một vốc hay một li ti nào đó rồi!

CHUYỆN CON CÒ...

Thực ra con cò trong dân gian không chỉ là biểu trưng của cái đẹp và sự cần cù chăm chỉ, không chỉ là cánh cò trắng bay lả bay la dập dờn cùng sóng lúa và giữ trọn tấm lòng trong sạch *(Có xáo thì xáo nước trong/ Đừng xáo nước đục đau lòng cò con).*

Mà còn có "Con cò là con cò quăm/ Mày hay đánh vợ mày nằm với ai?"; những con cò chỉ đợi thời cơ nước đục…

Đấy là dân gian xưa, còn dân gian ngày nay thì "cò" được dùng để chỉ một loại người không chăm chỉ làm ăn, mà chỉ khéo mồm mép, luồn lách. Loại "cò" này, chân chạy cũng nhanh, tay đếm cũng thạo. Không phải chạy tránh người mà chạy tìm đến chỗ đông người.

Ở đâu có đông đúc, chờ đợi, ở đấy có "cò". Ở đâu có người muốn tranh thủ nhanh hơn người khác một chút, tốt hơn người khác một ly, sĩ hơn người khác một nấc, ở đấy có "cò". Ở đâu có nước đục, có kẽ hở, có bòn vét, có tư lợi, chút ít, ở đó có "cò".

Nước chưa đục, cò khuấy lên cho đục
Nước đục ít, cò vùng vẫy, giẫm lội, cho đục nhiều hơn.
Làm sao cho đục nước để béo cò.

Đục nước béo cò, và suy ngược lại cũng chẳng sai. Phàm có cò, thường là ở chỗ nước đục. Nước đục bao hàm nhiều ý lắm, tùy từng vùng, từng lúc, từng việc mà sự đục đó như thế nào và đến đâu.

Đi khám bệnh, có "cò" bệnh viện.

Đi đăng ký xe máy, nhận biển số xe, có "cò đăng ký", "cò biển số" (*Lấy nhanh, số đẹp, tiền nhiều / "Cò" tôi giúp đỡ sớm chiều vô tư*).

Ra bến xe, bến tàu có "cò vé". Rồi "cò đất", "cò trường học", "cò bằng cấp", "cò chạy án",... Những loại "cò" kể trên, để khỏi lẫn với con cò hiền lành, chăm chỉ trong ca dao xưa và cũng phân biệt với loại "cò quăm" hay đánh vợ, từ nay xin gọi chúng là "cò quắp". Cò quắp ơi là cò quắp.

Biết là mày ăn bám và làm bẩn cuộc sống này, nhưng dễ gì mà diệt trừ được mày đây. Trừ phi, nước ở mọi nơi, mọi lúc phải leo lẻo trong lành!

LÁ RÁCH

Từ xa xưa, dân ta đã có câu: "Lá lành đùm lá rách". Hình ảnh những chiếc lá lành, lá rách thật gần gũi, dân dã, dễ đọng lại, gắn vào trong trí nhớ con người ta.

Tấm lòng vị tha, cưu mang đó còn được nhắc lại trong nhiều lời khuyên răn tương tự, như: "Lá lành đùm lá rách, con chị đỡ con em", "Thương người như thể thương thân",...

Thời nào, ở đâu cũng có nhiều câu chuyện thể hiện nghĩa tình đó. Không chỉ là từng cá nhân riêng lẻ, không chỉ là bề nổi của một phong trào, mà lòng thương người đó được xuất phát từ nhận thức sâu sắc về con người và xã hội.

Ăn mày là ai? Ăn mày là ta
Đói cơm rách áo, hoá ra ăn mày.

Cuộc sống đầy biến động, tai ương, bệnh tật, lỡ bước, sẩy chân,... đều có thể đẩy con người vào cảnh cơ hàn, quẫn bách. Mà dân ta đến ngày nay, dù đã đổi đời, muôn lần hơn trước, vẫn là nước đang phát triển bước đầu, đang ở mức những nước nghèo nhất. Nghĩa là, nói theo hình ảnh dân gian,

ta đang còn ít lá lành mà nhiều lá rách. Nhưng chính trong điều kiện ấy, sự đồng cảm, thương yêu lẫn nhau lại càng thêm tròn đầy, rộng mở, xanh tươi.

Chính trong hiện thực cuộc sống nhân hậu này mà nảy sinh nét mới, một hình ảnh mới của tình người: "*Lá rách ít đùm lá rách nhiều*"! Nghĩa là đôi khi ta phải nhịn ăn, nhịn mặc để san sẻ cho đồng bào, đồng loại...

Những cơn bão hung bạo thường tràn vào miền Trung với sự phá hoại ghê gớm. Đã và sẽ thêm bao cảnh ngộ đau lòng. Đã và sẽ thêm bao cử chỉ ân nghĩa. Bao nhiêu lá lành, lá rách ít sẽ đùm bọc cho những chiếc lá rách nhiều.

Và cũng có thể, có những thứ lá - xấu - xa, thường có vẻ ngoài to lớn, lành lặn, mỡ màng, bóng loáng, lăm le muốn cấu xé thêm chút ít trong phần của lá rách nhiều, rách xơ xác, rách tan nát kia!

HỌC MÀ KHÔNG... PHẢI VẬY

Việc học hành luôn được coi là việc tốt, là điều kiện để phát triển cho mỗi cá nhân, cộng đồng và cả quốc gia.

Những câu dạy của người xưa, như: *Ăn vóc, học hay; Học thầy không tày học bạn; Học hay, cày giỏi*...; như câu tục ngữ của dân tộc Thái: *Học khôn, học đến chết/ Học khéo, học đến già*; hay câu thành ngữ: *Học ăn, học nói, học gói, học mở;*...

Học không phải chỉ là học chữ nghĩa ở trường, mà là học mọi thứ hay, có ích; học ở khắp nơi, mọi lúc.

Nhưng ngẫm cho kỹ thì cũng có kiểu học chẳng đem lại lợi ích gì mà còn có hại nữa! Đó là sự học đòi.

Tục ngữ có câu răn: *Chớ thấy người ta ăn khoai mà vác mai đi đào!* cũng là cái ý cảnh báo việc học đòi này.

Những kiểu học đòi trong cuộc sống thường dẫn đến sự lai căng, nhố nhăng... Từ quần áo đến đầu tóc, từ lời nói nơi đông người đến câu chữ trên bảng hiệu, từ bài hát và trang phục trên sàn diễn

đến những trang viết theo "làn sóng ngoại" rất xa lạ với bản sắc văn hóa Việt.

Đáng thương thay những suy nghĩ nông nổi, hời hợt cứ tưởng nhuộm lòe loẹt một mái tóc, ồn ào và cuồng nhiệt theo một bản nhạc là đã thành người hiện đại; cứ tưởng lè nhè chè rượu và chửi đổng tùm lum là đã có nét đặc trưng của văn nghệ sĩ!

Suy cho cùng sự học đòi chỉ là kết quả tất yếu của sự ít học mà thôi. Dòng sông sâu thì lặng lẽ tuôn chảy, chỉ khúc suối nông mới gào réo và tung bọt đục ngầu!

Ta thử cùng nhìn lại những sự học đòi lớn và nhỏ quanh ta và theo dõi hậu quả của sự vội vã, non nớt ấy. Vội vã nhưng ảo tưởng là nhạy bén, non nớt mà ngộ nhận là trẻ trung, mới mẻ. Đó chính là bi kịch của sự học đòi vậy!

KIỀNG BA CHÂN

Cái kiềng đun bếp đã dần dần ra khỏi đời sống hằng ngày của người dân thành thị. Ở làng quê, chiếc kiềng đó nhiều khi được thay thế bằng ba ông đầu rau, hoặc bếp lò đắp bằng đất, hoặc bằng kim loại; nhiều khi chất đốt đã được thay đổi - từ rơm rạ, củi đã được thay bằng trấu, mùn cưa, than tự nắm, than tổ ong, dầu hỏa,... Chất đốt thay đổi, cái bếp đun cũng đổi thay theo.

Có lẽ, rồi dần dần hình ảnh cái kiềng ba chân càng vắng dần trong cuộc sống. Nhưng hình tượng ấy, tôi tin là còn bền vững trong đời sống tinh thần người Việt. Giống như câu ca này sẽ còn mãi đọng lại: *Dù ai nói ngả nói nghiêng / Lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân.*

Cái kiềng ba chân bao giờ cũng đứng chắc chắn, không bao giờ có hiện tượng cập kênh - như cái bàn bốn chân chẳng hạn. Chúng ta đều biết, ba chân kiềng (ba điểm) sẽ tạo thành một mặt phẳng - tạo thành cái thế vững chãi ấy! Từ hình ảnh cái kiềng mà có khái niệm "thế chân kiềng" hay "vững chân kiềng" - một sự chắc chắn, giao

hòa; hay "vững như bàn thạch" - một sự bền chắc lâu dài.

Tôi còn nghe một câu ca này nữa: *Dù ai nói dai như chão/ Đây ta vẫn vững như kiềng.* Cả hai khái niệm trừu tượng đều được cụ thể hóa - thứ cụ thể hóa của người Việt. Lời nói dai - cụ thể thành sợi dây chão - thứ thừng lớn, thường rất bền chắc. Sự vững vàng của ta, của lòng ta - cụ thể thành cái kiềng!

Tính kiên định, vững vàng của con người lao động khiến cho chân cứng, đá mềm, bắt sỏi đá thành cơm gạo. Sự "vững như kiềng" không chỉ đòi hỏi ở những việc lớn, không chỉ việc lớn mới cần. Bất cứ chuyện gì cũng cần sự kiên định, vững vàng ấy.

- Yêu nhau tam, tứ núi cũng trèo
Ngũ, lục sông cũng lội, thất, bát, cửu, thập đèo cũng qua!

Đâu có ngại trắc trở:

- Yêu nhau muôn sự chẳng nề
Một trăm chỗ lệch cũng kê cho bằng!

Một trăm chỗ lệch (chứ kể gì vài ba khác biệt), cũng kê cho bằng, chứ không phải là chấp nhận. Cái ý chí ấy không chỉ là lòng quyết tâm mà là cả sự thực hiện nữa.

Bất cứ vấn đề gì trong cuộc sống cũng cần có chính kiến và giữ vững chính kiến đó. Đấy phải

chăng là những điều được nhắn nhủ qua sự vững vàng của chiếc kiềng ba chân. Và cũng từ hình tượng kiên cường ấy ta càng thấy rõ hơn những tính cách đối lập, ví như kiểu: "Gió chiều nào che chiều ấy"; hoặc "Mười rằm cũng ừ, mười tư cũng gật"; hoặc nữa một loại tính cách điển hình gọi là "ba phải"; hoặc nữa là... (một điều gì đó mà bạn biết).

MẶT TRĂNG VÀ MẶT TRỜI

Có thể bạn chưa nghe bài ca dao này (nếu bạn đã biết, xin bạn vui lòng cùng đọc lại, vì nó rất ngắn):

Ông trăng mới bảo ông trời
Những người hạ giới là người như tiên
Ông trời mới bảo ông trăng
Những người hạ giới mặt nhăn như tườu!

Chỉ có 2 đôi 6 - 8, nghĩa là 28 chữ, bài ca dao thoạt nghe thì ngộ ngộ, vui vui, nhưng ngẫm nghĩ kỹ thì không hẳn thế. Đây là một câu chuyện có ba nhân vật: mặt trăng, mặt trời và con người; Đúng hơn là chuyện của hai nhân vật cùng nhận xét về nhân vật thứ ba.

Nhân vật thứ ba là "người hạ giới" - nghĩa là như chúng ta. Chỉ một người hạ giới đó thôi mà trong con mắt của mặt trăng và mặt trời lại là hai hình ảnh đối nghịch hoàn toàn (về mặt hình dung nhìn thấy được): tiên và tườu - chắc các bạn đều biết, tườu là cách gọi khác của khỉ!

Tại sao sinh ra sự khác biệt đó?

Tại sao mắt nhìn của mặt trời và mặt trăng lại khác nhau đến vậy?

Phải chăng, dưới ánh sáng dịu dàng, êm ả, trong trẻo của ánh trăng, mọi con người hạ giới đều vui vẻ, đẹp đẽ, thanh thản hơn lên. Còn trong nắng chói chang rực rỡ, như gắt gỏng, như thiêu đốt, con người hạ giới trốn chạy, tránh né không được mới phải đối mặt với mặt trời. Lúc đó con người phải nheo mắt, nhăn mặt, đỏ mặt, tía tai và ròng ròng mồ hôi để trông quả là tươu thật!

Cả mặt trăng và mặt trời đều nhận xét đúng về con người hạ giới trong sự tiếp xúc trực tiếp giữa đôi bên. Với mặt trăng thì con người đẹp đẽ, tươi tỉnh. Với mặt trời thì con người nhăn nhó, xấu xí.

Con người đã ứng xử với mặt trăng và mặt trời tương ứng với những gì được mặt trăng và mặt trời đối xử; hay nói cách khác, mặt trăng và mặt trời nhìn thấy con người hạ giới đúng như cách hai nhân vật này tiếp xúc với họ.

Thế nên bài ca dao tưởng chỉ kể chuyện tào lao, vui vẻ, lại chính là một triết lý sâu sắc trong cuộc sống, trong ứng xử người với người, trong ứng xử một người với cả cuộc đời, trong ứng xử của con người với tự nhiên nữa…

Thế thì có khác gì đâu ý của một danh nhân nào đó: Muốn có bạn tốt, trước tiên mình phải là một người bạn tốt đã!

Đến đây là hết bài viết bàn về một bài ca dao ngắn gọn, tưởng là đơn giản trong kho tàng văn học dân gian đồ sộ, phong phú của dân tộc ta; có thể còn điều gì đó chưa hợp ý bạn chăng?

ĐI GIÀY SAU MƯA...

Trời vừa mưa xong. Một người đi rón rén trên đường lầy lội. Anh ta đi một đôi giày vải trắng, sạch bong. Bởi thế, anh ta phải lựa từng chỗ đặt chân, sao cho nước hoặc bùn cùng lắm cũng chỉ làm bẩn đế giày cao su, quyết không để dây tới phần vải trắng.

Nhưng đường thì xa, mà lại rất nhiều đoạn đầy vũng nước và vết bùn, nên chẳng bao lâu, trên mặt vải giày trắng đã lốm đốm vết bùn, giọt bùn. Vết bẩn cứ thêm từng chút một. Lúc này, anh bạn dường như đã hết kiên nhẫn, vả lại, theo anh nghĩ, giày đã bẩn, còn cần gìn giữ làm gì nữa, nên anh cứ ào ào lội cả bùn nước mà đi, mặc cho đôi giày bê bết bùn.

Thế là hết chuyện đôi giày vải trắng trên đường lầy bùn sau trận mưa. Nhưng từ đó, có một câu hỏi bật ra: Phải chăng không ít người đã xử trí với tính tình và tâm hồn mình y như anh chàng nọ với đôi giày vải trắng: Thoạt đầu, họ có ý chăm sóc, bảo vệ nó cho đến khi không may nó bị nhuốm xấu xa, bị bắt dẫn sai lệch, thế là họ bỏ mặc, buông xuôi.

Đấy là một hành động dại dột. Bởi vì ta có thể giặt giày hoặc thay một đôi giày mới; nhưng tâm hồn và tính nết của mỗi người thì không thay đổi được theo kiểu ấy!

Luôn luôn phải gìn giữ thận trọng sự trong trẻo, tinh khiết, tốt lành của tâm hồn, tính nết, tính cách. Ai cũng có thể có sơ sót, nhưng biết để liệu cách tránh, học cách tránh thì sơ sót càng ít hơn, càng nhẹ hơn. Và nhất là không bao giờ buông xuôi, phó mặc cho số phận và hoàn cảnh đưa đẩy, dù gặp những sơ sẩy.

Hãy giữ gìn đôi giày trắng từ ban đầu và cố càng ít càng tốt để xảy ra những vết bùn trên đó; hãy rón rén và thận trọng đến tận cùng - nhất định bạn sẽ giữ được sự sạch sẽ ở mức độ cao nhất trong hoàn cảnh cụ thể. Chớ vì những vết bẩn khó tránh khỏi mà nhấn cả đôi giày xuống bùn!

CÓ CÔNG MÀI SẮT...

Có công mài sắt có ngày nên kim - câu ca của ý chí và niềm tin. Chỉ có niềm tin mà không có ý chí thực hiện thì niềm tin đó chỉ là ảo vọng; chỉ là sự chờ đợi thụ động. Chỉ có ý chí mà không đủ niềm tin thì ý chí đó như con thuyền vượt sóng gió mà không bến định! Ý chí và niềm tin hòa quyện, nương tựa, thúc đẩy lẫn nhau tạo nên sự thành đạt của mỗi con người, tạo thành lối sống của từng cá nhân. Có ý chí và niềm tin, người ta mới kiên nhẫn, từng chút một, từng chút một, góp gió thành bão, góp ít thành nhiều, tiến dần tới thành công.

Thoạt tiên và rõ ràng nhất là làm một cái kim. Nhưng suy rộng ra thì muốn làm bất kỳ việc gì cũng cần đến sự kiên nhẫn - cũng chính là ý chí và niềm tin ấy. Tôi đồ chừng rằng câu ca giàu triết lý sống này hình thành ở giai đoạn đồ sắt - giai đoạn của thứ vật liệu bền chắc, và còn hiếm, nó có tác dụng giúp con người xưa sống dễ chịu hơn. Lấy sắt làm ngọn giáo, thanh gươm, đầu mũi tên đã là khó, nhưng để làm nên cái kim tí xíu còn khó

khăn, tỉ mẩn hơn nhiều. Chỉ có thể dùng những ngón tay khéo léo mài trên đá và dùng đá để mài. Chẳng biết rõ hết bao nhiêu thời gian cho sắt thành kim?

Chẳng biết nữa! Nhưng cái kim cần thiết cho đời sống hằng ngày biết bao (trong những di chỉ khảo cổ vào thời kỳ trước đó, ta có thể thấy những cái kim làm từ xương). May mặc, vá víu. Sự ấm cúng của một gia đình. Những bàn tay biết may vá.

Chẳng cần biết là đến bao giờ, nhưng niềm tin thì đã bền vững, niềm tin thì đã sừng sững và giản dị: Có công mài sắt có ngày nên kim.

Tôi lại nhớ câu nói cửa miệng của người Tày: *Khắc đi, khắc đến.* Hay những thành ngữ đã rất quen thuộc: *Nước chảy đá mòn; Kiến leo cột sắt cũng mòn; Kiến tha lâu cũng đầy tổ.*

Tất cả những câu nói đó đều chỉ rõ một điều: Phải có công sức mới mong thành công. Khắc đến ắt phải từ chỗ khắc đi! Đá mòn vì nước chảy. Cột sắt mòn vì triệu triệu vết chân kiến leo qua. Tổ đầy nhờ kiến tha mồi.

Không có gì tự nhiên mà có! Đó là niềm tin mà cũng là quy luật cuộc sống!

Sáng tạo nghệ thuật cũng cần biết bao nhiêu tích lũy lao động trong đó. Lao động của suy nghĩ, lao động của viết và xoá, phác họa và bố cục, sống

lăn lộn với đời và trăn trở trước giấy trắng. Tôi không bao giờ tin có cái gì đáng giá và bền vững mà có được nhờ "làm chơi ăn thật"!

Bởi vậy càng đáng yêu mến hơn những cống hiến của mỗi bàn tay, khối óc tạo nên trong đời. Không có thứ gì là không kết tinh từ sự nghĩ và làm việc của con người. Vậy là, *có công mài sắt có ngày nên kim* là nói về ý chí và niềm tin, nhưng cũng là lời nhắc nhở hãy biết yêu quý, tôn trọng sức lao động của mình trong mỗi kết quả dù là nhỏ bé nhất.

ĂN XỔI, Ở THÌ

Bạn có nhớ chăng trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, đoạn Thúy Kiều và Kim Trọng gặp gỡ thề bồi, đến lúc thấy chàng "*Sóng tình dường đã xiêu xiêu/Xem trong âu yếm có chiều lả lơi*" thì nàng buộc phải ngăn lại: "*Ra tuồng trên bộc, trong dâu/Thì con người ấy ai cầu làm chi/Phải điều ăn xổi, ở thì/Tiết trăm năm, nỡ bỏ đi một ngày!*".

Nguyễn Du thật khéo đưa câu thành ngữ "Ăn xổi, ở thì" vào đây một cách nhuần nhuyễn, ý vị. Ăn xổi, ở thì với nghĩa là chỉ nghĩ tạm bợ, trước mắt, không tính đến lâu dài!

Ngôn ngữ thường ngày cũng hay nhắc đến từ "xổi", ví như dưa "muối xổi" - là thứ dưa muối để ăn ngay, trái ngược với dưa nén lâu mới ăn được, nhưng có thể ăn trong nhiều ngày. Lại có thứ "giàu xổi", nghĩa là mới giàu và giàu rất nhanh, thường khó lâu, bền.

Trong xã hội hiện đại với nền kinh tế thị trường là mảnh đất rất tốt cho loại cây "ăn xổi ở thì", cũng có thể gọi bằng khái niệm "thực dụng": cốt được việc cho mình trong hôm nay, giờ này,

còn sau này và cho ai khác, không cần biết, không cần tính đến.

Con người mạnh tính chất *ăn xổi, ở thì* sẽ đẻ ra những sản phẩm "mỳ ăn liền"; sẽ có quan niệm "sống ngày nào tính ngày ấy"; sẽ có tình cảm kiểu "tiền trao, cháo múc". *Ăn xổi, ở thì* rất gần với chuyện "được chăng hay chớ", "được chim quăng ná, được cá quên nơm", "uống nước cả cặn"... Ngay cả một nền kinh tế cũng có thể phát triển "quá nóng", có lợi trước mắt, nhưng hại cho đến mai sau, làm cho môi trường bị vắt kiệt, bị tàn phá. Nền kinh tế như thế cũng có dấu vết của sự *ăn xổi, ở thì.*

Nhớ thời chống Mỹ, dọc đường hành quân trên rừng núi có những vườn sắn. Mỗi đơn vị, mỗi người đi qua, đều có thể đào củ lên ăn; nhưng phải nhớ chọn những hom sắn bánh tẻ, xới đất, cắm hom sắn xuống, tìm nước tưới. Những cây sắn lại nảy lá, đâm chồi, sinh củ.

Đấy là một cách làm ăn và làm lâu bền, có trước có sau, khác hẳn kiểu *ăn xổi, ở thì*.

Phong cách tốt đẹp ấy, giống như ngày nay những nước trên thế giới theo đuổi việc "phát triển bền vững" nền kinh tế quốc gia. Nghĩa là một cái nhìn xa hơn, rộng hơn cho mai sau.

Ăn xổi, ở thì - ai cũng biết là không hay, nhưng lại dễ làm, dễ kết quả. Bởi thế, còn rất lâu nữa, vẫn lại sẽ có người nào đó, ở đâu đó, nhắc nhở tới một câu có nghĩa giống như Kiều nhắc nhở Kim Trọng tự thuở nào!

ĂN, NÓI VÀ LÀM

Cách nói của dân gian thường giàu hình ảnh, ngắn gọn và ẩn chứa nhiều tầng lớp ý nghĩa. Ví dụ như câu này: *Ăn như rồng cuốn, nói như rồng leo, làm như mèo mửa*.

Một câu nói phiếm chỉ, nhưng lại vẽ rất rõ nét một loại người, một tính cách và câu đó cũng đã hàm ý chê trách tính cách loại người ấy.

Về nói và làm, chúng ta luôn yêu mến và nể phục những người nói được và làm được. Người làm tốt, nhưng không "nói" được, cũng bị đánh giá không thật cao lắm. Nhưng dân ta chúa ghét loại "mồm miệng đỡ chân tay" - tức là những anh lười, lại muốn che đậy sự lười biếng đó; thứ hai là loại "một tấc đến giời", "trăm voi không được bát nước xáo" - tức là những anh nói khoác. Dân ta còn cô đọng lại một câu thành ngữ: "Nước xáo voi". Ấy là chỉ những hứa hẹn vu vơ, những bánh vẽ khổng lồ, những viễn cảnh không tưởng.

Trở lại câu nói của chúng ta, nhân dân còn thêm vào đó một vế "ăn". Ăn - tượng trưng cho sự hưởng thụ. Như thế có thể nói câu đó đã diễn tả

khá hoàn chỉnh về một tính cách - tính cách đó là một cá nhân, nhưng cũng có thể là một tập thể. Đó là sự cống hiến (làm), hưởng thụ (ăn) và "báo cáo" về công việc của mình hoặc hứa hẹn về công việc sẽ làm (nói).

Chúng ta đều biết hiện tượng dân gian gọi là vòi rồng - tức là luồng gió rất mạnh cuốn nước hoặc cát từ biển (hoặc ao, hồ, sa mạc) rồi đem thả xuống nơi khác, tạo ra những trận mưa cát, mưa rong rêu, mưa tiền kim loại cổ.

Vòi rồng cuốn là một sức mạnh ghê gớm - vậy mà được ví với sự ăn uống thì quả là đáng sợ. Ăn như rồng cuốn - khác vòi rồng cuốn là nó chẳng "nhả" đi đâu cả mà chỉ thu vào thôi! Ăn, không chỉ là nghĩa đen mà còn có thể là ăn cả nhà, cả đất, cả tiền công quỹ, cả công sức của dân nghèo.

"Ăn như rồng cuốn" khiến ta phải nhớ đến một loại người có đủ sức, đủ quyền để cuốn như vậy. Không biết người xưa có ý nói đến các quan tham nhũng không nhưng chúng ta cảm thấy rất rõ ý đó.

Ăn thì thế, nói cũng rất đẹp "như rồng leo", với hình dáng uốn lượn, có vây, có móng, lại thêm mây vờn quanh nữa - như hình ảnh ta thường thấy trang trí đâu đó. Nói thật đẹp, thật hoành tráng, và không kém sự thiêng liêng nữa.

Chỉ tiếc, cuối cùng làm lại như mèo mửa. Con mèo khi thực hiện việc ấy trông vừa lười biếng,

nhếch nhác, vừa bẩn thỉu, vung vãi. Làm, thực ra là làm hại, buộc người khác phải lo thu dọn, sửa chữa.

Ôi, sao mà giống nhiều việc ngày nay ở nhiều nơi trên đất nước ta đến thế - những việc làm nghèo đất nước này, mỗi chúng ta đều có thể kể ra.

Và như thế ta càng thêm yêu quý những người biết lo trước thiên hạ, biết nhường cơm, sẻ áo, biết "ăn cơm nhà vác tù và hàng tổng". Mỗi chúng ta cũng đều có thể kể về họ, họ ở ngay quanh ta hằng ngày.

QUANH QUẢ BỒ HÒN

Nhiều người ở thành phố, nhất là lớp trẻ bây giờ không biết quả bồ hòn thế nào. Nó có tác dụng gì với đời sống con người.

Đã dùng thứ quả ấy nhiều lần từ thời còn nhỏ ở quê nhà, nếu không tìm hiểu lại thì tôi cũng chẳng còn nhớ hình dáng cây, cành, lá, hoa của nó nữa.

Nhưng tôi đồ rằng, thuở xa xưa, quả bồ hòn rất quen thuộc với đời sống người Việt ta. Bằng chứng là nó đã bao lần chia sẻ nỗi đắng cay, chua ngọt, ẩn ức của con người, kết tinh trong câu thành ngữ chua xót: *Ngậm bồ hòn làm ngọt*.

Khốn khổ! Xót xa!

Cái thứ quả cay cay, đăng đắng lại hăng hắc ấy phải ngậm mà khen rằng ngọt thì nỗi nhẫn nhục ấy chỉ lặng câm thôi mà đủ kêu thét tận trời cao!

Cái thế của người cùng cực đến nỗi quả đắng chẳng dám lè ra cũng chẳng thể nuốt vào mà còn phải mặn lời khen rằng ngọt! Đến thế họa may mới nói được phần nào nỗi cơ cực, éo le của tình đời, tình người trong xô bồ thế sự thuở nào.

Cái quả bồ hòn tròn tròn, to cỡ quả nhãn chín, màu nâu nâu, hồng hồng, xam xám, khá nhẵn bóng, trong lòng chứa ruột và hạt giống như một loại xà phòng. Vò nó trong nước, cũng sủi bọt và cũng dùng để giặt!

Cũng một câu ca của dân tộc mình đã ghi:

Yêu nhau củ ấu cũng tròn
Ghét nhau thì quả bồ hòn cũng vuông!

Củ ấu - chắc quen thuộc hơn, vì nó là món ăn khá ngon, bùi, béo. Lại có câu kể về thân phận củ ấu: *Thân em như củ ấu gai, ruột trong thì trắng, vỏ ngoài thì đen*! Đen đã đành! Phải nói là đen kịt thì đúng hơn. Nhưng nổi bật nhất là củ ấu có hai cái gai nhọn, rắn chắc, vuốt dựng hai bên. Có thể tưởng tượng củ ấu giông giống một cái đầu trâu tí xíu, với đôi sừng vểnh lên. Ấy vậy khi yêu nhau nó cũng thành tròn đấy! Còn quả bồ hòn thật là tròn láng mà lắm lúc bị ghét bỏ đến nỗi hoá nên vuông!

Không biết giờ khắc này, còn những ai ở trên đất nước ta dùng bồ hòn để giặt giũ nữa? Vả lại, có phải vùng đất nào cũng có thứ cây độc đáo ấy đâu!

Cho nên lãng đãng thời gian, rồi ra chắc chẳng mấy ai còn để ý, còn biết đến, nghĩ đến thứ quả không chỉ đỡ đần con người mà còn trở thành tri âm, tri kỷ để san sẻ, thở than giống như cái cọc cầu ao, cái cối xay, cái giần, cái sàng... Những thứ đã chìm dần vào ký ức, nhưng mong rằng nó còn

mãi tận nơi sâu thẳm của tình cảm mỗi người, để ta thấu hiểu nỗi khổ cực của người xưa và tính kiên trì, nhẫn nại, gắn bó với thiên nhiên để vượt lên trong cuộc sống luôn hướng tới sự nhân ái, chân thực và cái đẹp.

RƯỢU VÀO

Rượu là tinh túy của gạo. Gạo lại là ngọc thực. Đương nhiên rượu là thứ rất đáng quý rồi. Ai dám chê rượu nào!

Một chút rượu giữa mùa xuân, trong ba ngày Tết, thường đem lại không khí vui vẻ, tưng bừng, đầm ấm. Ta hãy hưởng chút bay bổng ấy.

Nhưng rượu lại là thứ ranh ma, tinh vi lắm, nó luôn muốn điều khiển con người. Thoạt tiên nó là bạn - làm cho ta vui, nhưng sau dần, nó là thù - làm cho ta quên lãng chính ta. Thoạt tiên và thông thường là rượu vào lời ra.

Ta không nói nữa mà là rượu nói, mà thường thì mười điều có bảy, tám điều sai trái, bậy bạ. Mọi người bảo nhau: "Nói với người say, như vay không trả". Tức lắm, nhưng người tỉnh phải nhường người say thôi, phải tránh xa thôi! Nhiều lúc không may lại có đến mấy vị đã "ba say chưa chai" thì sự thể rất dễ từ "khẩu luận" đến "khẩu chiến" và bắt sang ngay chuyện tranh luận bằng chân tay!

Sau đó thì tỉnh rượu, thì ân hận, nhưng chuyện đã rồi. Lần sau lại thế, uống và quên mình rồi tỉnh

táo lại hối tiếc… Thế rồi trở thành dân nghiện, lúc nào cũng say khướt, say bét nhè, say xỉn, say rũ rượi, say bò lê, bò càng, say tít cung mây…

Dân gian đã tổng kết thứ mẫu say sưa đó như sau:

Giàu đâu đến kẻ ngủ trưa
Sang đâu đến kẻ say sưa tối ngày!

Không thể giàu sang đã đành, nhưng lại còn khốn khó, liêu xiêu, lụi bại, đi tới chỗ tội lỗi, làm ảnh hưởng tới xóm phố, tới gia đình, tới cả xã hội.

Người uống rượu đã thành rượu uống người! Rượu dẫn dắt những con nghiện tới nhiều sự đổ vỡ, tan tác, xác xơ.

Nhưng còn hơn thế.

Không chỉ "rượu vào lời ra", mà rượu vào thì bệnh tật cũng vào theo.

Bệnh tật vào từ miệng mà tai họa cũng ra từ miệng. Chính rượu là kẻ ác hiểm nhất gây nên bệnh tật và tai họa đó. Sự ác hiểm của rượu chính là ở cách mê hoặc và có vẻ hấp dẫn của nó lúc ban đầu.

Rượu là tinh lọc từ gạo. Gạo lại là ngọc thực. Rượu chẳng có tội vạ gì. Nhưng ta phải biết cách điều khiển rượu, đừng để rượu đưa lối, dẫn đường.

KHÓI THUỐC

Những sợi khói mảnh, quấn quýt, lượn vòng, những màn khói trắng đục, mờ đen, những quầng khói đậm đặc trong căn phòng, trước bàn làm việc, trong nhà hàng, quán xá bên mấy cốc cà phê. Những lượn khói tản mác ngoài hành lang, trên phố, ở ga tàu, bến xe,…

Điếu thuốc lập lòe trong đêm mùa đông đem đến cho người ta một cảm giác ấm giả tạo. Điếu thuốc trên môi trong tĩnh lặng dường như toả một chút đồng cảm bạn bè. Vị thuốc lá có đem lại chút kích thích suy nghĩ. Mấy gã choai choai, ngậm vắt vẻo điếu thuốc, hít khói có vẻ tay chơi, hay phun khói ngoằn ngoèo để tỏ vẻ sành điệu. Mấy ông già mượn khói thuốc để quên nỗi buồn vẩn vơ nào đó. Không chỉ đàn ông mà cả phụ nữ và thiếu nữ cũng làm bạn với điếu thuốc. Mấy tay thợ xây trẻ đùa nhau gọi thuốc lá là "tăm xỉa họng, xỉa phổi".

Người ta đùa giỡn, vô tư với nguy cơ bệnh tật và cái chết được báo trước, được báo động, nhắc nhở ngay trên mỗi bao thuốc, mỗi quầy bán thuốc lá.

Không gì nguy hiểm hơn kẻ thù của sức khỏe, chất đầu độc cơ thể lại mang dáng vẻ xinh xắn, gợi cảm, sang trọng như những điếu thuốc đầu lọc, những bao thuốc bóng loáng, rực rỡ. Chúng công khai đứng bên khóe miệng bao con người, chúng như thay cho nụ cười. Chúng im lặng, thấm dần vào cơ thể, nhất là vào đôi lá phổi, nơi lẽ ra cần được giữ gìn tinh khiết, thanh lọc hơn hết. Chúng dắt díu nhau cuồn cuộn, mù mịt trong những cuộc vui mà những kẻ đang cười vui giỡn đùa coi chúng như bạn bè tri kỷ.

Chúng thâm độc lan là là trên đầu đám đông, tan trong từng làn không khí nhỏ bé nhất, đầu độc cả những người đã biết và quyết trừ bỏ, xa lánh chúng, là những người được gọi là "hút thuốc thụ động". Thú vui và sự bạc nhược của người này đã xâm phạm tự do và lành mạnh của người khác! Người hút thuốc làm hại sức khỏe của mình và lén lút làm hao mòn sức khỏe người xung quanh.

Khổ thân cho những em bé ngây thơ bị đầu độc ngay từ trong bụng mẹ bởi chính những người thân nhất của mình. Trong căn nhà hẹp, tồi tàn, điếu thuốc không chỉ đẽo vào số tiền ít ỏi của gia đình nghèo mà còn nhuộm đục cả không khí nơi tổ ấm vốn đã nhỏ nhoi, chật chội.

Trẻ em nào biết kêu thành lời! Nhưng chúng ọ ẹ, chúng khóc, chúng ho, thỉnh thoảng, rồi từng

cơn, từng cơn dồn dập. Cha hút hay cả cha lẫn mẹ? Hay cả những người bạn bè đồng cảnh của họ?

Những người đã trót đa mang với khói thuốc hãy nghĩ đến những người thân, nghĩ đến người xung quanh. Xã hội cần tạo ra những môi trường không khói thuốc ở nơi công cộng.

Khắp nơi, khói thuốc vẫn ùn lên. Khắp chốn, khói thuốc đã ngấm vào. Khắp chỗ, sự tàn hại cứ được nhen nhóm, gieo rắc vô tư, nhởn nhơ, thờ ơ trước sức khỏe đồng loại.

Có những ngón tay đã vàng sạm vì ngày ngày, giờ giờ cặp điếu thuốc đang ngún dần. Những lá phổi đang xám dần, sạm dần, lỗ đỗ dần. Những căn bệnh khác nhau đang lan theo dấu vết khói, đang ẩn sau mờ ảo khói thuốc để xâm lấn vào cơ thể mỗi người, lặng lẽ, gian xảo và lì lợm.

Khói thuốc vẫn bay lên!

Kìa, khói thuốc, khói thuốc!

MỘT LỜI...

Một lời em nói
Anh hong khói để bền
Dẫu trăm năm nữa không quên lời nào…

Câu ca dao ví von thật gần gũi với đời sống làng quê mà cũng thật lạ. Nó đưa một lời nói thành thứ có hình khối, màu sắc, mỏng manh mà bền vững. Một lời hứa hẹn thề bồi ư? Một câu căn dặn ư? Một ước muốn ư?

Dẫu thế nào, đó cũng là một lời đầy tâm huyết, một lời ràng buộc giữa hai người, một lời của kỷ niệm, nhớ thương, nuối tiếc, giữ gìn. Một lời có được trong tình yêu, dẫu là vui buồn, ngọt đắng, thì người ta vẫn cứ nhớ. Một lời nói gắn với làng xóm, con đường, mảnh vườn. Một lời nói mở đầu cho chuỗi thời gian ngà ngọc của tình yêu - vòng trang sức của cả đời người.

- Bây giờ mận mới hỏi đào
Vườn hồng đã có ai vào hay chưa?
- Mận hỏi thì đào xin thưa
Vườn hồng có lối nhưng chưa ai vào!

Cánh cửa ngôi đền thiêng liêng đã mở. Nhưng đến với nhau đâu có dễ dàng. Vật làm tin nhiều khi chỉ là một lời nói, một lời thề nguyền. Họ ấp ủ trong lòng. Họ nhắc nhở nhau khi xa:

- Anh về, em nắm cổ tay
Em dặn câu này anh chớ có quên
Đôi ta đã trót lời nguyền
Chớ xa xôi mặt mà quên mảng lòng!

Một lời nói bình thường của người yêu sao mà ý vị, đẹp đẽ, thánh thót, ngọt ngào, sâu đậm đến thế. Một lời nói có thể đem đến hy vọng, đem đến viễn cảnh huy hoàng, xoá bỏ mọi e sợ, trở ngại.

- Những lời mình nói với ta
Sông sâu hoá cạn, đường xa hoá gần.

Một lời nói, đôi khi chỉ là hò hẹn của một ngày. Nhưng dẫu vậy, lời hẹn ước vẫn là thứ không dễ bị thay đổi, quên lãng.

- Nhớ lời giao hẹn khi chiều
Dầu mưa sa, chớp rạch, cũng liều mà đi.

Ôi! Cái bóng con gái nhỏ bé, liêu xiêu trong mưa gió, và trong sáng loà ánh chớp, đang vượt qua ngõ, qua đường làng, có thể qua cánh đồng mờ mịt trắng, có thể qua chiếc cầu mảnh vắt ngang mương, có thể qua dải đê sừng sững vắng lặng..., có thể qua tất cả để đến với lời hẹn ước ban chiều.

Một lời nói mới mạnh mẽ, kỳ diệu biết bao! Một lời nói mới quý giá, trân trọng biết bao! Bởi

thế, người con gái thận trọng lắm lắm, nhất là lời nói quan hệ đến cả hai người suốt cuộc đời.

Ngó lên chữ ứ
Ngó xuống chữ ư
Anh thương em thủng thẳng, em ừ
Anh đừng thương vội, phụ mẫu từ nghĩa em.

Người con gái khôn khéo, dịu dàng "hãm phanh" bạn tình lại, để có thời giờ suy nghĩ, để bác mẹ cũng được vừa lòng. Một lời "ừ", đâu có thể dễ dàng!

Nhưng đôi khi chính cô gái khôn ngoan, kiệm lời ấy lại liêu xiêu vì sự "già lời" của người con trai (chắc những lời phải chân thật, sôi sục lắm):

Chuông già đồng điếu chuông kêu,
Anh già lời nói em xiêu tấm lòng.

Những người coi một lời trong tình yêu là thiêng liêng, sẽ chẳng bao giờ tha thứ cho kẻ nào quen sai hẹn, lỗi nguyền. Dẫu có thể chỉ là một câu trách cứ vu vơ:

Khi xưa một hẹn thì nên
Bây giờ chín hẹn thì quên cả mười.

Hoặc là mỉa mai nhè nhẹ:

Những là lên miếu, xuống nghè
Để tôi đánh trúc, đánh tre về trồng
Tưởng rằng nên đạo vợ chồng
Nào ngờ nói thế mà không có gì!

"Nói thế" là nói những gì? Ai mà chả đoán ra - những câu thề thốt, hẹn hò, ước nguyện. Nói ở

chốn hương khói, miếu nghè. Nói đến nỗi người nghe tin chắc mười mươi, đã tính đến chuyện lâu dài trồng tre, trồng trúc. Vậy mà chẳng có gì cả, chẳng thành gì cả!

Sự thể đến vậy thì đành vạch phấn, bôi vôi thật:

Nói lời thì giữ lấy lời
Đừng như con bướm đậu rồi lại bay.

Sự thể đến vậy thì đáng nặng lời lắm chứ, đáng mắng mỏ lắm chứ:

Ai mà sai hẹn, lỗi nguyền
Xuống ghe, ghe úp, lên thuyền, thuyền trôi.

Phải nguyền rủa đến vậy với những kẻ coi rẻ một lời nói, chứ người con gái trong tình yêu đâu có quá khắt khe với bao điều đáng giận khác. Lời nói khi giận có thể quá quắt, nhưng tấm lòng khi giận, khác hẳn lời nói lúc bình thường. Lời nói ấy là cơn mưa bóng mây:

Cục đá lăn nghiêng, lăn ngửa
Khen ai khéo sửa cục đá lăn tròn
Giận thời em nói vậy chứ dạ còn thương anh.

Sự nặng nhẹ của một lời trong đời sống tình cảm quả là có nhiều điều đáng nói, đáng nghĩ, đáng hiểu. Biết trân trọng lời nói của mình, biết đoán định đúng lời nói của người khác, thực khó lắm thay.

Chả thế cổ nhân từng dạy ta phải lo lắng để "học ăn, học nói, học gói, học mở" đó sao!

NGƯỜI VỢ KHÔN NGOAN

Tôi lục tìm trong những cuốn sách ca dao, tục ngữ cũ mà không sao thấy được một câu nào nói về trạng huống: Người vợ thành đạt hơn chồng, hoặc những tình trạng tương tự khác.

Hình như, ngày xưa, tình trạng đó có ít, rất ít, và nếu có, cũng chưa đủ sức kết tinh, cô đúc lại trong những câu ca ngắn gọn mà chứa đầy tâm sự đường đời.

Mà hình như, sự thua kém vợ đối với người chồng là một nỗi nhục nhã, và đối với đời là một trò cười, cười đến độ khá chua cay. Sự chê bai, giễu cợt đó dành cả cho vợ và cho chồng:

Con vợ khôn lấy phải thằng chồng dại
Như bông hoa lài cắm bãi cứt trâu!

Người ta dùng một từ thô hơn từ "phân" để nhấn mạnh thêm tính dè bỉu, chê bai! Mà ở đây, mới là chuyện khôn hơn thôi, chứ chưa chắc đã thành đạt hơn!

Hình như câu ca này cũng nằm trong một câu chuyện cổ. Người vợ khôn trong câu chuyện,

không chịu được sự mỉa mai, trêu chọc của người đời, nhất là cái hình ảnh bông hoa lài (nhài) trắng thơm cắm trong cái nền bẩn thỉu kia cứ ám ảnh, giày vò tâm trí cô.

Cô bỏ đi. Nhưng người đã đặt ra câu ca về hoa nhài kia, cũng thấy ân hận. Ông ta xuất hiện trên con đường mà cô vợ đi qua trong tư thế một người đang tát biển bằng một cái giỏ.

Thấy ông già lúi húi làm một việc gì đó rất khó hiểu, cô vợ kia tìm đến hỏi, thì ông già trả lời là đang tát biển.

Thấy một người đã già mà còn ngu ngốc hơn cả anh chàng ngốc ở nhà, người vợ bình tâm lại, quay về nhà, tìm cách giúp chồng và sống với nhau hòa thuận lâu dài.

Ý nghĩa câu chuyện khỏi phải bàn thêm, chỉ biết cũng có một cách giải quyết tốt đẹp vấn đề trên, và cũng có cách bỏ đi, nghĩa là sự tan vỡ.

Cho đến ngày nay, có lẽ cũng chỉ có hai kết quả, tùy theo cách của hai người, nhất là người "vợ khôn".

Ngày nay, tình hình xã hội phát triển, người phụ nữ có vị trí ngày càng cao và thực sự ở một số ngành nghề, phụ nữ đang chiếm đa số, tất nhiên họ có nhiều điều kiện đứng ở vị trí lãnh đạo, vị trí có thể thành đạt hơn các phu quân.

Ở đây, người chồng có một vai trò rất được chú ý. Rất hiếm trường hợp, anh này lại ở ngay dưới

trướng, là "tốt đen" của "tướng bà"! Có lẽ đấy là một đề tài phức tạp của một bài viết dài. Ở đây chỉ bàn đến khi người vợ thành đạt hơn chồng, thì người chồng trước hết cần phải tự hào (Giống như ý một câu danh ngôn: Đằng sau một người thành đạt bao giờ cũng có một người vợ hoặc một người chồng tốt và giàu lòng bao dung).

Và nếu có tự ái một chút thì nên biến thành động cơ để (ngấm ngầm) đuổi kịp và vượt vợ ở những điểm, những việc mà mình có sở trường.

Khi ta coi thành công của vợ là thành công của chính ta, thì ta chỉ có lợi hơn mà thôi. Có lẽ đấy là lời tự khuyên (hay bạn cho là lời tự an ủi) sáng suốt nhất của một người chồng có vợ thành đạt. Còn người vợ, ở trên đỉnh cao của thành công, cũng là ở vị trí tế nhị nhất trong gia đình. Bạn có thể mắc phải những thói quen chỉ huy đem từ cơ quan về nhà. Bạn cũng có thể, vì bận bịu mà bỏ quên công việc nội trợ, nuôi dạy con cái.

Những điều đó khó có thể tránh khỏi. Chỉ cần bạn nói rõ điều đó để chồng con thông cảm. Và nên tranh thủ làm nhiều việc gia đình hơn nữa. Và nhất là tránh nói những chuyện công việc mà chồng không hiểu hết, hoặc bàn công việc cơ quan tại nhà. Còn việc giúp đỡ chồng vươn lên là rất cần thiết, nhưng lại phải rất ngấm ngầm, y như là bạn không hay biết gì cả. Điểm cuối cùng là nếu bạn làm ra nhiều tiền do ở cương vị cao của mình,

bạn không bao giờ được đem ra so sánh với lương chồng. Và nếu bạn quá bận, có thể để chồng quyết định những món chi tiêu lớn, có sự góp ý tế nhị của bạn. Phải biết tìm ra những điều đáng trân trọng trong từng đồng lương của chồng. Nghĩa là bạn phải cố gắng hơn nhiều lần nếu bạn không muốn mình trở thành cô lập trong nhà. Và đó là người vợ khôn ngoan không phải bỏ đi để học lại bài học thuở xưa.

TUY MỘT MÀ... HAI

Nói về mối quan hệ yêu đương, quan hệ vợ chồng, nước mình có câu ca dao thật ý vị: *Mình với ta tuy hai mà một/Ta với mình tuy một mà hai.*

Cái sự "Mình với ta tuy hai mà một" thì rõ ràng rồi đấy. Không chỉ hai người, mà cả hai bên gia đình, họ tộc đã thành gần gũi, đã thành người nhà. Câu ví von: "Vì cây dây cuốn" là hình ảnh của đoàn kết, gắn bó từ đôi trai gái mà quấn quýt, đèo bòng thêm, bền chặt thêm cả đến hai bên thông gia.

Sự "hai mà một" là cả một hạnh phúc mới mẻ, nồng ấm, tình tứ, thuận hoà:

- Đôi ta như lửa mới nhen
Như trăng mới thắp như đèn mới khêu.

- Đôi ta như thể chim cu
Chồng đi trước, vợ gật gù theo sau.

Cái kết quả tươi mới, đẹp xinh của "hai mà một" thường bao trùm lên đôi lứa, khiến nhiều người quên mất vế tiếp sau đó: "Ta với mình tuy một mà hai"!

Câu ca tưởng chỉ là ý vị, thi vị, êm ả hóa ra không hẳn thế! Nó còn chứa đựng một triết lý sống, và phần nào đó là một lời cảnh báo về mối đe dọa của chia lìa: Một nhà mà có thể tan thành hai đấy! Nhưng quan trọng là nó nhắc nhở người ta: Mỗi người - dù là vợ hoặc chồng - đều là một thế giới. Hãy dành cho nhau những khoảng riêng tư. Hãy cố tìm hiểu phần riêng tư của người kia, không phải để soi mói, cải tạo, xóa bỏ mà để tìm cách hòa hợp, bổ sung. Không phải bỗng dưng nhiều nhà nghiên cứu kết luận: "Vợ chồng là sự tìm hiểu và chinh phục nhau suốt đời". Sự riêng của mỗi người lại nảy sinh thêm trong quá trình sống. Mỗi ngày tích lũy trong quá trình sống. Từ ít nhiều dần, từ bé thành lớn, như một vết nứt rạn cứ để mặc mưa gió phũ phàng, đôi khi lại để thêm va vấp, động chạm nữa, làm sao tránh khỏi sâu thêm, rộng hơn... cho đến khi tan vỡ.

Tuy "một mà hai" là nhắc nhở hãy nghĩ đến người khác. Không bao giờ là một mình cả! Không bao giờ mình là người duy nhất được nghĩ, được làm, được đúng. Trong gia đình còn vậy, trong một tập thể càng vậy. Tuy một đơn vị, một cơ quan, nhưng là 10, 20 hay 30 đấy! Có sự thống nhất, nền nếp chung, nhưng cũng có thế giới riêng, ý thích riêng, khoảng lặng riêng dành cho mỗi người. Đấy chính là bí quyết hai mà một, nhiều mà một, thống nhất trong sự phong phú đấy!

ƯỚC GÌ
EM HÓA RA CAU...

Yêu thực sự có nghĩa là say mê và mạnh mẽ. Tự ngàn xưa, ông cha ta đã ghi nhận điều đó bằng những hình tượng thật dân dã và độc đáo. Này nhé, như hình ảnh kỳ lạ này:

Buồng tằm dù kín đến đâu
Thì anh cũng nép lá dâu anh vào.

Đích thị câu ca nảy sinh từ vùng trồng dâu, nuôi tằm, dệt vải. Đích thị một tình yêu không có gì ngăn trở nổi. Không vây bọc nào mà không có cách lọt qua. Cái anh tình nhân siêu nhân này quả có phép biến hóa khôn lường, và thông minh nữa chứ. Có kiêng cữ, giữ gìn đến đâu thì cũng phải đưa dâu vào cho tằm ăn chứ!

Hay một ý tưởng dữ dội đến nhường này:

Ước gì em hoá ra cau
Anh hóa ra bẹ, ôm nhau suốt đời!

Hình ảnh bẹ và cau trên ngọn cây cao vút kia thật là khăng khít, gắn bó đến ngạt thở, đồng thời

cũng đầy hương vị thanh cao của nắng, gió, đất, trời. Mạnh bạo đến thế, và gần gũi đời sống thực đến thế!

Qua ước muốn tình yêu, con người khẳng định mình, bày tỏ sự tự tin đến kiêu hãnh. Ở con trai đã vậy, ở con gái cũng không kém dữ dội và cao đẹp:

Đêm nằm, lưng chẳng bén giường
Mong cho chóng sáng, ra đường gặp anh.

Và đây nữa:

Yêu anh vô giá, quá chừng
Lội truông không mệt, ngậm gừng chẳng cay.

"Lội truông", đấy là những thử thách của xa xôi, cách trở. Còn "ngậm gừng" là những vất vả của cuộc sống, những cay đắng về vật chất, tinh thần. Phải vui vẻ chấp nhận, "ngậm" lấy tất cả, lấy làm ngọt ngào, thanh thản tất cả. Sức mạnh im lặng ấy rất là phụ nữ và nhiều khi không bắt chước được.

Khi yêu thật sự, con người trở nên cao đẹp hơn, vững vàng hơn. Bởi vì họ mạnh mẽ hơn. Họ trở thành sức mạnh đến thần linh cũng e sợ. Chẳng thế mà có chuyện kể rằng, con người xưa vốn tuyệt diệu, thông minh và mạnh mẽ, đến độ thần linh phải dùng mưu chia sẻ con người ra làm đôi. Từ đó mà sinh ra trai và gái. Vậy, trai và gái vốn là một, nên lẽ thường họ phải tìm lại nhau. Thấy rồi, nghĩa là khi trai, gái hòa hợp đến độ là một, họ lại trở nên tuyệt vời vô địch.

Họ vươn lên cao và có đôi chút ngạo nghễ:

Đôi ta như cây giữ rừng
Ai lay chẳng chuyển, ai rung chẳng rời!

Sự kiên định của họ thật đơn sơ mà quyết liệt:

Dầu ai nói ngả, nói nghiêng
Lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân.

Hơn ở đâu hết, tình yêu cần sự dũng cảm và thông minh. Yêu, đấy là phần thưởng cho những trái tim dũng cảm và những tâm hồn nhân hậu. Yêu, đấy là sức mạnh nhiều khi đến kỳ diệu và phi lý. Nhưng nó là thực, như trong bài dân ca của dân tộc Lự này:

Ôi bản Mường ơi
Mọi cái nhà sắp đổ
Đêm khuya, gà gáy ran trong ổ
Suối ngừng lại cả rồi
Gió lay chuyển động trời
Núi sạt nhanh xuống đất
Rừng cây rạp đổ tất
Vì dưới thang có hai người
Đang trộm ôm nhau, đang đổi cái hơi.

Chao ôi là kỳ vĩ và thơ mộng! Đấy cũng chính là nét khác biệt giữa sức mạnh tình yêu và bạo lực. Một đằng để xây dựng, một đằng là tàn phá.

NHỮNG ĐÔI MẮT YÊU ĐƯƠNG TRONG CA DAO XƯA

Hỡi cô thắt dải lưng xanh
Ngày ngày thấp thoáng bên mành chờ ai
Trước đường xe ngựa bời bời
Bụi hồng mờ mịt ai người mắt xanh.

Mắt xanh để chỉ sự lựa chọn, thuận tình. Trong bời bời xe ngựa, mờ mịt bụi hồng, màu xanh của dải thắt lưng thật êm dịu và mỏng manh như hình bóng người thấp thoáng bên mành.

Câu ca dao cũng bối rối, mờ mịt vì một câu hỏi: Nào ai biết ai đang đợi chờ ai và chờ đến bao giờ?

- Cầm vàng ném xuống vực sâu
Mất vàng không tiếc, tiếc đôi mắt bồ câu hữu tình.

- Những người con mắt lá răm
Lông mày lá liễu đáng trăm quan tiền.

Mắt bồ câu hay mắt lá răm đều đáng yêu biết bao, vì đó là những ánh mắt hữu tình, là những ánh mắt làm lòng chàng trai xao xuyến. Trước những đôi mắt ấy, vàng và tiền nào có đáng giá gì!

Trời sinh con mắt là gương
Người ghét ít ngó, người thương ngó hoài
Nhớ chàng sáng đứng trông xuôi
Trưa ra ngó ngược, tối ngồi trông ra.

Không biết con mắt ngó hoài là mắt bồ câu, hay mắt lá răm, mắt nai hay mắt thỏ? Chỉ biết đấy là con mắt của yêu đương. Những người yêu nhau, trước hết là yêu bằng ánh mắt săn sóc, tìm kiếm, âu yếm đó. Muốn chiêm ngưỡng, ngắm nhìn nhau - muôn đời vẫn là biểu hiện thanh cao, đẹp đẽ của tình yêu đôi lứa.

- Con dao vàng dọc lá trầu vàng
Mắt anh anh ngó, mắt nàng nàng ngơ?
Ngó chi cho thế gian ngờ
Đó thương đó biết, đây chờ đây hay.

- Yêu nhau con mắt liếc qua
Kẻo chúng bạn biết, kẻo cha mẹ ngờ
Gần thì chẳng bén duyên cho
Xa xôi cách mấy lần đò cũng đi.

Biết nói gì thêm được về sự kín đáo của mối duyên đầu thơ ngây và e lệ! Và có lẽ bí mật ấy cũng là phần hấp dẫn hơn nữa của một mối chân tình?!

MÌNH NÓI DỐI TA...

Trong tình yêu có lẽ bi kịch nhất là tình huống có sự lừa dối. Một trong hai người, hoặc cả hai lừa dối nhau. Bi kịch đó đã tồn tại tự thời xa xưa:

Mình nói dối ta mình hãy còn son
Ta đi qua cửa thấy con mình bò.

Bi kịch đó có nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân thường bắt nguồn từ sự sứt mẻ hoặc không còn tình cảm giữa hai người. Và rồi kết quả của nó lại càng làm cho tình yêu bị mòn kiệt, thậm chí tan vỡ hoàn toàn. Đấy là nguyên nhân chính tạo ra những bi kịch lừa dối, nhưng chưa phải đã đủ để gây ra bi kịch đó. Còn nhiều tác động khác nữa (ở từng thành viên trong mối tình, ở các mối quan hệ xã hội, ở những hoàn cảnh).

Cái lúc mà trên quả đất chỉ có ông Ađam và bà Eva thì họ đến với nhau là lẽ đương nhiên. Sự rung cảm và kết hợp của hai giới, mà họ đại diện, là tất yếu. Có thể nghi ngờ, có thể tha thứ, nếu họ đến với nhau không vì tình yêu, vì họ còn có ai để lựa chọn?

Ngày nay, nếu hai người cố tình hoặc bị buộc sống suốt đời với nhau khi không có tình yêu thì thật đáng suy nghĩ. Người ta chỉ có thể giữ được tình yêu bằng chính tình yêu mà thôi.

Bạn hãy yêu và hiểu người bạn đời của mình: nếu có thể gọi - thì đấy chính là bí quyết của tình yêu, hạnh phúc gia đình. Một lời khuyên đúng kể cũng là khó, nhưng khó hơn nhiều là việc thực hiện được lời khuyên đó. Vả lại, tình yêu có tính quyết định nhưng không phải là quan trọng duy nhất trong quan hệ lứa đôi.

Vì vậy, vẫn có khi phải chấp nhận sự chia tay cần thiết, đúng mức độ, có văn hóa. Xã hội ta đang lên án những kiểu "trấn lột tình yêu", những pha trả thù bằng cách "tạt axít", những tiếng súng nổ để "rửa hận". Chúng ta có thể kể về những thảm kịch đó với tên người và địa chỉ rõ ràng.

Ngày xưa, cha ông ta cũng căm ghét thói phụ bạc lắm lắm. Ngày nay, chúng ta cũng cần lên án thói xấu đó. Nhưng không phải bằng bạo lực (chưa kể là, nhiều khi dùng bạo lực còn vì sự hiểu lầm, vội vã, hoặc bị kích động, gièm pha).

Ta nhớ lại lời nguyền rủa trong ca dao:

Ai mà phụ nghĩa quên công
Thì đeo trăm cánh hoa hồng chẳng thơm!

Có thể nói đó chỉ là "bạo lực bằng lời" mà thôi! Và đấy cũng mới là một cách xử sự. Còn như

chàng trai trong tình huống "ta đi qua ngõ thấy con mình bò" lại có cách nghĩ thật nhân ái:

Con mình những đất cùng tro
Ta đi xách nước rửa cho con mình!

Nhân ái đã đành mà còn văn minh nữa chứ. Vì đứa con đang bò ấy có thể là kết quả của bao nhiêu tình huống éo le trong cuộc sống vốn phức tạp. Hãy nhúng tay vào nước mát, rửa sạch cho đứa trẻ, để tâm hồn mình cũng được thanh thản và suy nghĩ, chọn lựa một cách xử thế đúng của con người.

LỜI THAN THỞ

Có một nhà thơ nữ kia than thở:

Người tôi yêu đã đi xa
Người yêu tôi lại ở nhà, chán không!

Đấy là một tình huống không chỉ đáng chán, mà còn đáng ngán (nghĩa là đáng sợ) nữa! Đáng sợ nhưng lại thường hay gặp trong đời. Sự éo le bao giờ cũng có tác động sâu sắc đến suy nghĩ, tình cảm của con người, đặt mỗi người trước thử thách, và qua đó bộc lộ tính cách mỗi người. Hơn thế nữa, cách xử thế trong tình yêu vô cùng tế nhị, riêng biệt, đồng thời cũng rất quyết liệt. Yêu, hoặc không yêu, phải rất nhẹ nhàng, tế nhị nhưng lại không được ỡm ờ:

Có thương thì nói rằng thương
Không thương thì nói một đường cho xong
Làm chi dở đục, dở trong
Lờ lờ nước hến cho lòng ngổn ngang.

Nói được chữ yêu đã khó. Nhưng thực cũng chưa quá khó. Bởi vì không nói thì đã có những cử chỉ âu yếm nói giúp. Ngay sự im lặng cũng có âm

thanh của nó. Những phút im - lặng - vàng nhiều khi đưa đôi lứa chìm vào tình yêu nhanh chóng, say mê hơn, chuẩn xác hơn.

Bởi vì cái gốc ở đây đã là sự êm ả, thuận hòa: Yêu và được yêu. Như hai làn sóng xô quyện vào nhau. Như đôi bàn tay run rẩy tìm bắt, quấn quýt. Nhưng đằng này chỉ có một phía. Yêu mà không được đáp lại, cũng có nghĩa là phía kia "bị yêu". Đấy là trường hợp mà nữ thi sĩ kia đã than thở hộ nhiều cô gái.

Người yêu tôi lại ở nhà, chán không? Bây giờ chối từ ra làm sao đây? Sự im lặng nhiều khi được cố tình hiểu là sự đồng ý. Hoặc giả nhiều chàng trai nắm chắc chân lý "kiến leo cột sắt cũng mòn", nên kiên trì thực hiện chiến lược "trường kỳ mai phục, liên tục tấn công". Những chàng trai ấy nghĩ rằng "cứ lấy nhau đi rồi sẽ có tình yêu". Than ôi! Chỉ có những đứa con ra đời và những cảnh ầm ĩ, ghen tuông, điếc tai hàng xóm láng giềng mà thôi! Hiếm hoi lắm mới nảy sinh tình yêu như thế trong một bối cảnh cuộc sống hiện đại và đa dạng như hiện nay. Và, như một chân lý khác, nơi nào hôn nhân không có tình yêu thì ở đó đã đủ điều kiện nảy nở những tình yêu không có hôn nhân!

Nếu bạn yêu mà không được yêu, đâu phải lỗi tại "người ta"! Ngay cả khi cùng yêu nhau mà có khi còn chẳng thành duyên phận vợ chồng cơ mà! Lúc đó cũng chả nên trách móc làm gì:

Cầu Tràng Tiền sáu vài, mười hai nhịp
Em qua không kịp tối lắm anh ơi
Bấy lâu ni chịu tiếng mang lời
Dẫu có xa nhau đi nữa cũng bởi ông trời mà xa!

Nữa là "người ấy đã không yêu"!

Còn trường hợp "bị yêu" thì sao?

Cũng khổ như yêu mà không được yêu vậy. Nếu gặp người có văn hóa, có nhân ái thì rồi cũng gỡ được: "Anh đi đường anh, tôi đường tôi". Nhưng gặp kẻ vũ phu, ích kỷ, đầy dục vọng chiếm đoạt thì cảnh phiền phức, lo lắng, đau khổ chắc chắn sẽ đeo đuổi người con gái không biết đến bao giờ.

Chưa nói tới chuyện pháp luật sẽ trừng trị kẻ phạm pháp, mà chỉ nói phía người bị yêu, chớ nên ngã lòng vì sợ hãi hoặc thương hại, bởi sự nhượng bộ đó không bao giờ đem lại hạnh phúc đôi lứa.

Và điều đáng lưu ý nữa: chớ có bắt cá hai tay:

Có yêu thì yêu cho chắc
Có trục trặc thì trục trặc cho luôn
Đừng như con thỏ nọ đứng ở đầu truông
Khi vui giỡn bóng, khi buồn giỡn trăng.

KHÔNG YÊU NHAU ĐƯỢC THÌ SAO?

Yêu đương là chuyện của muôn đời, là hạnh phúc bất tuyệt dẫu có khó khăn, trắc trở, lo lắng, vui buồn.

Yêu và được yêu!

Được yêu và yêu! Sung sướng, hòa hợp, suôn sẻ, tươi tốt biết bao.

Nhưng ai chẳng phải đồng tình với nhận xét của nhà thơ Xuân Diệu: *Yêu là chết ở trong lòng một ít/Vì mấy khi yêu mà chắc được yêu/Cho rất nhiều song nhận chẳng bao nhiêu/Người ta phụ, hoặc thờ ơ, chẳng biết...*

Vậy làm sao đây?

Ép dầu, ép mỡ, ai nỡ ép duyên. Mà có cố ép thì cũng chỉ sớm hay muộn là lâm vào cảnh "cơm chẳng lành, canh chẳng ngọt", nên vợ nên chồng rồi mà cứ như mặt trăng, mặt trời thì còn gì là gia đình nữa? Vậy là mỗi người nên xuôi về mỗi ngả, anh đi đường anh, tôi đường tôi. Chia tay cho êm ả, cho đẹp, là điều cần thiết, mà cũng không dễ dàng đâu. Làm sao vẫn còn giữ lại được

những điều tốt đẹp trong nhau và vẫn có thể đối xử với nhau như những người bạn, những người dưng tốt bụng?

Nhớ một khúc ca dao rất hay, nhắc nhở trong tình huống này:

Không yêu nhau được thì thôi
Xin người đừng tẩy nước vôi mà nồng
Không yêu nhau được thì đừng
Xin người đừng tẩy nước gừng mà cay!

"Xin người đừng", "xin người đừng", hai lần lời cầu xin vang lên. Người là ai, hay người là ta? Khuyên nhủ người, hay tự răn chính mình để đủ bình tĩnh chọn cách xử trí êm thấm, tốt đẹp nhất?

Tâm hồn, tình cảm của những người yêu nhau mỏng manh, nhạy cảm lắm lắm, đến vấy một chút nước gừng, nước vôi cũng đủ xót xa, cay nồng rồi, nữa là những thứ nặng nề, tàn bạo khác!

Các bạn trẻ ơi, yêu và được yêu cho đẹp đẽ, lâu bền cũng chẳng dễ gì, nhưng xử thế khi không yêu nhau được còn khó hơn nhiều.

Nếu rủi gặp chuyện khó này xin bạn hãy đọc khúc ca dao trên đôi ba lần, thử xem mấy câu lục bát ấy có làm lòng dạ ta dịu lại, đầu ta nhẹ nhõm, sáng sủa hơn không?

TRÈO LÊN CÂY BƯỞI HÁI HOA

Tôi thường đọc bài ca dao sau đây với nỗi buồn man mác, nỗi buồn êm đềm và vấn vương, còn thêm thấp thoáng nụ cười cho mình, cho người con trai và người con gái trong câu chuyện tình dang dở:

Trèo lên cây bưởi hái hoa
Bước xuống vườn cà hái nụ tầm xuân
Nụ tầm xuân nở ra xanh biếc
Em đã có chồng anh tiếc lắm thay!
Ba đồng một mớ trầu cay
Sao anh chẳng hỏi những ngày còn không
Bây giờ em đã lấy chồng
Như chim vào lồng, như cá cắn câu
Cá cắn câu biết đâu mà gỡ
Chim vào lồng biết thuở nào ra?

Tôi mường tượng thấy người con trai ấy - rõ là người con trai nhà nghèo, quen với ruộng vườn, đang đi thơ thẩn trong trạng thái thất tình (Cũng trong ca dao đã miêu tả nỗi tâm

trạng ấy: "*Chiều nay có kẻ thất tình, / Tựa quán, quán đổ, tựa đình, đình xiêu*"). Chàng thơ thẩn ra vườn, trèo lên cây bưởi hái hoa, phải chăng để nhớ tới hương thơm mái tóc cô bạn cũ thường cài thứ hoa trắng dân dã ấy? Chàng bước xuống vườn cà, phải chăng để nhớ tới mảnh vườn nàng thường lam làm, hay chính hai người đã có dịp cùng nhau vun xới?

Nhưng khi hái nụ tầm xuân trên tay thì nỗi buồn vơ vẩn của chàng đã có tên gọi, thứ bệnh đã được chỉ rõ: "*Em đã có chồng anh tiếc lắm thay*!".

Chữ "tiếc" với thanh sắc như một nhát dao chém xuống, như một tiếng nấc, nhưng trong đó vẫn bao hàm tình yêu và sự thương nhớ.

Biết bao lý do để tình yêu không thành, có thể tại cả hai, có thể tại anh, tại em, hoặc chẳng tại ai cả. Nhưng nói nguyên do mà làm gì, chỉ biết anh và em đã không được sống bên nhau trong cái cảnh ta thường ao ước.

Ước gì chung đụng một nhà
Anh cầm cái điếu, em qua cái đèn!

Thế là tiếc! Thật đáng tiếc! Nào anh dám trách em đâu?

Còn em cũng đáp lời anh thật nhẹ nhàng. Sao anh không nói trước với em, để đến bây giờ ván đã đóng thuyền rồi?

Thân phận người con gái ngày xưa lấy chồng đúng là cảnh cá chậu, chim lồng. Đây là cá cắn

câu. Ai câu? Câu bằng mồi gì? Và hiển nhiên ta tưởng tới một chiếc lưỡi câu có ngạnh! Càng giãy ra thì càng đau đớn mà thôi.

Tình cảnh hai người thật éo le, nhưng cũng thật êm thấm, đầy sự thông cảm, đầy lòng thương nhau.

Với khung cảnh thơ mộng, trong sáng của một mảnh vườn có hoa tầm xuân xanh biếc đang e ấp nụ, có cây bưởi thơm mát mùa hoa, tình cảm của họ không thể vượt quá những điều cho phép. Có màu trắng hoa bưởi và màu biếc nụ tầm xuân chứng giám.

Chao ôi! Tình yêu không thành mà sao vẫn êm đẹp tình người đến thế. Đấy phải chăng là cái gốc nhân hậu của nhân dân lao động Việt Nam ta, cũng là cái gốc nhân bản của con người!

Phần hai

GHI CHÉP MỘT

ÁC GIẢ, ÁC BÁO

Làm điều ác, sẽ gặp điều ác!

Nếu dùng hình ảnh có thể là câu: *Gieo gió, gặt bão.* Đây là lời cảnh báo tính ác và cũng là sự khuyến khích tính thiện - quan niệm thông thường của dân ta, cũng như của con người, mà cũng là quan niệm của đạo Phật.

Để bổ sung, còn có lời khẳng định như: *Ở hiền gặp lành;* hoặc những câu ca dao diễn tả trọn vẹn hơn:

- Ở hiền thì lại gặp lành
Những người nhân đức trời dành phúc cho.

- Ác giả, ác báo vần xoay
Hại nhân nhân hại sự nay đã thường.

Dù cho trong hiện thực cuộc đời không hoàn toàn diễn ra theo chiều thuận ấy. Có khi quả báo nhỡn tiền, có khi báo oán còn chờ nấp đâu đó.

Tuy nhiên, dẫu thế nào, làm điều thiện sẽ được ngay tấm lòng thanh thản, nhẹ nhàng, đó chẳng phải là điều lành lớn đó sao?

Còn kẻ làm điều ác, điều xấu, nếu chưa phải trả giá, thì chính trong tâm họ luôn có nỗi lo sợ, mặc cảm, như thế là đã phải trả nợ ngay rồi!

Nếu có kẻ làm ác, làm xấu mà vẫn nhởn nhơ, vui vẻ thì đó là kẻ đã mất hết nhân tính, lương tâm - loại người đó còn đáng kể đến hay sao?

AI ĐEM DÙI ĐỤC ĐI HỎI VỢ

Đây là một nhận xét về cách xử trí trong trường hợp đặc biệt: Khi đi hỏi vợ (tìm chồng) ai ai cũng phải tỏ vẻ hiền hậu, nhu mì mới dễ đạt kết quả.

Dùi đục, một dụng cụ của nghề mộc, là một thanh gỗ ngắn, to, thô, rắn chắc, dùng để nện lên chàng, đục. Khi cầm dùi đục trong tay thì tư thế dữ tợn lắm. Hình tượng dùi đục còn cho thấy vẻ khô cứng, ngang ngạnh. Dân gian cũng có câu: "*Dùi đục chấm mắm cáy*" để ví cách nói năng cục cằn, thô lỗ.

Từ nhận xét đã kể, câu này còn có ý nhắc nhở nên cảnh giác về sự ngon ngọt, dịu dàng bề ngoài vì mục đích cần đạt, chứ không phải thực chất. Có lẽ chữ "diễn" thường sử dụng hiện nay thích hợp trong trường hợp này.

Cho nên, trong quan hệ, nhất là quan hệ nam - nữ, để đi tới hôn nhân, cần phải có đủ thời gian tìm hiểu, xem xét "dùi đục" có xuất hiện trong cuộc sống thường ngày không?

AI HỌC ĐƯỢC CHỮ NGỜ
(Ai học hết chữ ngờ)

Không ngờ, không nghĩ sự việc lại xảy ra. Không thể học hết, biết hết, nghĩ hết những gì bất ngờ trong cuộc sống. Bất ngờ vốn là tính chất của cuộc sống, không có ai học, không ở đâu dạy hết được, không thể phòng ngừa tất cả.

Ngày xưa, người ta đã dùng chữ "bể dâu" (biển thành nương dâu, nương dâu thành bãi biển) để chỉ sự thay đổi, biến động của cuộc sống:

Trải qua một cuộc bể dâu
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng.
(Truyện Kiều)

Ngày nay, sự biến động xã hội càng nhanh, càng mạnh hơn, càng có nhiều bất ngờ. Hiểu điều đó, không phải để bất lực, buông xuôi mà để rèn ý chí, năng lực, chuẩn bị đối phó hiệu quả hoặc chấp nhận, thích ứng với mọi bất ngờ.

Ai tự chuẩn bị kỹ về mọi mặt thì trong cuộc sống bất ngờ sẽ ít hơn và giảm áp lực hơn.

AI ƠI CHỚ VỘI CƯỜI NHAU, CƯỜI NGƯỜI HÔM TRƯỚC, HÔM SAU NGƯỜI CƯỜI

(- Ai ơi chớ vội cười nhau,
Ngẫm mình cho tỏ trước sau hãy cười.
- Cười người chẳng ngẫm đến ta,
Thử sờ lên gáy xem xa hay gần)

Lời khuyên: Nên thận trọng khi chê người khác, vì mình cũng có thể, và đáng bị chê như thế!

Để tỏ thái độ coi thường với những kiểu "cười chê", dân gian còn có câu: *Cười hở mười cái răng; Cười ba tháng, không ai cười ba năm.*

AI ƠI ĐỪNG CHÓNG CHỚ CHẦY, CÓ CÔNG MÀI SẮT, CÓ NGÀY NÊN KIM

"Chóng" là chỉ lượng thời gian ngắn, "đừng chóng" ở đây là đừng nghĩ thời gian ngắn, đừng vội vàng.

"Chầy" ở đây nghĩa là lâu dài, "chớ chầy" - chớ kéo dài thời gian quá.

"Đừng chóng chớ chầy" cần hiểu là muốn nhanh chóng không được, cũng không nên kéo dài, đến lúc nào đủ độ, đủ công thì sắt sẽ thành kim.

Toát lên ở đây là lời khuyên nên rèn tính kiên nhẫn, bền bỉ. "Có ngày nên kim" - "có công mài sắt", đó là hai vế hoàn chỉnh của thành công và kiên

nhẫn. Phải có lòng tin (có ngày nên kim), nhưng lòng tin đó phải được tự mình thực hiện (có công mài sắt).

ANH CHỘT LÀM VUA XỨ MÙ

Tuy bình thường, nhưng nổi trội lên khi chung quanh toàn người kém. Nếu câu này để nhận xét người khác thì là tỏ ý chê, và thường dùng khi nói về người nào đó tự phụ quá mức. Nếu là tự nói về mình thì là sự khiêm tốn, thường dùng khi có người khôn hơn mình.

Khi dùng câu này, bạn nên chú ý những người cùng nghe xem có ai bị tật chột mắt không, để tránh vô ý xúc phạm người đó. Đây cũng là một sự tế nhị rất cần thiết.

ANH HÙNG RƠM

Hàm ý chê tính cách làm ra vẻ anh hùng, bốc đồng, hăng hái nhưng không bền chắc. Lấy hình ảnh của rơm để chỉ sự xốc nổi: *Anh hùng gì, anh hùng rơm/Cho một mồi lửa hết cơn anh hùng*. Những cụm từ có ý nghĩa tương tự: *Lửa rơm, Hăng máu vịt, Hăng tiết vịt...*

Thường chỉ loại người không biết lựa sức mình, hữu dũng vô mưu, hoặc cậy khỏe, cậy tài mà làm những việc thiếu suy nghĩ, không cần biết hậu quả việc làm.

Sau này, trong cuộc sống xuất hiện từ "yêng hùng" cũng là chỉ loại này. Đó là cách nói chệch để phân biệt với tính cách, con người anh hùng thật sự!

ÁO GẤM ĐI ĐÊM

Ý nói cái đẹp (cái tốt) phô ra không đúng lúc nên chẳng có tác dụng gì!

Gấm là hàng dệt bằng tơ nhiều màu, có hình hoa lá - thứ hàng dệt đẹp và quý phái thời xưa.

Câu này có hàm ý khuyên người ta nên đặt (nên dùng) những thứ quý vào đúng vị trí, thời điểm để tôn vinh, phát huy cái quý, cái đẹp đó.

Không có ý khuyến khích sự phô trương, khoe khoang. Đây chỉ là lời khuyên, chưa phải là trách móc cách xử thế: áo gấm đi đêm.

Thiết nghĩ trong cuộc sống, có những người thích sự lặng lẽ, ẩn mình (chứ không phải là giấu giếm, giả dối) thì cũng chẳng sao.

ÁO RÁCH KHÉO VÁ HƠN LÀNH VỤNG MAY

Trước đó là câu: *Rượu ngon bất luận be sành*

Nghĩa đen là ca tụng sự khéo tay. Nghĩa bóng có ý nói dù có gặp việc trắc trở, khó khăn, đổ vỡ mà khéo thu xếp thì vẫn có thể mang lại kết quả tốt.

Vá víu áo quần, ngày xưa là công việc thường thấy ở khắp các vùng đất Việt, với hình ảnh người mẹ đêm đêm bên ngọn đèn dầu, cặm cụi may vá, sửa chữa quần áo,... Đến nỗi công việc này cũng được xếp hạng: "*Khéo vá vai, tài vá nách, cọc cạch vá lưng*". Áo quần rách rưới đến nỗi còn hằn sự đau xót trong câu: *Áo rách chi lắm áo ơi/ Áo rách trăm mảnh không nơi rận nằm;* và *Cha đời cái áo rách này/ Mất chúng mất bạn vì mày áo ơi.* Cho đến kháng chiến chống thực dân Pháp, hình ảnh người lính cách mạng còn được nhà thơ Chính Hữu ghi lại bằng hình ảnh: *Áo anh rách vai, quần tôi có vài mảnh vá.*

Nay, nhiều khi ở đâu đó, bắt chước xa gần, có những thứ quần áo được xé rách, mài thủng, được vá lắp những mảnh vải xác xơ, lòe loẹt tạo thành một thứ mốt lai căng, kệch cỡm, thật khác xa ý nghĩa của những mụn vá, những đường kim mũi chỉ ngày xưa.

ĂN BÁO CÔ

Còn có một cụm từ tương tự là "Ăn báo hại", cùng với nghĩa ăn bám, đã không giúp ích gì mà còn làm hại người khác.

Đôi khi, ta nghe đâu đó cuộc đối thoại như sau:

- Cháu nhà chị giờ làm gì?

- Ối dào! Đang làm báo!

- Làm báo thì tốt quá! Báo gì hở chị?

- Báo cô, báo hại, chứ còn báo gì nữa!

ĂN CÁ BỎ LỜ

Chê trách thói vô ơn, bạc nghĩa: Đạt được mong muốn thì quên người, quên vật dụng đã giúp đỡ mình.

Có rất nhiều câu có nghĩa tương tự câu này, như: *Ăn cháo đá (đái) bát, Được cá quên nơm, Khỏi rên quên thầy, Qua đò rút ván, Khỏi vòng cong đuôi, Ăn xong quẹt mỏ, Được chim quên ná,...*

"Lờ" là một vật dụng có hình thuôn dài, làm bằng tre nứa, có hom; dùng để đặt ở chỗ nước đứng, lừa tôm, cá chui vào. Người ta thường gọi là đặt lờ, thả lờ. Ta cùng đọc một câu ca dao vui nhắc đến vật dụng này:

Mặc ai chê yếu, chê già
Tôi còn gánh nổi mỗi bên ba cái lờ!

Về lên án bọn bội bạc, vô ơn còn có câu này: *Ăn sung, trả ngái.*

Sự bội bạc ở đây còn thêm tính giả dối, lừa lọc vì quả ngái thì giống quả sung, nhưng không ăn được.

ĂN CỖ ĐI TRƯỚC, LỘI NƯỚC ĐI SAU

Chê trách loại người khôn lỏi, ích kỷ, tranh

việc có lợi, đùn đẩy việc khó khăn. Đôi khi những kẻ này lại tự cho mình là khôn, là biết, là nhanh nhạy hơn người. Quả là có khôn, nhưng gọi là khôn lỏi, khôn ranh, thì đúng, chứ không phải là khôn ngoan.

"Lội nước", nghĩa là không nhìn thấy lối đi nông sâu, hiểm trở thế nào; người đi đầu thường gặp bất ngờ, còn người đi sau chỉ việc đi theo. Trong cuộc sống, có nhiều người khi khó khăn, nguy hiểm lại thường đi trước dẫn đầu, họ luôn luôn được mọi người kính trọng.

ĂN CÓ MỜI LÀM CÓ KHIẾN

Ý nói: Người tự trọng chỉ ăn khi người ta mời và chỉ làm khi người ta có lời nhờ vả (khiến).

Đây là cách xử sự theo phép lịch sự thông thường, với những mối quan hệ xã hội thông thường, trong hoàn cảnh bình thường. Ngay trong tương quan ấy, "ăn có mời" là rất đúng, nhưng "làm" lúc nào cũng phải "có khiến" thì e chưa thật hay. Ở đời, có nhiều việc làm đặt ra trong những hoàn cảnh bất ngờ, nếu thấy cần làm thì làm, làm ngay, chẳng cần ai nhờ, ai khiến.

Còn với những mối quan hệ vượt khỏi mức thông thường thì cũng tùy mức độ thân thiết mà có cách xử sự thích hợp.

Thân nhất - đến mức người nhà thì chắc sẽ là: *Có cơm thì ăn, thấy việc thì làm.*

ĂN KHÔNG NGỒI RỒI

Cùng nghĩa như: Ăn rồi, ngồi không, Ăn dưng, ngồi rồi.

+ Chỉ những người nhàn rỗi, không có việc gì làm;

+ Có ý chê những người ăn bám, thích ngồi rồi, ăn không.

Tùy theo trường hợp cụ thể mà nghiêng về ý trên hoặc ý dưới.

Nếu chỉ dùng hai chữ "Ăn không" (thường người ta dùng là "Ăn không, ăn hỏng") thì nghĩa mang ý chê rõ rệt và nặng hơn: chỉ loại người tham lam, chiếm của người khác.

Có một câu xuất hiện và thông dụng trong thời hiện tại: *Ngồi chơi, xơi nước*, cũng có nghĩa tương tự - là không làm việc gì cả; nhưng còn thêm ý khác: không được làm việc bởi lý do nào đó.

ĂN NHƯ HÙM ĐỔ ĐÓ

Hùm (hổ, cọp, ông ba mươi) thường đi săn đêm. Nó thường tinh quái đón lõng các thú nhỏ ở những nơi có nguồn nước.

Nhưng các con thú cũng rất cảnh giác, chúng

dễ dàng đánh hơi thấy cái mùi đặc trưng của con vật hung ác này để tránh xa. Vậy là, hùm nhiều lúc lang thang, đói móp bụng, chỉ mong gặp con thú ngờ nghệch nào đó.

Mãi, hùm mới phát hiện một cái đó cài đón cá theo dòng nước đang đổ xuống.

Hùm ta vội vàng kều, kéo đó lên, dốc tung toé dăm ba chú cá trên mặt sỏi đá cạnh bờ suối. Mỗi con cá lại cố nhảy lung tung tìm cách thoát xuống suối. Hùm phải vội vã đuổi con này, chặn con kia. Bắt được là đớp vội nhai vội, nuốt chửng, chẳng cần biết ngon lành hay xương xẩu.

Ăn theo kiểu hấp tấp như vậy, cốt đầy dạ dày, chẳng cần thưởng thức - gọi là *ăn như hùm đổ đó* - tham mà lại vội.

Còn có loại cũng tham nhưng hơi khác là *Gấu ăn trăng*.

"Gấu ăn trăng" là cách gọi dân gian của hiện tượng nguyệt thực. Hiện tượng quả đất che khuất mặt trăng đã làm người xưa sợ hãi. Họ đập, gõ mọi thứ có thể tạo âm thanh ầm ĩ, inh ỏi, hòng đuổi con quái vật đang uy hiếp mặt trăng.

Nhưng "quái vật" không sợ hãi, cứ lấn tới, che lấp dần ánh sáng, cứ "ăn" cho xong, như thế "Ăn như gấu ăn trăng", tham lam mà không vội vàng, mà rất đỗi lì lợm, bỏ ngoài tai mọi sự phản đối.

Những cách ăn này, trái ngược với kiểu "Ăn hương ăn hoa", "Ăn lấy thơm lấy tho",...

ĂN THÌ NO, CHO THÌ TIẾC, ĐỂ DÀNH THÌ THIU

Thật là một tình huống tức cười của anh chàng ích kỷ, keo kiệt, tính toán thiệt hơn. Đây là trường hợp thừa thãi, chứ không vì "túng mà phải tính". Vậy mà nhân vật này vẫn cứ đắn đo cân nhắc mãi. Ăn thì sợ no quá, no quá thì bội thực vì chắc là cũng đã cố nhồi nhét hết cỡ rồi. Để lại thì sợ thiu (câu này ít nhất là có từ thời chưa phát minh ra tủ lạnh). Ăn không nổi, để không được mà cho đi vẫn tiếc. Sự keo bẩn đã biến nhân vật thành trò cười cho thiên hạ bởi sự lúng túng, bí bách rất ngớ ngẩn này!

ĂN TRỨNG THÌ ĐỪNG ĂN CON

(Ăn xưa, chừa nay; Ăn xưa, chừa sau)

Câu này có nghĩa: Muốn được hưởng sớm thì về sau không được hưởng nữa. Cũng có thể hiểu chung chung như cách đặt ra hai phương án để lựa chọn: Hưởng thụ sớm thì ít hơn; hưởng thụ sau thì nhiều hơn, nhưng phải chờ đợi và còn tiềm ẩn những may rủi bất ngờ.

Nhưng rõ ràng chỉ có một cách lựa chọn, tùy theo hoàn cảnh và ý định mà chọn. Ở câu này có một lời khuyên ẩn ở trong: Ấy là, đừng áy náy, băn khoăn khi đã chọn một cách nào!

Cách nào cũng có cái hay, cái dở, đã lựa chọn rồi thì đừng băn khoăn nữa! Vui vẻ mà ăn trứng cho ngon hoặc kiên trì, vui lòng mà chờ đợi trứng nở thành con.

ĂN VÀ TRẢ

Có thể chia làm ba loại:

1. Trả ơn xứng đáng, sòng phẳng, ăn thế nào trả đúng hoặc tương đương thế ấy.

- Ăn ngọt, trả bùi
- Ăn mật, trả đường
- Ăn miếng chả, trả miếng bùi
- Ăn tám lạng, trả nửa cân (Cân của ta ngày xưa có 16 lạng);...

2. Chê kẻ đáp lại lòng tốt bằng thái độ xấu.

- Ăn mật, trả gừng

("Mật" ở đây và ở phần trên là mật ngọt (mật mía chẳng hạn) khác với mật trong câu *Nằm gai nếm mật*).

- Ăn thúng, trả đấu
- Ăn táo, trả hột
- Ăn sung, trả ngái;...

3. Nói sự trả ơn quá mức, hoặc đối xử tốt hơn người.

- Ăn quả, trả vàng
- Ăn một quả, trả hòn vàng
- Ăn đấu, trả bồ

- Ăn cám, trả vàng

- Vay chín thì trả cả mười

Phòng khi túng nhỡ có người cho vay;...

4. Ngoài ra, có một dạng tâm lý, vay thì trả khá đầy đủ, nhưng thái độ khi nhận, khi trả rất khác nhau.

- Ăn trước, trả sau, đau hơn hoạn;

- Ăn thì ha hả, trả thì ngùi ngùi.

Lại có câu: *Ăn miếng trả miếng* thì không phải nói việc ăn mà ý nói: Ai làm điều xấu với mình, mình đáp lại như thế, không chịu lép vế.

ĂN VÓC, HỌC HAY

Giáo sư Nguyễn Lân, trong cuốn *Từ điển thành ngữ và tục ngữ Việt Nam*[1], giải nghĩa câu này như sau: *Vóc là từ cũ, chưa rõ nghĩa là gì; có nghĩa: Ăn ít nhưng học giỏi. Thường dùng để khen những người học trò giỏi và khiêm tốn (nhưng có người lại cắt nghĩa là: Ăn khỏe thì học giỏi).*

Theo thiển nghĩ của tôi, câu này có nghĩa rất đơn giản: Ăn thì sẽ có vóc; học thì sẽ hiểu biết.

"Vóc" là từ cũ, nhưng nay vẫn còn dùng. Theo *Từ điển tiếng Việt*[2], thì "vóc" (nghĩa 1) là thân

---

1. Xem: GS. Nguyễn Lân: *Từ điển thành ngữ và tục ngữ Việt Nam,* Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2008, tr.35.

2. Xem: Viện Ngôn ngữ học: *Từ điển tiếng Việt,* Nxb. Đà Nẵng - Trung tâm Từ điển học, Hà Nội - Đà Nẵng, 2008.

người, về mặt to nhỏ, cao thấp. Đồng nghĩa: Vóc dáng, dáng, vóc dạc...

Như thế, câu trên là một tục ngữ cô đọng có kết cấu chặt chẽ và cân đối. Nội dung khẳng định việc quan trọng của ăn uống trong sự hình thành thể xác con người, cũng như việc học là quan trọng để có thể hiểu biết. Chữ "hay" ở đây có lẽ là hiểu biết thì đúng hơn, chứ không có nghĩa là giỏi.

ẤM Ớ HỘI TỀ

Theo *Từ điển tiếng Việt*[1], "hội tề" là:

1- Cơ quan hành chính cấp làng ở Nam Bộ thời thực dân Pháp.

2- Cơ quan ngụy quyền ở làng xã vùng địch tạm chiếm trong thời kỳ chống Pháp, chống Mỹ.

Câu này dùng để chê ai đó làm việc, nói năng không rõ ràng, dứt khoát.

Có thể xuất phát từ trình độ quản lý, xử lý công việc ở cấp làng xã của các vị chức sắc nhỏ trong các hội tề.

Cũng có ý là các cơ quan ngụy quyền cấp xã thời kỳ chống Pháp, chống Mỹ chịu sức ép của

---

1. Xem: Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam - Viện Ngôn ngữ học: *Từ điển tiếng Việt,* Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1988.

hai bên, họ có khi phải làm việc cho ngụy quyền nhưng lại ngấm ngầm ủng hộ cách mạng, tình thế của họ thật khó xử, cho nên càng trở thành ấm ớ hơn. Không kể các vị chức sắc mà cả những người ở vùng tạm chiếm trong thời kỳ kháng chiến cũng mắc phải thái độ thiếu dứt khoát, rõ ràng như thế.

BA HOA CHÍCH CHOÈ

Là chê người nói nhiều, nói lung tung, hay khoe khoang.

Chích chòe là chim thuộc bộ sẻ; hót nhiều, hầu như suốt ngày, tiếng hót đơn điệu, không trong trẻo, thậm chí không rõ biểu lộ tình cảm, lúc nào cũng một điệu như nhau.

Vậy nên, loài chim này được dùng làm biểu tượng cho những kẻ ba hoa.

Trong đời sống thông thường, người ta chỉ dùng hai từ "ba hoa" là đủ.

Theo *Từ điển tiếng Việt,* "ba hoa" có nghĩa là nói nhiều và có tính chất khoe khoang. Nó không có liên quan gì đến số lượng 3 và những bông hoa, nhưng phát âm giống nhau (ba hoa = 3 (bông) hoa). Vì vậy, bạn đừng vô ý tặng ai đó ba bông hoa, dù là hoa gì, kẻo không dễ gây hiểu lầm!

BẮNG NHẮNG NHƯ NHẶNG VÀO CHUỒNG TIÊU

Ý chê trách những kẻ tỏ vẻ hơn người, lăng xăng, hách dịch, góp ý chỗ này, phê bình người kia; ở đâu cũng xía vào một chút, trông rất hối hả, bận rộn nhưng chẳng mấy kết quả, thường bị mọi người coi thường.

Con nhặng (ruồi lằng, ruồi xanh) là loại ruồi to, màu xanh biếc, mắt đỏ, hay đậu chỗ bẩn, khi bay tạo ra tiếng động khá to, gây cảm giác khó chịu.

Có lẽ từ con vật này mà có từ "nhặng lên", "nhặng xị" để chỉ sự rối rít, ồn ào quá mức, gây khó chịu: "Làm gì mà nhặng lên thế?".

Chuồng tiêu (chuồng hôi, nhà tiêu) là nơi vệ sinh thông dụng ngày xưa; hiện nay vẫn còn tồn tại ở những vùng xa thành phố, rất thích hợp với hoạt động sinh tồn của ruồi, nhặng; công dụng chủ yếu như nhà vệ sinh.

Dùng cách ví von với các hình tượng trên, chứng tỏ sự khinh ghét thậm tệ đối với loại người có tính cách này.

BẮT CÁ HAI TAY

Có nghĩa: Nói, làm hai việc một lúc để không được việc này thì được việc kia, nhưng nhiều khi hỏng cả hai việc.

Lại có ý kiến cho đây là lời khen người khôn ngoan, tham gia cả hai nơi hay hai bên để dễ có lợi hơn.

Câu này trên văn bản cũng có thể hiểu thêm một ý nữa, đó là lời khuyên: Muốn bắt cá thì phải dùng cả hai tay mới đạt kết quả - "Bắt cá (thì phải) hai tay!".

Tuy nhiên, trong đời sống, câu này hay dùng với ý là lời chê (nhất là trên phương diện tình cảm yêu đương, chê trách những kẻ cùng lúc yêu hai, ba người). Ví dụ như câu ca dao sau:

Làm chi trong dạ ngập ngừng
Đã có nơi đấy thì đừng nơi đây
Thôi đừng bắt cá hai tay
Cá thì xuống bể, chim bay về ngàn.

BÉ HẠT TIÊU

Mang tính khen nhiều hơn. Thường để chỉ người bé nhỏ (hoặc nhỏ tuổi) mà làm được việc lớn, việc tốt hơn nhiều người.

Cũng có thể chỉ một nước nhỏ mà làm được những việc lớn, có khi là chiến thắng sự xâm lấn của nước lớn hơn. Việt Nam ta, hai lần đánh thắng hai đế quốc to là Pháp và Mỹ, cũng có thể ví như bé hạt tiêu vậy!

BỒ DỤC CHẤM NƯỚC MẮM CÁY

"Bồ dục" là món ăn ngon, hiếm, xưa có câu:

"Bồ dục đâu đến bàn thứ năm". "Nước mắm cáy" là viết đầy đủ thứ nước cáy, thường tự sản, tự tiêu ở vùng nông thôn xưa, nay còn, nhưng rất hiếm. Câu đó có ý nói về sự không tương xứng giữa hai thứ hoặc hai người.

Thông thường trong tục ngữ, ca dao, ta còn có nhiều cách thể hiện ý tương tự:

- Mèo mù vớ cá rán

- Hoài cành mai cho cú đậu
Hoài hạt ngọc cho ngâu (ngưu) vầy.

- Con vợ khôn lấy thằng chồng dại
Như bông hoa lài cắm bãi cứt trâu.

- Tiếc thương hạt gạo trắng ngần
Đã vo nước đục, lại vần than rơm.

- Lọng vàng che nải chuối xanh
Tiếc con chim phượng đậu cành tre khô.

Và đây nữa:

- Tiếc thương hạt gạo tám xoan
Thổi nồi đồng điếu lại chan nước cà.

- Trai tơ vớ phải nạ dòng
Như nước mắm thối chấm lòng lợn thiu.

- Nước đường mà đựng chậu thau
Cái mâm chữ triện đựng rau thài lài.

- Rồng vàng tắm nước ao tù
Người khôn ở với người ngu bực mình...

CÁI SẨY NẢY CÁI UNG

Từ sai sót nhỏ thành lầm lỡ lớn. Có ý khuyên ta nên tận tuỵ từ việc nhỏ. Việc nhỏ ta dễ bỏ qua, ta dễ để quên, tai hại là ở chỗ ấy. Bỏ qua lỗi nhỏ, dần dần lỗi nhỏ, sai nhỏ trở thành bình thường, coi như không sai, không lỗi, từ đó lại nảy sinh lỗi lớn hơn trước, lớn hơn ít thôi, nhỏ thôi. Ta lại bỏ qua lần nữa, lần nữa... Thế là cái nhỏ cứ lớn dần dà, lớn dần dà. Cái sẩy đã nảy thành cái ung như thế đấy!

ĐÁ ĐƯA ĐẦU LƯỠI

Chê những người nói không thực thà, chỉ tỏ ra tốt ngoài miệng thôi. Hình ảnh đầu lưỡi gợi ta nhớ tới câu *Lưỡi không xương nhiều đường lắt léo* và càng làm cho câu cô đọng trên có ý nghĩa rõ nét hơn.

ĐỂNH ĐOẢNG NHƯ CẦN NẤU SUÔNG

Nghĩa đen là nói về một món canh đã không ngon lại rời rạc, lễnh loãng. Thường dùng để chỉ quan hệ yêu đương, hoặc quan hệ vợ chồng nhạt nhẽo, thiếu gắn bó, thắm thiết.

Xưa sao đằm thắm muôn phần
Mà nay đểnh đoảng như cần nấu suông.

Câu sau, cũng nhắc đến món canh cần "đểnh đoảng" nhưng lại có sự ngọt ngào của tình mẹ và con gái:

Có con mà gả chồng gần
Có bát canh cần nó cũng mang cho.

GẮT NHƯ MẮM TÔM

"Gắt" là cách nói, giọng nói thiếu ôn hoà, bình tĩnh, nhằm trút bỏ giận dữ. Nhưng tại sao lại nói "Gắt như mắm tôm"?

"Gắt" còn có nghĩa chỉ một trạng thái kích thích vượt quá ngưỡng chịu đựng của con người. Mùi vị của mắm tôm là thứ mùi khó chịu. "Gắt như mắm tôm" ban đầu là chỉ trực tiếp mùi vị của thứ mắm này! Sau đó, đi vào đời sống, sự "gắt" của mắm tôm đã biến thành *sự gắt gỏng của cách nói, giọng nói của con người*.

Rồi sau nữa, trong lời nói hằng ngày, chỉ cần nhắc đến "mắm tôm" cũng đã hàm ý chỉ sự gắt gỏng.

Thậm chí ai đó đang gắt gỏng, cáu kỉnh, chỉ cần người khác nói: "Mắm tôm ở đâu đấy nhỉ? Dạo này, chợ bán lắm mắm tôm quá", thì cũng là một sự nhắc nhở, cảnh báo rồi!

LÚNG BÚNG NHƯ NGẬM HỘT THỊ

Là thành ngữ chỉ những người ăn nói ấp úng, không rõ ràng, rành mạch.

Muốn hiểu kỹ câu này, ta cần biết đến quả thị. Biết ở mức là ta phải ăn thử xem sao!

Thực ra thị chỉ là thứ quả để bày, để treo (với màu vàng tươi và hương thơm đậm đà). Đan giỏ đựng thị bằng sợi len màu thì thật phù hợp, rồi treo trong nhà.

Thứ quả của mùa thu, của trung thu này, ăn chín thì ngọt, nhưng chẳng được bao nhiêu thịt mà lại nhiều hột, mỗi hột có lớp nhầy bám chặt quanh hạt. Khi đã ngậm hột thị thì miệng đầy ứ, nuốt không được, nhả thì cũng tiếc. Ai hỏi gì thì người ngậm hột thị đành lúng búng nói không thành lời.

MỘT MIẾNG KHI ĐÓI BẰNG MỘT GÓI KHI NO

Câu này thường dùng để tỏ lòng biết ơn người đã cứu giúp mình

Lưu ý chung là: Khi ai đang cần điều gì mà mình giúp ngay thì dù giúp rất ít cũng còn hơn giúp nhiều vào lúc họ không cần.

MUỐN MAY THÌ PHẢI CÓ KIM
MUỐN HAY THÌ ẮT PHẢI TÌM NGƯỜI XƯA

Cái kim thời xưa thật cần lắm. Phải người làm nghề may vá mới có kim mang theo để hành

nghề. Chuyện kể rằng, ông thợ may nổi tiếng kia có thợ phụ là một tay trai láu lỉnh. Gọi là thợ phụ, nhưng thực ra là người hầu, có được học nghề đâu, mà còn bị mắng chửi, bị bỏ đói nhiều phen, phải làm mọi việc thượng vàng, hạ cám khi ở nhà cũng như lúc theo chủ đi hành nghề. Cậu ta căm ông chủ lắm, mới nghĩ cách trả thù. Tới nhà nọ, ông thợ may đang ngồi chễm chệ trên sập trải chiếu hoa, chuẩn bị may bộ quần áo mới cho nhà chủ, thì cậu ta giấu biến cái kim. Rồi cậu ta tìm cách báo cho nhà chủ: "Thầy tôi, may áo quần thì cừ khôi lắm nhưng lại thỉnh thoảng có cái tật nổi điên". Nhà chủ hỏi phải xử trí ra sao, cậu ta nói: "Khi cơn sắp lên, thầy tôi cứ đập đập, vỗ vỗ xuống quanh chỗ ngồi. Lúc ấy chỉ lấy gậy phang cho mươi cái là tỉnh lại ngay!".

Cậu ta vừa nói xong, thì ông thợ may cũng tìm kim. Miệng ông lẩm bẩm: "Quái, rõ ràng mình để ở đây", tay vỗ vỗ xuống chiếu xung quanh chỗ ngồi để mong cái kim có kẹt giữa các sợi chiếu thì nảy lên.

Thấy ông thợ may đang có dấu hiệu nổi cơn điên, ông chủ nhà liền... Đại thể câu chuyện kể này nhấn mạnh sự quan trọng và quý hiếm của cái kim thời xưa. Và như thế, vế thứ nhất "Muốn may thì phải có kim" là một chân lý rất rõ ràng.

Ngày nay, kể cả may công nghiệp, thì cơ bản vẫn phải có kim.

Còn vế thứ hai, tại sao "Muốn hay thì ắt phải tìm người xưa" - hiểu theo nghĩa là tìm lời dạy bảo của người xưa? Là vì, điều gì người xưa còn để lại được đến nay là đã được thời gian sàng lọc rồi. Thời gian đã chọn cho ta, lẽ nào ta không tận dụng cái vốn đã được chọn lọc đó?

Tìm người xưa - nghĩa là đọc và ngẫm nghĩ, chứ không phải lặp lại y như cũ.

NGƯỜI KHÔN

- Chim khôn kêu tiếng rảnh rang
Người khôn nói tiếng dịu dàng dễ nghe.

- Chim khôn tránh lưới, tránh dò
Người khôn tránh chốn xô bồ mới khôn.

Câu đầu là ca ngợi tiếng nói dịu dàng của những người khôn. Đó cũng là lời khuyên ta nên có lời ăn tiếng nói dịu dàng, dễ nghe trong mọi trường hợp. Khôn là ở chỗ, lời nói dịu dàng, ai cũng thấy dễ nghe, dễ theo.

Câu sau là khía cạnh khác trong xử sự của người khôn, cũng giống như lời nhắc: *Ở chọn nơi, chơi chọn bạn.*

Chốn xô bồ bây giờ nhiều lắm, ở đó đủ cả lời nói xô bồ, hành vi xô bồ, ăn uống xô bồ, con người xô bồ... Chắc chắn chúng ta đều muốn là con người khôn ngoan rồi!

NGƯỜI THÌ XÔNG KHÓI, LỜI NÓI XÔNG HƯƠNG

Nói lên sự mâu thuẫn giữa tính nết xấu và lời nói đẹp của người đạo đức giả. Câu này ít dùng trong lời nói hằng ngày, nhưng dùng khi viết dễ gây ra ấn tượng, vì nó có hình tượng đối lập của "xông khói" và "xông hương".

Những câu có ý nghĩa tương tự:

- *Miệng nam mô, bụng một bồ dao găm*
- *Miệng thơn thớt, dạ ớt ngâm*
- *Miệng mật, lòng dao…*

NO ĂN, ĐẮT BÓI; ĐÓI ĂN, ĐẮT KHOAI

Một nhận xét khá chính xác về tâm lý xã hội. Phú quý sinh lễ nghĩa. Phú quý cũng sinh thêm sự cầu cúng, bói toán, thầy bà.

Mà đã "đắt bói" thì cũng đắt những thần thánh, ma quỷ, giải hạn, triệt sao, v.v..

"Bói ra ma, quét nhà ra rác" mà! Làm sao đây cho "no ăn" mà không "đắt bói"? Bởi vì "đắt bói" không chừng lại dẫn đến đói ăn cũng nên! Chưa kể những người chưa no ăn, chưa đầy đủ, nhưng đã chăm đi lễ bái, thì thật dại dột biết chừng nào! Tâm linh là chuyện tại tâm, trong lòng, chứ đâu phải chuyện cầu cúng, chạy vạy!

NÓI...

Nói chín thì làm nên mười
Nói mười làm chín kẻ cười người chê.

Xem chừng đòi hỏi thật khắt khe, yêu cầu là lời nói phải được thực hiện 100%, mặc dù ở đây dùng chữ "nên", mang tính chất khuyên bảo chứ không bắt buộc. Có nghĩa là phải thật cân nhắc trong lời nói, nhất là lời hứa. Nói mười mà làm được chín còn bị cười chê nữa là nói mười mà chỉ làm được hai, ba, thậm chí nói mà không làm.

Ta thử chọn những lời nói đáng yêu, đáng trọng:

- Lời nói như đinh đóng cột
- Lời nói như dao chém đá
- Lời nói gói vàng
- Nói như rót vào tai
- Nói có sách, mách có chứng
- Nói toạc móng heo (nói thẳng, đôi khi hơi nóng vội)
- Nhả ngọc, phun châu

...

Còn có những kiểu nói đáng chê:

- Nói băm nói bổ
- Nói cạnh, nói khoé
- Nói dơi, nói chuột
- Nói hành, nói tỏi
- Nói hươu, nói vượn
- Nói nhăng, nói cuội

- Nói như chó cắn ma
- Nói như dùi đục chấm mắm cáy
- Nói như trạng
- Nói quàng, nói xiên
- Nói trước, quên sau
- Nói vuốt đuôi
- Nói như đấm vào tai
- Đặt điều, đặt tiếng
- Nói đứng dựng ngược

...

GHI CHÉP HAI

Phần này, chúng ta cùng lướt qua một chút trong vốn tục ngữ, thành ngữ của một số dân tộc anh em trong đại gia đình Việt Nam.

Các bạn sẽ làm quen với cách nói, cách nghĩ cụ thể, giàu hình ảnh, gắn với rừng núi.

ANH EM, CHÚ BÁC LÊN NHÀ...

Dân tộc Thái có câu này nói về cách cư xử khi nhà có họ hàng đến chơi:

Anh em lên nhà, đừng đập chó

Chú bác lên nhà, đừng đánh con.

Có khi "đập chó", "đánh con" là hành vi, lời nói vô tình; lúc đó có thể chó đáng đánh vì ăn vụng, con đáng đánh vì cãi hỗn với người lớn. Nhưng có họ hàng lên chơi, việc cần làm đó có khi bị hiểu lầm. Đành phải nín nhịn.

Ở dân tộc Kinh cũng có những câu tương tự, để tránh những hành vi kiểu: *Đá thúng, đụng nia; Chửi mèo, quèo chó,...*

ĂN KHẮC HẾT, LÀM KHẮC XONG
(Dân tộc Thái)

"Ăn khắc hết", chỉ ba chữ thôi, nhưng ý tứ thật sâu rộng. Có thể hiểu dù giàu có bao nhiêu mà chỉ ăn cũng hết - tựa như người Kinh nói "Miệng ăn núi lở" vậy!

"Làm khắc xong": Công việc dù nhiều, dù thoạt nhìn thì bề bộn, rối rắm nhưng cứ làm đi, gỡ rối đi, chăm chỉ đi, dần dà công việc nào cũng xong.

Chợt nhớ một ý dạy của Bác Hồ:

Không có việc gì khó
Chỉ sợ lòng không bền
Đào núi và lấp biển
Quyết chí ắt làm nên.

ĂN PHẢI NGHĨ ĐẾN BỤNG, DIỆN PHẢI NGHĨ ĐẾN THÂN
(Dân tộc Thái)

Đây là một lời khuyên về ăn, mặc.

"Nghĩ đến bụng" nghĩa là nghĩ đến khả năng tiêu hóa của mình, chứ không phải chỉ biết ăn cho sướng miệng.

"Nghĩ đến bụng", không chỉ là nghĩ đến số lượng thức ăn mà còn phải nghĩ đến chủng loại và chất lượng thức ăn có hợp với bụng mình không.

"Nghĩ đến thân", là nghĩ đến con người mình - diện phải hợp với bản thân mình. Thể hình, tính

nết, công việc, hoàn cảnh mà mình đang có sẽ quyết định mình nên ăn diện thế nào cho phù hợp. Thế là để tránh sự kệch cỡm, lố lăng, thiếu tính thẩm mỹ.

"Nghĩ đến thân", nghĩa là phải tự chủ, tự lập, không bị kéo theo phong trào, theo mốt.

Dân tộc Thái cũng còn nhiều câu nói về việc ăn, ví dụ như:

- Ăn phải dành, có phải kiệm

- Ăn lắm thì nghèo

- Ngủ nhiều thì khó

- Ăn lắm cũng hết thóc

- Muốn ăn cơm phải làm ruộng
Muốn ăn cá phải đào ao, đan rọ

- Lười ruộng nương, phải đói
Lười uống rượu, được ăn uống nhiều hơn.

BẠN

Dân tộc Thái nói:

Bạn cùng mâm rượu đắng, khác
Bạn cùng ngửi mùi hôi, khác;

hoặc một câu tương tự:

Bạn rượu là bạn đắng
Bạn chung đau khổ mới là bạn thân.

Ý nghĩa dễ thấy: Đánh giá cao những người bạn cùng chia sẻ khó khăn, hoạn nạn, vất vả; và cẩn thận, mức độ với những người quen nhau qua ăn uống, vui vẻ.

Ta còn thấy cái nhìn rộng rãi về mối quan hệ bạn bè: chấp nhận nhiều tầng lớp, nhiều tầng, nhiều mức giao tiếp phù hợp với sự phong phú của cuộc sống hiện đại.

Ta có thể có: bạn học, bạn nhảy, bạn thể thao, bạn du lịch, bạn đồng nghiệp, bạn tri kỷ, bạn chí cốt,... Và với mỗi loại bạn đó, có những cách ứng xử thích hợp riêng.

CÁ VÀ KIẾN

Nước dâng, cá ăn kiến
Nước cạn, kiến ăn cá.

(Dân tộc Thái)

Có hai nhân vật - cá và kiến. Chỉ cần một biến đổi, đủ để thay đổi ngược hẳn số phận của chúng.

Nước là hoàn cảnh, là cuộc sống biến động, có khi cạn, có khi dâng cao. Câu này nhắc nhở ta phải có một tầm nhìn khái quát trong cuộc sống để có thể lường trước được ít nhiều, khỏi phải gặp nhiều bất ngờ, đột ngột.

... CHẲNG BẰNG NGHE CON HỌC NÓI

Tục ngữ người Mường (ở Thanh Hoá) có câu: *Của bằng núi bằng non chẳng bằng nghe con học nói.*

Con cái là tài sản lớn nhất, quý báu nhất của mẹ cha. Thú vị và đáng yêu nhất là khi trẻ bi bô

học nói. Dân tộc Kinh cũng có nhiều câu nói ghi lại thời điểm đáng yêu này: *Trẻ lên ba nói muốn cười, Con lên ba cả nhà học nói,...*

Đây là một quan niệm về hạnh phúc - hạnh phúc đơn sơ và tự nhiên, hạnh phúc của gia đình, hạnh phúc của sự tiếp nối các thế hệ, của sự vĩnh cửu.

Nghe con học nói những tiếng bi bô, đấy là bài ca rộn rã trong lòng cha mẹ, đó là sự giàu có không của cải nào sánh được.

Tiếng trẻ con luôn luôn là âm thanh ấm áp, reo vang cho mỗi tổ ấm gia đình. Có lẽ, trên thế giới, điều này cũng luôn luôn đúng!

CỦA BÀN TAY LÀM RA NHƯ NƯỚC NGUỒN CỦA CHA MẸ ĐỂ CHO NHƯ NƯỚC LŨ (Dân tộc Tày - Nùng)

Nước nguồn có thể ít ỏi nhưng luôn luôn còn, luôn luôn nảy sinh, tồn tại.

Nước lũ, lớn, nhiều, lướt nhanh qua, rồi tan tác hết. Ý câu nói: của do ta tự làm ra không bao giờ hết; của cha mẹ để lại dẫu nhiều đến đâu, nếu chỉ biết ăn tiêu đi thì chẳng mấy lúc mà tiêu tan.

Hình ảnh "nước nguồn", "nước lũ" là những hình ảnh gắn với đời sống người miền núi, cho nên nó vào thành ngữ, tục ngữ ở đây thật nhuần nhuyễn, gần gũi.

ĐẤT NGƯỜI...

Đất người có bịch gạo trắng cũng đừng cầm đòn qua lại

Bản mình rậm qua lại nên chăm chỉ, phát quang.

(Dân tộc Thái)

"Đòn" ở đây là đòn gánh, đòn càn, đòn xóc…; là vật dụng để gánh. Của người ta thì đừng quanh quẩn mong được thứ gì đó gánh về! Việc cần làm là ở nương rẫy của mình, trong bản mình! Phải tự lo cho mình, đừng trông đợi người khác.

Đó là lời cảnh báo cũng giống như nhận xét sau đây của dân tộc Tày - Nùng:

Hòng ăn chực người thì đói

Hòng mặc nhờ người thì rách.

Hay người Thái còn có câu *Gạo mua không đủ, gạo xin chẳng no;* và đây - suy nghĩ của người Mường: *Của mình làm ra ăn no, của người cho ăn nếm* cũng nhằm nói cái ý mình phải lao động để tự lo cho bản thân thì mới đầy đủ, bền vững được.

GÀ VỖ CÁNH...

Gà vỗ cánh ba lần mới gáy

Người cân nhắc ba lần hãy nói.

(Dân tộc Tày - Nùng)

Ý nghĩa tương tự như câu *Ăn nhai, nói nghĩ* của dân tộc Kinh, nhưng hình ảnh "Gà vỗ cánh ba lần" tạo được ấn tượng mạnh cho người nghe.

Đây là lời khuyên ta nên biết thận trọng khi nói và biết quý trọng lời nói. Bởi vì lời nói *Rời khỏi miệng mình, lọt vào tai người* (dân tộc Thái), không lấy lại được!

GIAO TIẾP RỘNG

Để khen ngợi người có quan hệ rộng, đoàn kết với mọi người, được nhiều người quý mến, dân tộc Thái có câu:

Đóng thuyền buộc nhiều bến
Gạo sẵn ngâm trong chậu nhiều mường.

Không phải là đóng thuyền thật, không phải để gạo ngâm sẵn thật, mà chỉ vì có quan hệ tốt, mọi người coi như người thân, nên đi đâu cũng có thuyền chờ sẵn, đến đâu cũng có cơm mời ăn.

Đời như thế, kể cũng là hạnh phúc! Người như thế, kể cũng chẳng có nhiều!

HỌC KHÔN, HỌC KHÉO

Học khôn, học đến chết
Học khéo, học đến già!

Đây là lời khuyên răn của dân tộc Thái về vấn đề học hỏi. Rõ ràng, học hành không phải chỉ là

lúc đến trường, không chỉ ở tuổi học sinh. Bởi vậy, có ai dám nói rằng mình học thế là đủ rồi!

Nhưng học theo kiểu gì? Học ở đâu? Cũng người Thái nhận định: *Bố mẹ dạy không bằng thầy dạy. Thầy dạy không bằng suy nghĩ.*

Vậy học quan trọng nhất chính lại là sự tự suy nghĩ. Kết quả việc học hóa ra phụ thuộc chính vào mỗi người! Mọi sự giúp đỡ của bố mẹ, của thầy, của bạn cũng chỉ là rất phụ mà thôi!

KẺ NÓI NGỌT

Người Thái có câu: *Kẻ nói ngọt có hổ trong ruột / Kẻ nói khéo có gấu trong lòng*.

Hổ và gấu là thú dữ ở rừng, và chúng cũng ở trong lòng kẻ xấu, kẻ ác; mà nguy hại thay, những kẻ đó thường hay nói ngọt, nói khéo. Cũng ý ấy, ở người Ba na là *Miệng nước, bụng lửa*. Sự đối chọi giữa nước và lửa, để chỉ rõ sự trái ngược giữa bề ngoài và thực chất bên trong.

Ở người Kinh cũng có những câu ý tương tự như:

- *Miệng thơn thớt, dạ ớt ngâm*
- *Miệng nam mô, bụng một bồ dao găm.*

KHÔNG GÌ CAO HƠN BỐ, KHÔNG GÌ NGỌT BẰNG SỮA MẸ
(Dân tộc La Hủ)

Người Kinh có nhiều câu như: *Công cha như*

núi Thái Sơn/ Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra; Tu đâu cho bằng tu nhà/ Thờ cha kính mẹ, ấy là chân tu;... Còn người Mường thì nói: *Công bố bằng bể/ Công mẹ bằng trời...*

Tất cả đều nói về công ơn cha mẹ thật lớn lao, không có điều gì hơn được.

Không gì cao hơn bố, "cao" ở đây là cao về trí tuệ, về hiểu biết, về sự nêu gương. Người cha được coi như lá cờ cho con cái noi theo. Suy rộng ra, người cha phải lo cho con một đời sống tinh thần, phải "cao" nhất để con cái học hỏi, tiếp bước.

Sữa mẹ ngọt hơn tất cả, dường như câu nói quan niệm người mẹ lo cho con cái nhiều hơn về mặt nuôi dưỡng vật chất.

Tuy nhiên, tinh thần và vật chất của cha mẹ dành cho con cái là những nguồn vô tận và bồi bổ cho nhau. Dòng sữa nuôi con lớn, sự ngọt ngào, trắng trong, lành mạnh của nó cũng góp phần tạo nên một tính cách ngay thẳng, một tâm hồn trong sáng.

Câu trên là sự ghi nhận công cha nghĩa mẹ, cũng là sự kỳ vọng của con cái đối với cha mẹ.

LÀM ... ĂN

Ra đồng làm tớ, về nhà được ăn
Ra đồng làm quan, về nhà vêu mõm

(Dân tộc Tày - Nùng)

Muốn ăn cơm phải làm ruộng
Muốn ăn cá phải đào ao, đan rọ
(Dân tộc Thái)

Lười ruộng nương, phải đói
Lười uống rượu, được ăn uống nhiều hơn.

Ba câu trên rõ ràng một ý, cũng giống như câu nói của người Kinh: *Tay làm hàm nhai, tay quai miệng trễ!* Có làm mới có ăn!

Miệng trễ và mõm vêu thì cũng vậy. Quan niệm "làm tớ" nghĩa là chăm chỉ, vất vả; "làm quan" nghĩa là nhởn nhơ, chơi bời, đúng là cái nhìn từ đời sống mà ra.

Lại còn "lười uống rượu", kết quả là "được ăn uống nhiều hơn". Ăn uống là nói chung, trong đó dứt khoát có uống rượu. Uống rượu không phải là xấu, quan trọng là uống thế nào, uống vào lúc nào, uống với ai, uống đến mức độ nào.

NẤU LẠI THÌ KHÔNG NGON, NGHĨ LẠI THÌ ĐÃ MUỘN
(Dân tộc La Hủ)

Dòng đầu liên quan đến chuyện ăn uống, dòng sau là chuyện ăn nói, ăn ở...

Nấu lại thì không ngon, theo ý hiểu của tôi, phải nấu lại vì lần đầu nấu sai quy cách, sản phẩm chưa đạt yêu cầu ngon miệng. "Nấu lại", khác với thức ăn nấu nhiều lửa. Ví dụ: cá kho,

canh dưa nấu vài ba lửa (vài ba lần đun đi đun lại) thường ngon hơn.

Nghĩ lại thì đã muộn có ý khuyên ta cân nhắc trước khi nói, trước khi làm, trước khi quyết định, nhưng ở đây, cân nhắc lời nói là quan trọng nhất.

Một lời nói ra là đã bay tới tai người, nằm trong đầu người rồi, muốn lấy lại, sửa lại đâu có được nữa!

Người La Hủ cũng còn câu nói rõ hơn, riêng biệt hơn, mạnh mẽ hơn về sự quan trọng của lời nói:

Bọt nhổ đi không lấy lại được
Lời nói ra không thu về được.

"Bọt nhổ đi" vừa là một cử chỉ trong vệ sinh môi trường, nhưng sâu sắc hơn, nó như một sự bày tỏ thái độ, cũng là một thứ lời nói vậy!

NGẮM...

Ngắm gái ngắm tháng chạp
Ngắm trai ngắm sá bừa.

(Dân tộc Tày - Nùng)

Chữ "ngắm" được dùng để chỉ việc nhìn cảnh đẹp hữu tình, nhìn người xinh tươi, duyên dáng. Dùng chữ "ngắm" trong trường hợp này bộc lộ rất rõ quan niệm đánh giá cái đẹp của con người, đó là đánh giá qua lao động.

Tháng chạp, sau khi công việc đồng áng đã vãn, các cô gái vùng cao thường dành thời gian cho việc may vá, thêu thùa. Lúc này, các cô có điều kiện bộc lộ tính nết cần cù, chịu khó, khéo léo - những yêu cầu đối với người phụ nữ trong gia đình. Còn "ngắm sá bừa" là có thể đánh giá sức lực, sự khéo léo, thạo nghề của người con trai.

Ở đây, không thấy sự chú ý tới hình thức đối với cả hai giới trẻ. Đó cũng là quan niệm không khác gì dân tộc Kinh: *Cái nết đánh chết cái đẹp!*

NHIỀU NGƯỜI...

Người Thái nói:

Vỗ tay cần nhiều ngón
Bàn đúng cần nhiều người.

Hoặc:

Có bạn, có đàn mới nổi
Có phường hội đông người mới tốt.

Người Tày-Nùng khẳng định: *Khôn một mình không bằng vụng nhiều người.* Còn người La Hủ ví von: *Cây dưới cây thì yếu đuối/ Người cùng người sống sẽ tốt hơn.*

Những câu trên đều tương tự như câu ca của người Kinh:

Một cây làm chẳng nên non...

Hoặc:

Ăn một mình đau tức
Làm một mình cực thân.

Tất cả đều ca ngợi sự đoàn kết, hợp lực, chung sức, chung lòng.

Người Thái cũng có câu rất thú vị:

Nhiều người lắm miệng
Nhiều miệng lắm điều.

Ấy là dè chừng cái tật ngồi lê, mách lẻo, buôn chuyện, bán dưa lê, cà kê dê ngỗng, bới bèo ra bọ, vạch lá tìm sâu.

Người Kinh thì có câu này: *Một miệng thì kín, chín miệng thì hở.*

Ấy là dè chừng lộ bí mật. Chẳng cần đến chín miệng, chỉ cần đến hai là đã đủ để nhân lên vô vàn rồi.

NHƯ...

Người Kinh có câu: *Anh em như thể chân tay*, còn người Thái nói thế này:

Anh em cùng cha như ong cùng tổ
Chị em cùng mẹ như quế cùng rừng.

Mối quan hệ anh em, quan hệ máu thịt được hình dung rất cụ thể:

Lòng bàn tay là da
Mu bàn tay là thịt
Cấu chỗ nào cũng đau!

Đó là mối quan hệ gia đình, giống như câu:

Tay đứt, ruột xót (dân tộc Kinh). Người Thái cũng nghĩ như vậy:

Cây đâm vào mắt nước mũi chảy
Con gặp hoạn nạn, bố mẹ lo.

Hoặc câu sau đây của dân tộc Mường:

Con khôn nở mặt mẹ cha
Con dại xấu xa họ hàng.

RÀO GIẬU...

Dân tộc Tày - Nùng có câu tục ngữ sau:

Rào bản hơn rào nhà
Rào vườn hơn rào buồng.

Nói chuyện cụ thể là rào giậu thế nào, nhưng ý tứ là nhắc ta nên có cái nhìn xa rộng, lường trước sự việc, để phòng từ xa, đồng thời còn có ý nói tới sự liên quan giữa cái chung, cái riêng, cái lớn, cái nhỏ, cái xa, cái gần, cái cần lo trước, cái để lo sau. Cũng như người Thái nhắc nhở:

Làm nhà liệu gianh
Làm ruộng lo mạ

thì cũng nằm trong cách nhìn xa ấy; để tránh tình trạng *nước đến chân mới nhảy* (dân tộc Kinh).

TẬU GÌ

"Tậu" có nghĩa là mua thứ gì đó có giá trị lớn, sử dụng lâu dài. Về chuyện tậu gì, dân tộc Thái có lời khuyên rất chí lý thế này:

Tiền sắp hết tậu trâu
Tiền có nhiều tậu ngựa.

Tậu trâu là để lấy sức sản xuất, là để lao động, gây dựng cơ nghiệp (*Con trâu là đầu cơ nghiệp* - tục ngữ dân tộc Kinh). Còn tậu ngựa chủ yếu là để cưỡi đi chơi, đua ngựa, khoe mẽ. Việc này cũng tốt thôi, nếu có nhiều tiền.

Giống như hiện nay tậu chiếc xe máy.

Nếu ít tiền thì tậu cái xe có tác dụng của con trâu, giúp ta làm việc khỏe hơn, nhanh hơn, bảo đảm cuộc sống no ấm.

Nếu nhiều tiền hãy tậu cái xe theo mốt, dùng để cưỡi giống như cưỡi ngựa vậy! Biết chọn đúng mới gọi là sành điệu.

TIỀN BẠC Ở ĐÂU?

Tiền bạc vô khối ở dưới đất
Chân lấm không khi nào sợ nghèo.

(Dân tộc Tày - Nùng)

Chợt nhớ một câu chuyện cổ: Người cha mất đi để lại cho mấy anh em ít ruộng và dặn ở đó có chôn kho vàng. Ma chay mọi việc xong xuôi, mấy anh em bàn nhau chung sức "đào vàng" ở nơi cha dặn. Đào lên, đào xuống, lật từng miếng đất, sâu đến ngập người, vẫn chẳng thấy một vẩy vàng.

Lại đào, lại xới, lại tìm, lại nghĩ... Cuối cùng, họ mới vỡ lẽ ra ý nghĩa sâu xa của lời cha dặn.

Đất đai được chăm sóc kỹ, giống má được lựa chọn, mùa màng được theo dõi quả là mùa mùa cứ liên tiếp bội thu. Chẳng mấy chốc, mấy anh em đều giàu có từ trên mảnh đất đầy mồ hôi của họ. Ý nghĩa ca ngợi sức lao động của con người thì dễ thấy rồi, ở đây còn là sự ca ngợi đất, tôn quý đất - giống như người Kinh nói: *Tấc đất tấc vàng*.

Hình tượng "chân lấm" (như người Kinh nói: *Chân lấm, tay bùn*) được tôn vinh thật đẹp, đó là sự ngợi ca đất, bùn. Cùng nói cái ý này, dân tộc Thái có câu:

Hạt thóc dưới đất
Miếng ăn trên rừng
Ai khéo cuốc thành ruộng
Ai khéo bàn thành bản
Ai chẳng chịu làm, cả đời dúm dó.

Và đây, quan niệm của người Mường:

Lúa ăn thì mất
Lúa gieo xuống đất hãy còn.

TÌM NGƯỜI HIỂU BIẾT THÌ HIẾM, KIẾM KẺ BA HOA ĐẦY MƯỜNG
(Dân tộc Thái)

Thì ra ở đâu cũng nhiều kẻ *ba hoa chích chòe, một tấc đến giời, bán trời không văn tự!* Thì ra

những kẻ nói khuếch nói khoác lúc nào cũng đầy làng, đầy phố, đầy mường, đầy bản.

Và những kẻ đó luôn bị người dân lương thiện khinh ghét, dẫu ở đâu và trong lúc nào!

Nói nhiều không hẳn và thường không phải là người hiểu biết. Bởi thế mới nên chuyện là người hiểu biết thì hiếm, mà những kẻ làm ra vẻ hiểu biết thì nhan nhản.

LỜI CUỐI SÁCH

Thế là cuốn sách này đã dừng lại ở đây. Nói dừng lại như một sự nghỉ ngơi, chứ không phải kết thúc. Cuốn sách này thực ra khó mà có chỗ kết.

Đi vào biển mênh mang tục ngữ, thành ngữ của dân tộc ta cũng như bao câu chuyện cổ, bao lời đẹp của cổ nhân, quả là càng đi càng thấy rộng lớn, càng thấy sâu sắc, đậm đà, ý vị.

Thật kỳ diệu là kho báu vốn sống của dân tộc ta. Không có việc gì không nhắc đến. Không tình huống nào không có cách giải quyết. Không lứa tuổi nào không tìm thấy sự gần gũi, ân cần của người hiểu biết, đồng cảm. Tất cả, tất cả thường được nói bằng cách ngắn gọn và đầy hình ảnh. Tất cả, tất cả đều chung một hướng tạo dựng nên hình tượng con người Việt Nam đẹp, đồng thời phê phán những thói hư, tật xấu.

Xây dựng và phê phán luôn song hành, vì cuộc sống luôn luôn là sự đấu tranh giữa thiện và ác, thật và giả, xấu và đẹp. Cuộc đấu tranh đó, thậm chí diễn ra thường xuyên trong mỗi con người.

Thí dụ nói chuyện ăn. Có kiểu "ăn hương, ăn hoa", "ăn lấy thơm lấy tho"; cũng có kiểu "ăn thùng bất chi thình", "ăn như hùm đổ đó", thậm chí "ăn tàn, phá hại", "ăn sống, nuốt tươi",...

Lại buồn buồn như chuyện "gà què ăn quẩn cối xay"; hoặc đáng chê trách như thói "ăn cỗ đi trước, lội nước đi sau"...

Các kiểu cách ăn đó chính là tính cách của mỗi loại người, mỗi tầng lớp người, mỗi hoàn cảnh của con người.

Ăn nói hay đi đứng, học hành,... đều là thể hiện tính cách con người cả.

Thấy điều hay, lời đẹp có thể học theo, thấy sự dở, việc xấu cũng có thể rút kinh nghiệm, tự rèn sửa mình. Cho đến chuyện hay sử cũ, chuyện của các bậc vua minh, tôi giỏi, trung thần, ái quốc thì rực rỡ, sáng láng chẳng bao giờ mờ phai trong sự ngưỡng vọng, ái mộ của muôn vạn người suốt thời này sang thời khác.

*

* *

Một cuốn sách nhỏ của một cá nhân bình thường lượm lặt và suy nghĩ cùng mênh mang kho tàng ý tứ chữ nghĩa của dân tộc, tránh sao khỏi sơ sót, giản đơn, nông cạn. Nhưng thiển nghĩ, cũng như bao người đi trước, gọi là gạn khơi, gom góp, mong mỏi đóng góp một chút gì đó có ích cho bạn

đọc trẻ ngày nay - khi mà thời thế là hội nhập, người ta chăm chú, say sưa đến với mới lạ, lãng quên dần những tốt đẹp của ngày xưa.

Cuốn sách nhỏ này như một gợi mở cho từng bạn đọc đừng bỏ qua, đừng bỏ phí những tinh hoa của chính quê hương mình; gợi cho bạn công việc mày mò trong những hướng viết xưa cũ, như giải trí, nhưng thực ra là gặt hái biết bao nhiêu vàng ngọc cho tinh thần, ý chí bản thân.

Cuốn sách nhỏ này cũng muốn mang đến cho bạn đọc tình yêu với tiếng Việt - thứ ngôn ngữ phong phú, tinh tế. Rồi từ thành ngữ, tục ngữ, bạn đọc sẽ tìm đến với ca dao, dân ca của nhiều dân tộc trong đại gia đình Việt Nam,... Ôi! Còn nhiều bước đi tiếp tốt đẹp và kỳ thú nữa. Rồi nếu muốn, bạn có thể viết. Thoạt đầu là chép những câu thành ngữ, tục ngữ mà bạn yêu thích, rồi bày tỏ hiểu biết về chúng. Sau đó, bạn có thể viết những dòng cảm xúc của mình đối với bất kỳ rung cảm nào. Đó có thể là thơ, là văn, là tùy bút, là tản văn,... Bạn sẽ sung sướng thấy mình có thể sáng tạo với chữ Việt, ít nhất là tạo ra những trang viết cho riêng mình.

Như thế chẳng phải thêm một hạnh phúc nữa trong cuộc đời này hay sao. Hạnh phúc của khám phá, tìm tòi, học hỏi. Con đường rộng sáng và không cùng. Con đường không có ngăn cản, rào buộc nào với mọi người. Con đường ấy còn nhiều

khoảng vắng, chỗ xa xôi, nơi hẻo lánh, nhiều đường ngang, lối rẽ vắng vẻ đang mong chờ những dấu chân mở lối.

Mặc dù thế, riêng cuốn sách nhỏ này đã dừng lại. Dừng lại - cũng nghĩa là có thể sẽ bước tiếp.

Làng Khương, ngày 6-6-2008

PHỤ LỤC

Trong cuốn sách này, người soạn cố gắng chỉ dùng những chuyện và người cũng như những thành ngữ, tục ngữ của dân tộc Việt Nam ta.

Như thế, không có nghĩa là ta đóng cửa với kho tàng vô tận của trí khôn nhân loại. Đến phần này, xin chọn gửi tới bạn đọc những lời vàng, ý ngọc của nhiều dân tộc trên thế giới thông qua những câu tổng kết của trí tuệ nhân dân.

Ta sẽ nhận thấy sự gần gũi và thống nhất về những quan niệm chân, thiện, mỹ của nhân loại, đồng thời cũng hiểu thêm cách nói, cách nghĩ riêng biệt của từng đất nước.

Chúng ta cũng sẽ thấy tự hào vì những đóng góp đặc sắc của kho tàng vốn sống của Việt Nam ta.

+ Người nào giữ miệng được thì giữ tâm được.

Tục ngữ Anh

+ Những lời thì thầm dịu ngọt dễ dẫn đến lạc đường.

Ngạn ngữ Đức

+ Người không biết mỉm cười không nên mở một cửa hàng.

Ngạn ngữ Trung Quốc

+ Một ngày hôm nay quý giá gấp đôi ngày mai.

Tục ngữ Nhật Bản

+ Nếu bạn chờ đợi ngày mai, ngày mai đến.

Nếu bạn không chờ đợi ngày mai, ngày mai cũng đến.

Tục ngữ Xênêgan

+ Kẻ ngu dốt không bao giờ chịu thua trong những cuộc cãi vã.

Phương ngôn Nhật Bản

+ Bếp ăn nhỏ sẽ làm cho nhà to ra.

Tục ngữ Pháp

+ Một lần nói dối, suốt đời không ai tin.

Tục ngữ Nga

+ Nói láo mà có lợi còn hơn nói thật mà gây tai hoạ.

Tục ngữ Ba Tư

+ Một gương mặt không bao giờ có nụ cười là bằng chứng của một tâm hồn xấu xa.

Tục ngữ xứ Basque

+ Trong lặng lẽ, người ta tìm được phương pháp để đối phó hơn là la lối.

Ngạn ngữ Ảrập

+ Tiểu nhân nói đến những gì mình đã ăn, đã uống.

Quân tử nói đến những gì mình đã thấy, đã nghe.

Ngạn ngữ Mông Cổ

+ Nếu chào hỏi rượu thì chào từ biệt luôn trí khôn.

Tục ngữ Gruzia

+ Hãy nói những gì anh nghĩ và hãy nghĩ những gì anh nói.

Tục ngữ Anh

+ Càng ba hoa lắm càng sai lầm nhiều.

Tục ngữ Campuchia

+ Cha mẹ tập cho ta biết nói nhưng đời dạy cho ta biết im lặng.

Tục ngữ Tiệp Khắc

+ Đừng nói tất cả những gì mình biết.
Đừng tin tất cả những gì mình nghe.
Đừng làm tất cả những gì mình có thể làm.

Tục ngữ Bồ Đào Nha

+ Vị đắng cay của tính kiên trì mang lại vị ngọt ngào của thắng lợi.

Ngạn ngữ Iran

+ Nhiều ngôi sao, đó là sự trang điểm cho bầu trời
Nhiều kiến thức, đó là sự trang điểm cho trí tuệ.

Tục ngữ Mông Cổ

+ Kiêu căng là đặc quyền của những kẻ khờ dại.

Tục ngữ Hy Lạp

+ Lịch sự là một thứ tiền bạc, nó không làm giàu cho người nhận mà làm giàu cho người tiêu tiền.

Tục ngữ Ba Tư

+ Cái lịch sự chân chính nhất là đừng làm gì để người ta chú ý đến mình.

Tục ngữ Anh

+ Yêu nhau ở bát canh. Mến nhau vì lời nói.

Tục ngữ Thái Lan

+ Lời nói là bạc, im lặng là vàng.

Tục ngữ Anh

+ Lời chưa nói, ta làm chủ nó; Nói ra rồi, nó làm chủ ta.

Tục ngữ Ảrập

+ Lời nói đúng lúc còn đắt hơn cả vàng bạc.

Ngạn ngữ Nam Tư

+ Nói dễ, làm khó, càng khó hơn là làm điều mình đã nói.

Tục ngữ Anh

+ Người nói là gieo, người nghe là gặt.

Ngạn ngữ Pháp

+ Con người cần hai năm để học nói, nhưng cần đến 60 năm để học được cách giữ gìn lời ăn, tiếng nói.

Tục ngữ Italia

+ Thắng được cơn nóng giận là chiến thắng kẻ thù lớn nhất của bản thân.

Tục ngữ Latinh

+ Lời đáp hay nhất cho sự tức giận là im lặng.

Tục ngữ Đức

+ Người nào không biết giận là người dại
Người nào không muốn giận là người khôn.

Ngạn ngữ Anh

+ Khi giúp đỡ ai thì miệng nên khép lại và tấm lòng nên mở ra.

Tục ngữ Ấn Độ

+ Giúp đỡ sốt sắng kể như giúp đỡ hai lần.

Tục ngữ Pháp

+ Hành động là quả, lời nói mới chỉ là lá.

Tục ngữ Anh

+ Người hạnh phúc là người có ba điều: khoẻ mạnh, giàu có và có tri thức.

Tục ngữ Hy Lạp

+ Đừng mở cái cửa mà anh không đóng lại được.

Tục ngữ Ba Tư

+ Kẻ hoang phí sẽ là ăn mày trong tương lai
Kẻ tham lam là kẻ ăn mày suốt đời.

Tục ngữ Ba Lan

+ Chữa đói bằng thực phẩm. Chữa dốt nát bằng học hỏi.

Tục ngữ Trung Hoa

+ Học người khôn, học cả người ngu.

Tục ngữ Nga

+ Học hành cũng như bơi ngược dòng nước, nếu không tiến ắt phải lùi.

Ngạn ngữ Trung Hoa

+ Học tập là hạt giống của kiến thức
Kiến thức là hạt giống của hạnh phúc.

Ngạn ngữ Gruzia

+ Không có sự thông minh nào bằng im lặng.

Tục ngữ Anh

+ Làm ơn thì nín, thọ ơn thì nói.

Tục ngữ Tây Ban Nha

+ Ở cho người khen, đi cho người nhớ,
Không về cho người nhắc.

Tục ngữ Lào

+ Điều gì bạn định nói, ngày mai hãy nói.

Tục ngữ Nhật Bản

+ Cười không đúng chỗ là sự thiếu trí tuệ của con người.

Tục ngữ Iran

+ Trong sự điềm đạm có sự trong sáng và lịch thiệp.

Tục ngữ Pháp

+ Người đàn ông ghen tuông đánh thuốc độc vào bữa ăn sang trọng của mình, để rồi tiếp tục dùng bữa ăn đó.

Ngạn ngữ Ba Tư

+ Biết ngựa thì thắng cương
Biết người khi giao tiếp.

Tục ngữ Nhật Bản

+ Sự giàu có là do hai tay: Một tay là sự khéo léo, một tay là sự tiết kiệm.

Tục ngữ Italia

+ Đừng ăn thỏa đói, đừng nói thỏa giận.

Tục ngữ Lào

+ Hành động trong cơn giận là tự làm đắm thuyền trong cơn giông bão.

Tục ngữ Đan Mạch

+ Khi nào hòa hợp giữa trái tim và lời nói sẽ nảy nở tình yêu.

Tục ngữ Ápganixtan

+ Hờn dỗi trong tình yêu không phải là biểu hiện của sự tan vỡ, mà chính nó làm nhuỵ hoa thêm tươi, bông hoa thêm đẹp.

Ngạn ngữ Ai Cập

+ Một vết chém của dao có thể chữa khỏi được, nhưng một vết chém của lưỡi thì khó lòng chữa khỏi.

Ngạn ngữ Tây Ban Nha

+ Sự kiềm chế là bắt đầu của sự lịch sự và đạo đức.

Ngạn ngữ Nga

+ Đàn bà không biết e thẹn giống như một món ăn thiếu muối.

Ngạn ngữ Ảrập

+ Người ta không thể học cưỡi ngựa mà không bị ngã.

Ngạn ngữ Mông Cổ

+ Một người nói hay không bằng một người nghe giỏi.

Ngạn ngữ Trung Quốc

+ Đẹp mà không có duyên, có khả năng quyến rũ mà không biết cầm giữ thì cũng giống như người đi câu có mồi mà không có lưỡi câu.

Ngạn ngữ Hy Lạp

+ Hãy hy vọng điều tốt nhất, nhưng hãy chuẩn bị cho điều xấu nhất.

Ngạn ngữ Anh

+ Không làm một điều gì, có nghĩa là đã làm điều xấu.

Ngạn ngữ Tây Ban Nha

+ Đừng thương tiếc hôm qua, đừng chờ đợi ngày mai, đừng lảng tránh hôm nay.

Ngạn ngữ Pháp

+ Muốn nói phải nghĩ đến làm
Muốn làm phải nhớ đến nói.

Cổ ngữ Trung Quốc

+ Trời giúp người nào tự cứu mình.

Ngạn ngữ Anh

+ Xem việc biết người. Xem trong bếp biết nết đàn bà.

Tục ngữ Anh

+ Thế giới là một cuốn sách, kẻ nào bo bo ở xó nhà mới chỉ đọc được có một trang thôi.

Ngạn ngữ Anh

+ Người cậy ở tâm, cây nương vào rễ.

Tục ngữ Hán

+ Quá nhiều đầu bếp sẽ làm hỏng nồi cháo.

Ngạn ngữ Anh

+ Bạn cùng bàn dễ kiếm
Bạn sống chết khó tìm.

Tục ngữ Lào

+ Nhìn rồi hãy uống
Đọc rồi hãy ký.

Tục ngữ Tây Ban Nha

+ Cái gì cũng nói biết là không biết gì cả.

Tục ngữ Anh

+ Hãy nghe sẽ được sự khôn ngoan
Hãy nói sẽ gặp sự hối hận.

Tục ngữ Anh

+ Những đàn bà càng làm đẹp chừng nào thì bữa ăn của gia đình họ càng ít ngon chừng ấy!

Tục ngữ Hà Lan

+ Đẹp bề ngoài hôn hoài chẳng thơm.

Tục ngữ Lào

+ Có chồng hãy khéo khen, có em hãy khéo dỗ.

Tục ngữ Lào

+ Đi khắp gầm trời, mẹ là tốt nhất. Ăn khắp trăm món, muối vẫn hàng đầu.

Tục ngữ Trung Quốc

+ Thượng đế không thể có mặt mọi nơi, vì thế ngài đã tạo ra các bà mẹ.

Ngạn ngữ Do Thái

+ Một cuốn sách xấu cũng như một người bạn xấu.

Ngạn ngữ Đức

+ Không đủ thông minh để nói lời thích hợp, không đủ khôn ngoan để im lặng - đó là những nguyên nhân của mọi sự thô lỗ.

Ngạn ngữ Nhật Bản

+ Thói quen, lúc đầu là mạng nhện, sau là dây cáp.

Tục ngữ Tây Ban Nha

+ Người nào có sức khỏe là có hy vọng, người nào có hy vọng là có tất cả.

Tục ngữ Ảrập

+ Nói không suy nghĩ khác nào bắn mà không ngắm.

Ngạn ngữ Tây Ban Nha

+ Một lạng trung thực bằng một tấn thông minh.

Ngạn ngữ Đức

+ Khôn trí trá không bằng vụng thật thà
Lời nói xảo không sánh được với lời nói thẳng.

Tục ngữ Hán

+ Do dự là kẻ ăn cắp thời giờ.

Ngạn ngữ Anh

+ Làm ác gặp ác, làm lành thì vui thay.

Tục ngữ Hán

+ Sông hẹp nước chảy xiết, người lúc ngặt sinh mưu.

Tục ngữ Hán

+ Kẻ nào không biết mà không biết rằng mình không biết, là một kẻ điên; anh nên đánh nó.

Kẻ nào không biết mà biết rằng mình không biết, là một đứa trẻ nít; anh nên dạy nó.

Kẻ nào biết mà không biết rằng mình biết, là một người mê ngủ; anh nên đánh thức hắn dậy.

Kẻ nào biết mà biết rằng mình biết, là một người khôn; anh nên theo hắn.

Tục ngữ Ba Tư

+ Hãy tìm đến với những người thông minh và trung thực, thận trọng với những kẻ thông minh nhưng dối trá, thương hại những kẻ thành thực nhưng ngốc nghếch, tránh xa những kẻ dối trá và ngu xuẩn.

Châm ngôn Ấn Độ

+ Tri thức làm ta khiêm tốn. Ngu si làm ta kiêu ngạo.

Ngạn ngữ Anh

+ Nước sông sạch là nhờ nước suối trong.

Ngạn ngữ Triều Tiên

+ Quà tặng kèm theo lời nói nhã nhặn, tài giỏi mà không kiêu căng, dũng cảm mà khôn khéo, giàu có mà không keo kiệt. Đó chính là bốn thứ của hiếm.

Châm ngôn Ấn Độ

+ Chiến trường thử thách người dũng cảm, cơn giận thử thách người khôn ngoan, khó khăn thử thách bạn bè.

Ngạn ngữ Anh

+ Con cá to nhất là con cá nhảy ra ngoài lưới. Con dê rừng béo nhất là con bắn trượt. Người đàn bà đẹp nhất là người bỏ anh mà đi.

Phương ngôn Đaghextan

+ Hãy nghi ngờ những cái cửa có nhiều chìa khóa.

Tục ngữ Bồ Đào Nha

+ Hoàn cảnh là sức chi phối đối với kẻ nhu nhược, là dụng cụ đối với người thông thái.

Ngụ ngôn Đức

+ Người nào dễ dàng hứa hẹn thì cũng dễ dàng quên lời.

Ngạn ngữ Anh

+ Làm phật ý vì một trăm lời từ chối còn tốt hơn bội ước một lần.

Ngạn ngữ Trung Quốc

+ Khôn ngoan đến với sự lắng nghe, hối hận đến với sự ba hoa.

Ngạn ngữ Italia

+ Đừng bao giờ khuyên răn ai giữa đám đông.

Ngạn ngữ Ảrập

+ Đừng bao giờ khuyên ai trừ khi họ hỏi mình.

Ngạn ngữ Đức

+ Đi đường cần có bạn hiền, nơi ở cần láng giềng tốt.

Tục ngữ Hán

+ Mẹ hiền sinh con ngoan, lúa tốt cho gạo ngon.

Tục ngữ Hán

+ Hãy làm cỏ khi có nắng (chớp lấy thời cơ).

Ngạn ngữ Anh

+ Thường rất khó nói ra sự thật cho người khác nghe, càng khó hơn nữa là tự thú với mình.

Ngạn ngữ Pháp

+ Nếu tâm hồn bạn là đóa hồng thì miệng bạn sẽ thốt lên những lời ngát hương.

Tục ngữ Nga

+ Thói quen lúc đầu chỉ là một làn khói, dần dần nó trở thành sợi tơ nhện, rồi là một sợi dây thừng.

Ngạn ngữ Tây Ban Nha

+ Anh có thể không giữ được ngày hôm nay, nhưng anh có thể đừng để mất nó.

Ngạn ngữ Latinh

+ Chính những cái thùng rỗng lăn trên đường thì kêu to hơn thùng đựng rượu.

Tục ngữ Pháp

+ Tiền mất kiếm được, lòng mất khó tìm.

Tục ngữ Lào

+ Đừng tin vào tai, hãy tin vào mắt.

Ngạn ngữ Đức

+ Đói, cái gì cũng ngon. Yêu, cái gì cũng đẹp.

Tục ngữ Campuchia

+ Khi hai người tranh cãi về tôn giáo thì ít nhất trong đó có một người điên.

Tục ngữ Ảrập

+ Hãy hỏi ý kiến cả người già lẫn người trẻ, nhưng nên tin vào trí tuệ của mình.

+ Vâng lời hết mực chưa phải là người trung thành.

Ngạn ngữ Nhật Bản

+ Nếu bạn muốn thành công hãy hỏi ý kiến ba người già.

Tục ngữ Trung Quốc

+ Mọi tự do giới hạn ở chỗ chạm tới tự do của người khác.

Ngạn ngữ Pháp

+ Đừng ca ngợi ngày đẹp trước khi trời chiều.

Tục ngữ Campuchia

+ Xấu hổ là vẻ đẹp của đạo đức.

Tục ngữ Hy Lạp

+ Người tìm học đạo nghĩa mà không áp dụng trong đời sống cũng như kẻ cày ruộng mà không gieo giống.

Ngạn ngữ Ba Tư

+ Bụng bự không bao giờ đẻ ra óc tế nhị.

Ngạn ngữ Hy Lạp

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1- Khổng Diễn (Chủ biên): *Dân tộc La Hủ ở Việt Nam,* Nxb. Văn hoá dân tộc, Hà Nội, 2002.

2- Cao Sơn Hải: *Tục ngữ Mường Thanh Hoá*, Nxb. Văn hoá - Thông tin, Hà Nội, 2002.

3- Vũ Ngọc Khánh: *Hành trình vào thế giới Folklove Việt Nam,* Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 2005.

4- Nguyễn Lân: *Từ điển thành ngữ và tục ngữ Việt Nam,* Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2008.

5- Trần Ngọc Lân: *Lời của người xưa*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 2005.

6- Nguyễn Lực: *Thành ngữ đồng nghĩa tiếng Việt,* Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 2006.

7- Nguyễn Lực: *Thành ngữ tiếng Việt*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 2002.

8- Nguyễn Sỹ Mai: *Sinh học trong ca dao tục ngữ*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 2001.

9- Nhiều tác giả: *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam - Văn học dân tộc ít người*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1979.

10- Thanh Vân, Nguyễn Duy Nhường: *Từ điển danh ngôn Đông Tây*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 2004.

11- Vũ Ngọc Phan: *Tục ngữ ca dao dân ca Việt Nam*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2003.

12- Nhất Phương: *Ca dao, tục ngữ Việt Nam,* Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 2006.

13- Nguyễn Hùng Trương: *Từ điển lời hay ý đẹp*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 2002, t.1, t.2.

14- Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam: *Từ điển Tiếng Việt*, Trung tâm từ điển học - Vietlex - Nxb. Đà Nẵng, Hà Nội, 2008.

MỤC LỤC

Chịu trách nhiệm xuất bản
TS. NGUYỄN DUY HÙNG
Chịu trách nhiệm nội dung
ĐOÀN MINH TUẤN

Biên tập nội dung: TS. LƯU TRẦN LUÂN
NGUYỄN KHÁNH VÂN
NGUYỄN KIM THANH
PHAN HƯƠNG GIANG
Vẽ bìa: DƯƠNG THÁI SƠN
Chế bản vi tính: ĐÀO BÍCH
Sửa bản in: PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT
Đọc sách mẫu: HƯƠNG GIANG

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT, 12/86 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: 080 49221, Fax: 080 49222, E-mail: suthat@hn.vnn.vn, Website: www.nxbctqg.vn

